**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**ĐỀ ÁN**

**THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ PHỔ YÊN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

****

**Thái Nguyên - năm 2021**

MỤC LỤC

[Phần thứ nhất CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT 1](#_Toc80110400)

[I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 1](#_Toc80110401)

[II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ PHỔ YÊN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ PHỔ YÊN THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN 3](#_Toc80110402)

[1. Sự cần thiết thành lập các phường thuộc thị xã 3](#_Toc80110403)

[2. Sự cần thiết thành lập thành phố Phổ Yên 4](#_Toc80110404)

[Phần thứ hai LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA THỊ XÃ PHỔ YÊN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN 7](#_Toc80110405)

[A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ PHỔ YÊN 7](#_Toc80110406)

[I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH 7](#_Toc80110407)

[II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN 8](#_Toc80110408)

[1. Vị trí địa lý 8](#_Toc80110409)

[2. Điều kiện tự nhiên 9](#_Toc80110410)

[III. CHỨC NĂNG, VAI TRÒ 10](#_Toc80110411)

[IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG 11](#_Toc80110412)

[1. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 11](#_Toc80110413)

[2. Dân số và cơ cấu lao động 11](#_Toc80110414)

[V. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ 12](#_Toc80110415)

[1. Công nghiệp - xây dựng 13](#_Toc80110416)

[2. Về thương mại - dịch vụ, du lịch 16](#_Toc80110417)

[3. Về nông - lâm - thủy sản 18](#_Toc80110418)

[4. Công tác thu - chi ngân sách 18](#_Toc80110419)

[VI. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI 19](#_Toc80110420)

[1. Giáo dục và đào tạo 19](#_Toc80110421)

[2. Y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình 20](#_Toc80110422)

[3. Văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao 22](#_Toc80110423)

[4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm 22](#_Toc80110424)

[VII. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI 23](#_Toc80110425)

[1. Nhà ở 23](#_Toc80110426)

[2. Công trình công cộng 24](#_Toc80110427)

[VIII. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT 26](#_Toc80110428)

[1. Hệ thống giao thông 26](#_Toc80110429)

[2. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng 27](#_Toc80110430)

[3. Cấp nước 27](#_Toc80110431)

[4. Thoát nước và xử lý nước thải 28](#_Toc80110432)

[5. Viễn thông, thông tin liên lạc 29](#_Toc80110433)

[6. Vệ sinh môi trường 29](#_Toc80110434)

[IX. HIỆN TRẠNG QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI 31](#_Toc80110435)

[1. Quốc phòng 31](#_Toc80110436)

[2. An ninh và trật tự an toàn xã hội 32](#_Toc80110437)

[X. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC 32](#_Toc80110438)

[1. Thị ủy Phổ Yên 32](#_Toc80110439)

[2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã Phổ Yên 32](#_Toc80110440)

[3. Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Phổ Yên và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội 33](#_Toc80110441)

[B. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÓ LIÊN QUAN 33](#_Toc80110442)

[I. XÃ ĐẮC SƠN 33](#_Toc80110443)

[1. Lịch sử hình thành 33](#_Toc80110444)

[2. Địa giới hành chính 34](#_Toc80110445)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 34](#_Toc80110446)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 34](#_Toc80110447)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 34](#_Toc80110448)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 36](#_Toc80110449)

[7. Hiện trạng quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 38](#_Toc80110450)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 38](#_Toc80110451)

[II. XÃ NAM TIẾN 38](#_Toc80110452)

[1. Lịch sử hình thành 38](#_Toc80110453)

[2. Địa giới hành chính 39](#_Toc80110454)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 39](#_Toc80110455)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 39](#_Toc80110456)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 39](#_Toc80110457)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 41](#_Toc80110458)

[7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 42](#_Toc80110459)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 43](#_Toc80110460)

[III. XÃ TIÊN PHONG 43](#_Toc80110461)

[1. Lịch sử hình thành 43](#_Toc80110462)

[2. Địa giới hành chính 44](#_Toc80110463)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 44](#_Toc80110464)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 44](#_Toc80110465)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 44](#_Toc80110466)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 46](#_Toc80110467)

[7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 47](#_Toc80110468)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 48](#_Toc80110469)

[IV. XÃ ĐÔNG CAO 49](#_Toc80110470)

[1. Lịch sử hình thành 49](#_Toc80110471)

[2. Địa giới hành chính 49](#_Toc80110472)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 50](#_Toc80110473)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 50](#_Toc80110474)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 50](#_Toc80110475)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 52](#_Toc80110476)

[7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 53](#_Toc80110477)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 54](#_Toc80110478)

[V. XÃ TÂN PHÚ 54](#_Toc80110479)

[1. Lịch sử hình thành 54](#_Toc80110480)

[2. Địa giới hành chính 55](#_Toc80110481)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 55](#_Toc80110482)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 55](#_Toc80110483)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 55](#_Toc80110484)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 57](#_Toc80110485)

[7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 58](#_Toc80110486)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 59](#_Toc80110487)

[VI. XÃ THUẬN THÀNH 59](#_Toc80110488)

[1. Lịch sử hình thành 59](#_Toc80110489)

[2. Địa giới hành chính 60](#_Toc80110490)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 60](#_Toc80110491)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 60](#_Toc80110492)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 60](#_Toc80110493)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 62](#_Toc80110494)

[7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 63](#_Toc80110495)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 64](#_Toc80110496)

[VII. XÃ HỒNG TIẾN 64](#_Toc80110497)

[1. Lịch sử hình thành 64](#_Toc80110498)

[2. Địa giới hành chính 65](#_Toc80110499)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 65](#_Toc80110500)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 65](#_Toc80110501)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 65](#_Toc80110502)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 67](#_Toc80110503)

[7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 68](#_Toc80110504)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 69](#_Toc80110505)

[VIII. XÃ TÂN HƯƠNG 69](#_Toc80110506)

[1. Lịch sử hình thành 69](#_Toc80110507)

[2. Địa giới hành chính 70](#_Toc80110508)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 70](#_Toc80110509)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 71](#_Toc80110510)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 71](#_Toc80110511)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 72](#_Toc80110512)

[7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 73](#_Toc80110513)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 74](#_Toc80110514)

[IX. XÃ TRUNG THÀNH 75](#_Toc80110515)

[1. Lịch sử hình thành 75](#_Toc80110516)

[2. Địa giới hành chính 75](#_Toc80110517)

[3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất 76](#_Toc80110518)

[4. Dân số và cơ cấu lao động 76](#_Toc80110519)

[5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội 76](#_Toc80110520)

[6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng 78](#_Toc80110521)

[7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội 79](#_Toc80110522)

[8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức 80](#_Toc80110523)

[C. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ 80](#_Toc80110524)

[I. VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH 80](#_Toc80110525)

[II. TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH 81](#_Toc80110526)

[1. Tiêu chuẩn thành lập các phường 81](#_Toc80110527)

[2. Tiêu chuẩn thành lập thành phố 95](#_Toc80110528)

[Phần thứ ba PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ PHỔ YÊN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN 97](#_Toc80110529)

[I. HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN 97](#_Toc80110530)

[1. Tỉnh Thái Nguyên 97](#_Toc80110531)

[2. Thị xã Phổ Yên 97](#_Toc80110532)

[3. Xã Đắc Sơn 98](#_Toc80110533)

[4. Xã Nam Tiến 98](#_Toc80110534)

[5. Xã Tiên Phong 98](#_Toc80110535)

[6. Xã Đông Cao 98](#_Toc80110536)

[7. Xã Tân Phú 99](#_Toc80110537)

[8. Xã Thuận Thành 99](#_Toc80110538)

[9. Xã Hồng Tiến 99](#_Toc80110539)

[10. Xã Tân Hương 99](#_Toc80110540)

[11. Xã Trung Thành 99](#_Toc80110541)

[II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH 100](#_Toc80110542)

[1. Phương án thành lập các phường thuộc thị xã 100](#_Toc80110543)

[2. Phương án thành lập thành phố 101](#_Toc80110544)

[III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ 101](#_Toc80110545)

[1. Tỉnh Thái Nguyên 101](#_Toc80110546)

[2. Thành phố Phổ Yên 102](#_Toc80110547)

[3. Phường Đắc Sơn 102](#_Toc80110548)

[4. Phường Nam Tiến 102](#_Toc80110549)

[5. Phường Tiên Phong 102](#_Toc80110550)

[6. Phường Đông Cao 102](#_Toc80110551)

[7. Phường Tân Phú 103](#_Toc80110552)

[8. Phường Thuận Thành 103](#_Toc80110553)

[9. Phường Hồng Tiến 103](#_Toc80110554)

[10. Phường Tân Hương 103](#_Toc80110555)

[11. Phường Trung Thành 103](#_Toc80110556)

[Phần thứ tư ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP 104](#_Toc80110557)

[A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG 104](#_Toc80110558)

[I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ PHỔ YÊN 104](#_Toc80110559)

[1. Tác động về kinh tế - xã hội 104](#_Toc80110560)

[2. Tác động về quản lý hành chính 106](#_Toc80110561)

[3. Tác động đến môi trường 107](#_Toc80110562)

[4. Tác động về quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội 108](#_Toc80110563)

[5. Tác động nguồn vốn đầu tư 109](#_Toc80110564)

[6. Tác động đến kiến trúc đô thị cảnh quan 110](#_Toc80110565)

[II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THÀNH PHỐ 111](#_Toc80110566)

[1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội 111](#_Toc80110567)

[2. Tác động đến quản lý hành chính 113](#_Toc80110568)

[3. Tác động đến đời sống người dân 114](#_Toc80110569)

[4. Tác động đến môi trường 115](#_Toc80110570)

[5. Tác động đến quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội 117](#_Toc80110571)

[6. Tác động nguồn vốn đầu tư 118](#_Toc80110572)

[7. Kiến trúc đô thị và cảnh quan 119](#_Toc80110573)

[B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ SAU KHI THÀNH LẬP 120](#_Toc80110574)

[I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ PHỔ YÊN 120](#_Toc80110575)

[1. Định hướng chung 120](#_Toc80110576)

[2. Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn đến 2025 121](#_Toc80110577)

[3. Định hướng phát triển các phường 125](#_Toc80110578)

[II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH 131](#_Toc80110579)

[1. Về kinh tế 131](#_Toc80110580)

[2. Về văn hóa - xã hội 134](#_Toc80110581)

[3. Về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển hạ tầng đô thị 135](#_Toc80110582)

[4. Về bảo vệ môi trường 136](#_Toc80110583)

[5. Về an ninh - quốc phòng 137](#_Toc80110584)

[6. Đảm bảo nguồn thu của các xã sau khi thành lập phường 138](#_Toc80110585)

[III. VỀ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 KHÓA XII 139](#_Toc80110586)

[1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức 139](#_Toc80110587)

[2. Phương án sắp xếp đội ngũ cán bộ công an thành phố và các phường 141](#_Toc80110588)

[3. Thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên 142](#_Toc80110589)

[IV. NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ 142](#_Toc80110590)

[1. Nhu cầu nguồn vốn 142](#_Toc80110591)

[2. Giải pháp huy động vốn 142](#_Toc80110592)

[3. Kế hoạch đầu tư phát triển thị xã Phổ Yên 143](#_Toc80110593)

[Phần thứ năm KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 149](#_Toc80110594)

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /ĐA-UBND | *Thái Nguyên, ngày tháng năm 2021* |

**ĐỀ ÁN**

**Thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và   
thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên**

# Phần thứ nhất CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

*Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

*Công văn số 262/UBTVQH14-PL ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thống nhất thực hiện các quy định về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6;*

*Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;*

*Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;*

*Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;*

*Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021* - *2030;*

*Công văn số 2145/BNV-CQĐP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nội vụ về việc thống nhất thực hiện quy định về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 6;*

*Quyết định số 530/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc công nhận thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên là đô thị loại III;*

*Văn bản số 3028/BXD-PTĐT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc rà soát, đánh giá đô thị loại III đối với thị xã Phổ Yên (dự kiến mở rộng khu vực nội thị và đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng cửa các khu vực dự kiến thành lập phường;*

*Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;*

*Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, phát triển thị xã Phổ Yên trở thành thành phố trực thuộc tỉnh trước năm 2025;*

*Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035;*

*Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2035;*

*Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035;*

*Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị xã Phổ Yên giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn 2030;*

*Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2035;*

*Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035;*

*Công văn số 2689/UBND-NC ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập thành phố Phổ Yên và thành lập các phường thuộc thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.*

## II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ PHỔ YÊN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ PHỔ YÊN THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN

### 1. Sự cần thiết thành lập các phường thuộc thị xã

Thực hiện Quy hoạch chung xây dựng thị xã Phổ Yên tại Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Quy hoạch vùng tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, với mục tiêu xây dựng thị xã Phổ Yên trở thành thành phố năng động, hiện đại và văn minh, trong những năm qua công tác quy hoạch đã được thị xã Phổ Yên chỉ đạo quyết liệt, tạo nên những chuyển biến rõ nét, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư phát triển, góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội. Hòa chung với sự phát triển của thị xã Phổ Yên, nền kinh tế - xã hội của các xã Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành đã có những bước phát triển mạnh mẽ, cơ cấu kinh tế dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn các xã chiếm trên tỷ lệ cao; tổng thu ngân sách hàng năm của các xã đều đạt và vượt chỉ tiêu của thị xã giao, góp phần bổ sung ngân sách cho thị xã; công tác văn hóa - xã hội trên địa bàn các xã có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện; công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm, chú trọng; chất lượng hệ thống giáo dục, y tế ngày càng được nâng cao đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn.

Các xã nêu trên là khu vực giáp ranh với khu vực nội thị hiện hữu của thị xã Phổ Yên, đồng thời cũng là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp, trường học, khu, cụm công nghiệp… đã làm tăng nhanh dân số cơ học, dẫn đến quy mô, mật độ dân số của các xã ngày càng tăng; dân cư chuyển sang sinh sống bằng các ngành nghề kinh doanh, thương mại, sản xuất công nghiệp và xây dựng, làm tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trên địa bàn các xã; kết cấu hạ tầng kỹ thuật được đầu tư xây dựng đồng bộ; hệ thống giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; hệ thống cấp nước, thoát nước được đầu tư xây dựng hoàn thiện; các tuyến đường chính được lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng; các hộ dân được sử dụng nước sạch; rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa đã đặt ra cho các xã Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư theo mô hình đô thị, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Từ những vấn đề trên, có thể thấy mô hình quản lý chính quyền nông thôn hiện nay không còn phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn các xã, đòi hỏi phải có mô hình chính quyền đô thị để quản lý.

Bên cạnh đó, các xã Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành có vị trí quan trọng, chiến lược đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của thị xã Phổ Yên và tỉnh Thái Nguyên. Việc thành lập các phường Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của các xã tương ứng sẽ tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính Nhà nước trên địa bàn theo hướng tập trung, thống nhất, nâng cao hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn; phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống đô thị Việt Nam nói chung và hệ thống đô thị tỉnh Thái Nguyên nói riêng, phù hợp với các chủ trương, định hướng của tỉnh và của thị xã. Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, Nghị quyết 1210/2106/UBTVQH13 về phân loại đô thị các xã Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành đáp ứng đủ 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường[[1]](#footnote-1).

### 2. Sự cần thiết thành lập thành phố Phổ Yên

Thị xã Phổ Yên có 258,42 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 231.363 người (đã bao gồm cả dân số quy đổi); có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 4 phường và 14 xã; nằm ở vị trí cửa ngõ phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội, với chức năng là trung tâm, cực kinh tế phía Nam của tỉnh, trung tâm thương mại và dịch vụ, nơi hội tụ những giá trị truyền thống văn hóa, tinh thần của dân tộc và ý chí cách mạng của Nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên; là đầu mối giao thông có vai trò thúc đẩy kinh tế - xã hội của vùng phía Nam tỉnh Thái Nguyên và là cửa ngõ giao thương kinh tế, văn hóa của tỉnh với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng.

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế của thị xã đã từng bước chuyển mình theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - thương mại và dịch vụ; hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Năm 2020, do sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, tuy nhiên nền kinh tế của thị xã vẫn có sự phát triển ổn định. Tổng giá trị tăng thêm năm 2020 đạt 52.737 tỷ đồng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ đạt 3.309 tỷ đồng, chiếm 6,27%; ngành công nghiệp - xây dựng đạt 47.706 tỷ đồng, chiếm 90,46%; ngành nông - lâm - thủy sản đạt 1.772 tỷ đồng, chiếm 3,27%. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2020 đạt 1.302,52 tỷ đồng đã tạo nguồn thu đảm bảo cuộc sống người dân.

Hơn nữa, thị xã Phổ Yên có địa hình tương đối bằng phẳng, nguồn nhân lực lao động dồi dào, vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống giao thông đồng bộ bao gồm đường sắt, đường thủy (đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, đường Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên, đường Quốc lộ 3 cũ, cụm cảng Đa Phúc), ngoài ra trong thời gian tới thị xã Phổ Yên còn được kết nối bởi Quốc lộ 37 (từ tỉnh Bắc Giang kết nối với khu công nghiệp Yên Bình, đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội), nâng cấp đường tỉnh 261 trở thành quốc lộ và sẽ kết nối tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Tuyên Quang, hình thành mạng lưới giao thông tương đối hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông, phát triển kinh tế - xã hội và thu hút mạnh đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn thị xã cũng như vùng phía Nam tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh đó, trên địa bàn thị xã còn có rất nhiều khu công nghiệp như: khu công nghiệp Yên Bình 1, Yên Bình 2, khu công nghiệp Nam Phổ Yên, khu công nghiệp Điềm Thụy… tạo cơ hội việc làm lớn, tăng thu nhập cho người dân thị xã cũng như người dân trong các khu vực lân cận, thúc đẩy phát triển dịch vụ thương mại. Hơn nữa, thị xã Phổ Yên đang tích cực triển khai 06 dự án với tổng nhu cầu vốn là 906 tỷ đồng đang tạo ra nhiều cơ hội mới cho thị xã, bao gồm: dự án xây dựng quần thể văn hóa - thể thao - công viên cây xanh thị xã Phổ Yên, dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ ngã tư Thanh Xuyên đi Đê Chã, dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (ngã 4 Nam Tiến) đi trung tâm văn hóa xã Nam Tiến, dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân Y 91, dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, phường Ba Hàng, dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội đi khu di tích Lý Nam Đế, xã Tiên Phong...

Ngoài ra, thị xã Phổ Yên còn có thế mạnh về phát triển du lịch, ở phía Tây của thị xã Phổ Yên hiện vẫn giữ được những cảnh quan đồng ruộng, đồi núi mang vẻ đẹp tự nhiên, nơi đây vẫn được nhiều du khách đến với các địa điểm du lịch trải nghiệm như: hồ Suối Lạnh, hồ Nước Hai và vùng trồng cây lâu năm (chè, nhãn...). Nhằm khai thác lợi thế trên, thị xã đã chủ trương phát triển khu du lịch sinh thái phía Đông Tam Đảo gắn với các điểm du lịch kể trên, đặc biệt là khu vực hồ Suối Lạnh, xã Thành Công, với nhiều phân khu chức năng như: khu vui chơi giải trí, khu du lịch tâm linh, khu làng sinh thái, khu biệt thự nghỉ dưỡng… mang đến bộ mặt cảnh quan mới cho thị xã Phổ Yên nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung. Ngoài những giá trị về cảnh quan, thị xã Phổ Yên còn là mảnh đất có nhiều di tích lịch sử văn hóa gắn với các lễ hội truyền thống, thuận lợi để phát triển du lịch tâm linh như: khu di tích Lý Nam Đế (gồm đền Mục, chùa Hương Ấp và chùa Mãn Tăng), đình Thù Lâm, đình Giã Thù, chùa Di. Đây là những điều kiện thuận lợi để địa phương thu hút phát triển công nghiệp cũng như dịch vụ du lịch.

Sau nhiều năm phấn đấu, đến năm 2019 thị xã Phổ Yên được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 530/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Bộ Xây dựng. Ngoài những khu đô thị, khu dân cư tập trung hiện hữu, trên địa bàn thị xã đã và đang hình thành các đô thị mới gồm: khu đô thị dịch vụ Yên Bình, khu đô thị Đại Phong, khu dân cư Hồng Phong… Đặc biệt, dự án khu đô thị Việt Hàn có quy mô 38 ha với tổng mức đầu tư lên đến trên 1.455 tỷ đồng được thị xã lựa chọn là khu đô thị kiểu mẫu được xây dựng đồng bộ cả về hạ tầng, công trình công cộng cũng như nhà ở. Bên cạnh đó, thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, phát triển thị xã Phổ Yên trở thành thành phố trực thuộc tỉnh trước năm 2025, thị xã Phổ Yên đã tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn của một đô thị năng động, hiện đại và văn minh.

Việc thành lập thành phố Phổ Yên trực thuộc tỉnh Thái Nguyên là phù hợp với hiện trạng phát triển và tốc độ đô thị hóa của thị xã trong thời gian qua, đảm bảo định hướng theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quy hoạch vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 tại Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2035 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 tại Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017. Trong đó, xác định thị xã Phổ Yên định hướng từ đô thị loại III lên đô thị loại II trong giai đoạn 2021 - 2015 làm cơ sở thành lập thành phố Phổ Yên trực thuộc tỉnh với chức năng là trung tâm tiếp nhận, chuyển giao và lan tỏa công nghệ hiện đại của tỉnh.

Nhằm khắc phục những tồn tại trong các lĩnh vực như: quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc, quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật, quản lý dân cư; phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường...; đồng thời, để đảm bảo cho mục tiêu, định hướng phát triển và mang lại nhiều lợi ích cho thị xã Phổ Yên nói riêng cũng như lợi ích của tỉnh Thái Nguyên nói chung, cần có một giải pháp quản lý phù hợp trong công tác chính quyền địa phương, nhằm nâng cao hiệu quả của chính quyền trong quản lý tổng thể xã hội. Do vậy, việc thành lập thành phố Phổ Yên sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức chính quyền phù hợp, tạo tiền đề cho Phổ Yên hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã. Hướng tới mục tiêu phát triển, nâng cấp đô thị Phổ Yên đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trực thuộc tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn đến năm 2025. Việc thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn phù hợp với các quy định hiện hành, tương xứng với vị thế địa chính trị, địa kinh tế, văn hóa, xã hội và phù hợp với hiện trạng phát triển của thị xã trong những năm gần đây, tạo điều kiện phát huy tốt hơn nữa các tiềm năng, lợi thế sẵn có, đồng thời tiếp thêm sức mạnh tinh thần để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân thị xã tiếp tục phát huy sức mạnh nội lực, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, nâng cao đời sống của Nhân dân, thúc đẩy nhanh việc xây dựng Phổ Yên thành thành phố động lực theo định hướng.

# Phần thứ hai LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA THỊ XÃ PHỔ YÊN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

## A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ PHỔ YÊN

## I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Thời nhà Nguyễn, tỉnh Thái Nguyên có 2 phủ là Phú Bình và Thông Hóa. Huyện Phổ Yên lúc bấy giờ thuộc phủ Phú Bình, huyện lỵ đặt ở xã Lợi Xá.

Dưới thời Pháp thuộc, từ tháng 10 năm 1890 đến tháng 9 năm 1892, huyện Phổ Yên nằm trong phủ Phú Bình, thuộc tiểu Quân khu Thái Nguyên - Đạo quan binh I Phả Lại.

Năm 1918, huyện Phổ Yên được đổi tên thành phủ Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên, gồm 8 tổng, với 36 làng.

Theo Sắc lệnh số 148/SL ngày 25 tháng 3 năm 1948 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phủ Phổ Yên được đổi thành huyện Phổ Yên.

Ngày 01 tháng 7 năm 1956, Khu tự trị Việt Bắc được thành lập (theo Sắc lệnh 268/SL của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa), huyện Phổ Yên tách khỏi tỉnh Thái Nguyên, để trở thành một huyện của tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 15 tháng 6 năm 1957, huyện Phổ Yên được nhập lại về tỉnh Thái Nguyên, thuộc Khu tự trị Việt Bắc.

Năm 1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, huyện Phổ Yên thuộc tỉnh Bắc Thái.

Ngày 26 tháng 10 năm 1967, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 416/NV thành lập thị trấn Nông trường Bắc Sơn (nay là thị trấn Bắc Sơn) thuộc huyện Phổ Yên.

Ngày 26 tháng 11 năm 1970, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 72-BT sáp nhập xã Đại Xuân vào xã Tiên Phong thuộc huyện Phổ Yên.

Ngày 09 tháng 9 năm 1972, Bộ trưởng phủ Thủ tướng ra Quyết định số 41/BT thành lập các thị trấn Mỏ Chè, Ba Hàng, Bãi Bông, thuộc huyện Phổ Yên.

Ngày 07 tháng 04 năm 1974, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 136/NV đổi tên các xã Hợp Thành thành Vạn Phái, Tân Tiến thành Đông Cao, Thắng Lợi thành Cải Đan.

Ngày 02 tháng 04 năm 1985, các xã Phúc Tân, Bình Sơn, Bá Xuyên, Tân Quang tách khỏi huyện Đồng Hỷ, sáp nhập về huyện Phổ Yên.

Ngày 11 tháng 04 năm 1985, thị trấn Mỏ Chè và 3 xã: Cải Đan, Tân Quang, Bá Xuyên tách khỏi huyện Phổ Yên để thành lập thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công). Huyện Phổ Yên còn lại 03 thị trấn và 16 xã.

Ngày 01 tháng 01 năm 1997, tỉnh Bắc Thái tách thành 2 tỉnh là Bắc Kạn và Thái Nguyên, huyện Phổ Yên trực thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 10 tháng 4 năm 1999, xã Bình Sơn, huyện Phổ Yên được sáp nhập vào thị xã Sông Công.

Ngày 13 tháng 01 năm 2011, giải thể thị trấn nông trường Bắc Sơn, điều chỉnh một phần diện tích và dân số của hai xã Phúc Thuận và Minh Đức để thành lập thị trấn Bắc Sơn.

Cuối năm 2014, huyện Phổ Yên có 3 thị trấn: Ba Hàng (huyện lỵ), Bắc Sơn, Bãi Bông và 15 xã.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 quyết định thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên hiện có, đồng thời thành lập 4 phường: Ba Hàng, Bắc Sơn, Bãi Bông, Đồng Tiến thuộc thị xã Phổ Yên. Hiện tại, thị xã Phổ Yên có 18 đơn vị hành chính, bao gồm: 4 phường (Ba Hàng, Bãi Bông, Bắc Sơn, Đồng Tiến) và 14 xã (Đắc Sơn, Đông Cao, Hồng Tiến, Minh Đức, Nam Tiến, Phúc Thuận, Phúc Tân, Tân Hương, Tân Phú, Thành Công, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành, Vạn Phái) hoạt động ổn định cho đến ngày nay.

## II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

### 1. Vị trí địa lý

Thị xã Phổ Yên nằm ở phía Nam tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên 26 km về phía Nam, cách Thủ đô Hà Nội 56 km về phía Bắc. Thị xã Phổ Yên có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

- Tây giáp huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Nam giáp thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

- Bắc giáp thành phố Sông Công và thành phố Thái Nguyên.

### 2. Điều kiện tự nhiên

a) Địa hình

Thị xã Phổ Yên có địa hình gò đồi và địa hình đồng bằng xen lẫn đồi núi thoải. Nền địa hình dốc dần từ Bắc xuống Nam và dốc dần về sông Công và sông Cầu.

b) Khí hậu

Thị xã Phổ Yên chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng miền núi phía Bắc. Nhiệt độ trung bình năm là 23,5oC, nhiệt độ cao nhất vào mùa Hè (tháng 06) lên tới 39oC, nhiệt độ thấp nhất vào mùa Đông (tháng 12) là 8,8oC. Độ ẩm không khí trung bình năm 81,9%, độ ẩm thấp nhất (tháng 12) là 77%, độ ẩm cao nhất là 85%. Lượng mưa trung bình năm là 1.321 mm, lượng mưa cao nhất trong năm là 1.854 mm tập trung vào tháng 06, 07, 08 và lượng mưa thấp nhất trong năm: 912 mm tập trung vào tháng 12 và 01.

Thị xã Phổ Yên có 2 loại gió chính: gió mùa Đông Bắc và gió Đông Nam. Gió mùa Đông Bắc kèm theo khí hậu lạnh, thường xuất hiện vào tháng 12 năm trước đến tháng 3 năm sau. Gió Đông Nam xuất hiện từ tháng 4 đến tháng 11 trong năm, khí hậu mát mẻ kèm theo mưa nhiều. Ngoài ra còn có gió Tây Nam thường xuyên xuất hiện xen kẽ trong mùa thịnh hành của gió Đông Nam, mỗi đợt kéo dài từ 2 - 3 ngày, gió Tây Nam khô, nóng ẩm, độ không khí thấp, đôi khi xuất hiện sương muối. Tốc độ gió trung bình 1,9 m/s. Tốc độ gió cực đại 24 m/s.

c) Thủy văn

Trên địa bàn thị xã Phổ Yên có hệ thống sông ngòi, kênh mương cùng với số lượng ao hồ dày đặc tạo điều kiện thuận lợi cung cấp nước ngọt quanh năm cho sản xuất và sinh hoạt của toàn thị xã.

- Sông Cầu: nằm trong hệ thống sông Thái Bình, lưu vực 3.480 km2, bắt nguồn từ huyện Chợ Đồn (tỉnh Bắc Kạn), chảy qua các huyện Bạch Thông, Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn), Phú Lương, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên, Phú Bình về Phổ Yên. Sông Cầu chảy theo hướng Bắc - Đông Nam, lưu lượng nước mùa mưa lên tới 3.500 m3/giây.

- Sông Công: xưa còn gọi là sông Giã (Giã Giang), sông Mão, có lưu vực 951 km2, bắt nguồn từ vùng núi Ba Lá (huyện Định Hóa), chảy qua huyện Đại Từ, thành phố Sông Công về Phổ Yên. Sông Công chảy qua địa bàn thị xã Phổ Yên khoảng 25 km, nhập vào sông Cầu ở thôn Phù Lôi, xã Thuận Thành. Năm 1976, hồ Núi Cốc được xây dựng tạo ra nguồn dự trữ nước và điều hoà dòng chảy của sông. Cảng Đa Phúc trên sông Công là cảng sông lớn nhất tỉnh   
Thái Nguyên.

- Hồ Nước Hai: hồ được xây dựng từ năm 2010, là hồ nhân tạo lớn nhất thị xã Phổ Yên, đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất cho các xã Phúc Thuận, Minh Đức, phường Bắc Sơn; bên cạnh đó hồ Nước Hai còn có tiềm năng lớn cho phát triển du lịch, kết nối với các điểm du lịch như: hồ Đại Lải, hồ Suối Lạnh, hồ Núi Cốc và khu du lịch Tam Đảo.

- Hồ Suối Lạnh: nằm trên địa bàn xã Thành Công, đảm bảo nước tưới tiêu phục vụ sản xuất cho các xã Thành Công, Vạn Phái; bên cạnh đó hồ Suối Lạnh còn có tiềm năng lớn cho đầu tư phát triển du lịch.

d) Địa chất

- Tài nguyên đất: Vùng đồng bằng đất phù sa, cường độ đất trung bình. Vùng gò đồi có nền đất tốt, cường độ chịu lực R = 2 - 2,5 kg/cm^2.Vùng đồi núi đất Feralit thích hợp trồng cây công nghiệp, lâm nghiệp, cường độ lớn.

- Tài nguyên nước: Nguồn nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của thị xã chủ yếu được cung cấp từ nguồn nước mặt và nước ngầm.

+ Nguồn nước mặt: Chủ yếu do hệ thống sông Cầu và sông Công cung cấp.

+ Nguồn nước ngầm: Mực nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 4 - 5m.

- Tài nguyên khóang sản tự nhiên, thị xã Phổ Yên có nguồn cát, đá sỏi ở sông Cầu. Đây là là nguồn vật liệu xây dựng khá dồi dào, phục vụ cho các hoạt động khai thác đáp ứng cho nhu cầu trên địa bàn thị xã.

## III. CHỨC NĂNG, VAI TRÒ

Thị xã Phổ Yên nằm ở vị trí cửa ngõ phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, với chức năng là trung tâm, cực kinh tế phía Nam của tỉnh, là đầu mối giao thông có vai trò thúc đẩy kinh tế - xã hội của vùng phía Nam tỉnh Thái Nguyên và là cửa ngõ giao thương kinh tế, văn hóa của tỉnh với thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Theo Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035, thị xã Phổ Yên được định hướng là đô thị với các chức năng là đô thị công nghiệp, tiếp nhận, chuyển giao và lan tỏa công nghệ hiện đại, kết hợp hài hòa với các ngành kinh tế du lịch, dịch vụ, nông - lâm nghiệp, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

## IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

### 1. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu thống kê của Phòng Tài nguyên và Môi trường, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, thị xã Phổ Yên có tổng diện tích tự nhiên là 258,42 km2, trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Đất nông nghiệp 190,94 km2 chiếm tỷ lệ 73,89%;

- Đất phi nông nghiệp 67,35 km2, chiếm tỷ lệ 26,06%;

- Đất chưa sử dụng 0,13 km2, chiếm tỷ lệ 0,05%.

### 2. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, quy mô dân số thị xã Phổ Yên là 231.363 người, trong đó: dân số thường trú 197.374 người và dân số tạm trú đã quy đổi 33.989 người.

Thị xã Phổ Yên có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 4 phường: Ba Hàng, Bãi Bông, Bắc Sơn, Đồng Tiến và 14 xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Hồng Tiến, Minh Đức, Nam Tiến, Phúc Thuận, Phúc Tân, Tân Hương, Tân Phú, Thành Công, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành, Vạn Phái.

Bảng thống kê diện tích và dân số thị xã Phổ Yên năm 2020

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Đơn vị hành chính** | **Diện tích**  **(km²)** | **Dân số**  **(người)** |
| 1 | Phường Ba Hàng | 4,34 | 13.023 |
| 2 | Phường Bãi Bông | 3,51 | 7.418 |
| 3 | Phường Bắc Sơn | 3,87 | 3.996 |
| 4 | Phường Đồng Tiến | 7,73 | 52.727 |
| 5 | Xã Đắc Sơn | 14,36 | 11.198 |
| 6 | Xã Nam Tiến | 8,31 | 9.124 |
| 7 | Xã Tiên Phong | 14,82 | 16.694 |
| 8 | Xã Đông Cao | 6,47 | 9.120 |
| 9 | Xã Tân Phú | 4,78 | 7.025 |
| 10 | Xã Thuận Thành | 5,48 | 9.684 |
| 11 | Xã Hồng Tiến | 18,47 | 15.076 |
| 12 | Xã Tân Hương | 9,32 | 10.538 |
| 13 | Xã Trung Thành | 9,09 | 13.151 |
| 14 | Xã Minh Đức | 18,56 | 8.535 |
| 15 | Xã Phúc Thuận | 51,73 | 14.711 |
| 16 | Xã Phúc Tân | 34,09 | 3.387 |
| 17 | Xã Thành Công | 32,66 | 16.710 |
| 18 | Xã Vạn Phái | 10,79 | 9.246 |
| **Toàn thị xã** | | **258,42** | **231.363** |

*(Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công).*

Tổng số người lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế toàn thị xã là 148.251 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp là: 32.136 người, chiếm 21,68%;

- Lao động phi nông nghiệp là: 116.115 người, chiếm 78,32%.

Tổng số người lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế khu vực nội thị là 99.047 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp khu vực nội thị là: 16.818 người, chiếm 16,98%;

- Lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là: 82.229 người, chiếm 83,02%.

## V. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và khó lường gây ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Phổ Yên nói riêng. Dịch bệnh làm gián đoạn nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều ngành kinh tế chủ lực đã giảm sút. Tuy nhiên sau những tháng đầu năm chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành của tỉnh, thị xã đã thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Các doanh nghiệp chú trọng mở rộng các hoạt động thương mại và phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế thị trường.

Do dịch bệnh sớm được kiểm soát, các lĩnh vực của nền kinh tế đang bước vào trạng thái hoạt động bình thường trở lại, sản xuất công nghiệp có sự khởi sắc và dần lấy lại đà tăng trưởng cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thị xã Phổ Yên liên tục đạt mức cao, giai đoạn 2018 - 2020 đạt 10,97%/năm. Cùng với sự nỗ lực của các ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, phường nên tình hình kinh tế toàn thị xã đạt kết quả tốt, chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, có sự chuyển dịch phù hợp với xu thế chung của toàn tỉnh. Năm 2020, tổng giá trị tăng thêm trên địa bàn thị xã đạt 52.737 tỷ đồng; trong đó: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 90,46%, thương mại - dịch vụ chiếm 6,27%, nông - lâm - thủy sản chiếm 3,27%.

*Bảng chỉ tiêu phát triển kinh tế trên địa bàn thị xã giai đoạn 2018 - 2020*

| **Stt** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tổng giá trị tăng thêm** | **Tỷ đồng** | **46.435** | **49.680** | **52.737** |
| 1.1 | Công nghiệp - xây dựng | Tỷ đồng | 42.315 | 45.130 | 47.706 |
| 1.2 | Thương mại - dịch vụ | Tỷ đồng | 2.584 | 2.918 | 3.309 |
| 1.3 | Nông - lâm - thủy sản | Tỷ đồng | 1.536 | 1.632 | 1.722 |
| **2** | **Cơ cấu kinh tế** |  |  |  |  |
| 2.1 | Công nghiệp - xây dựng | % | 91,13 | 90,84 | 90,46 |
| 2.2 | Thương mại - dịch vụ | % | 5,56 | 5,87 | 6,27 |
| 2.3 | Nông - lâm - thủy sản | % | 3,31 | 3,29 | 3,27 |
| **3** | **GRDP BQ/người/năm** | **triệu đồng/**  **người/năm** | **240** | **252,07** | **267,19** |
| **4** | **Thu nhập bình quân đầu người** | **triệu đồng/**  **người/năm** |  |  | **60,69** |

*(Nguồn: Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công)*

### 1. Công nghiệp - xây dựng

Tổng giá trị gia tăng lĩnh vực công nghiệp - xây dựng năm 2020 của thị xã Phổ Yên đạt 47.706 tỷ đồng (theo giá hiện hành), tăng 5,71% so với cùng kỳ năm 2020.

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn phát triển nhanh, trong đó công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn. Sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp trên địa bàn là điện thoại, linh kiện điện tử, điện lạnh. Đến năm 2020, số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn 1.991 cơ sở. Thị xã đã tăng cường công tác giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án phát triển công nghiệp trên địa bàn và quản lý tốt quy hoạch đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn. Tiếp tục phát triển các làng nghề truyền thống nhằm phát huy được tiềm năng thế mạnh và tạo việc làm cho lao động địa phương.

Trong năm qua, thị xã Phổ Yên là địa phương có bước tiến mạnh mẽ trong việc thu hút các dự án đầu tư mới tạo ra sự phát triển đột phá về kinh tế - xã hội. Đặc biệt, dự án đầu tư của Tập đoàn Samsung tại khu công nghiệp Yên Bình đã góp phần tăng nguồn thu ngân sách và giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn lao động tại địa phương. Cùng với đó, Phổ Yên tập trung quy hoạch, phát triển các khu, cụm công nghiệp theo hướng thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ cho các tập đoàn đa quốc gia, hỗ trợ sản xuất doanh nghiệp nhỏ và vừa đi đôi với bảo vệ môi trường. Đến nay, thị xã có 03 khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gồm: khu công nghiệp Yên Bình (400 ha); khu công nghiệp Nam Phổ Yên (120 ha); khu công nghiệp Điềm Thụy (170 ha). Tại các khu công nghiệp đã thu hút 28 dự án FDI, với tổng số vốn đăng ký 6.703 triệu USD; 19 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đầu tư 5.794 tỷ đồng. Ngoài ra, thị xã cũng có 04 cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống với tổng diện tích 104,64 ha, gồm: cụm công nghiệp số 2 cảng Đa Phúc (30 ha); cụm công nghiệp số 3 cảng Đa Phúc (19,64 ha); cụm công nghiệp Vân Thượng (47 ha); làng nghề Tiên Phong (8 ha) mới được   
quy hoạch.

|  |
| --- |
| *Khu công nghiệp Yên Bình* |

Từ khi được công nhận là đô thị loại III, thị xã Phổ Yên đã trở thành vùng đất nhiều tiềm năng để thu hút, phát triển các khu đô thị, điểm dân cư. Hiện nay, thị xã đã thu hút được nhiều dự án của các tập đoàn lớn như: Vinaconex 3, Kosy Group, tập đoàn Tiến Bộ, Thái Hưng, tập đoàn T&T... không ít dự án đã được nhà đầu tư hoàn thiện đúng tiến độ và đưa vào sử dụng, điển hình như: khu đô thị dịch vụ Yên Bình, khu đô thị Đại Phong, khu dân cư Hồng Phong… Đặc biệt, dự án khu đô thị Việt Hàn có quy mô 38 ha với tổng mức đầu tư lên đến trên 1.455 tỷ đồng được thị xã lựa chọn là khu đô thị kiểu mẫu, có thể để đáp ứng nhu cầu sinh sống của gần 7.000 người. Ngoài ra, trên địa bàn thị xã còn rất nhiều các dự án khu đô thị, điểm dân cư đã và được triển khai như: điểm dân cư Ấm Diện, khu đô thị Đồng Tiến, khu đô thị Thanh Quang 2, khu đô thị Thanh Quang 3, khu đô thị Kim Thái, điểm dân cư Vạn Phúc (xã Hồng Tiến), điểm dân cư Cầu Gô (xã Tiên Phong), khu đô thị Sơn Duyên, khu đô thị xanh Phổ Yên, khu đô thị City Home.

*Khu công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2*

Đến nay, trên địa bàn thị xã đã có 29 dự án phát triển nhà ở, khu đô thị, khu dân cư đang được triển khai với tổng quy mô sử dụng đất lên đến 688 ha và tổng số vốn đầu tư lên tới hàng nghìn tỷ đồng. Các dự án được xây dựng tập trung chủ yếu ở các phường trung tâm và khu vực nội thị dự kiến của thị xã. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, các nhà đầu tư đã xây dựng các khu với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, tiện ích, kết hợp với công trình nhà ở thấp tầng liền kề, đảm bảo theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Một số dự án đã hoàn thành phần hạ tầng, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cấp phép chuyển quyền sử dụng đất, cụ thể như: khu dân cư Phú Đại Cát, khu dân cư Yên Thứ, khu dân cư Tân Tiến, khu dân cư Vinaconex3…

|  |  |
| --- | --- |
| *Khu đô thị Việt Hàn* | *Khu dân cư Vinaconex3* |

### 2. Về thương mại - dịch vụ, du lịch

Trong những năm qua, hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại dịch vụ trên địa bàn thị xã phát triển nhanh và mạnh mẽ, tạo điều kiện thúc đẩy các loại hình kinh doanh dịch vụ thương mại. Mạng lưới thương mại dịch vụ phát triển đa dạng kể cả về loại hình kinh doanh cũng như về số lượng và chất lượng của hàng hóa dịch vụ. Các hoạt động thương mại dịch vụ với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế đã đáp ứng tốt các nhu cầu tiêu dùng của nhân dân thị xã Phổ Yên nói riêng và nhân dân tỉnh Thái Nguyên nói chung. Hệ thống chợ, siêu thị và trung tâm thương mại thị xã với chất lượng hạ tầng tốt đáp ứng đầy đủ nhu cầu mua sắm của người dân trên địa bàn thị xã như: siêu thị điện máy Xanh, siêu thị điện máy Trung Xuân, siêu thị Lan Chi Mart, siêu thị Media Mart… và khu trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm Trạm dừng nghỉ Hải Đăng. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, đã tác động đến mọi thành phần kinh tế, trong đó ngành nghề chịu ảnh hưởng nặng nề nhất có thể kể đến ngành dịch vụ vận tải, ngành may mặc, du lịch, nhà hàng, khách sạn… Để hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua gặp khó khăn trong kinh doanh, sản xuất; các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã đồng thuận chấp nhận giảm lợi nhuận đề ra từ đầu năm bằng việc hạ lãi suất cho vay, miễn, giảm một số phí dịch vụ để chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tiếp tục hoạt động kinh doanh, dần dần ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, các ngân hàng còn tạo điều kiện hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 được tiếp cận nguồn vốn vay giá rẻ, kịp thời nhằm tận dụng được cơ hội kinh doanh, phát triển sản xuất và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng.

|  |  |
| --- | --- |
| *Siêu thị Media Mart* | *Trạm dừng nghỉ Hải Đăng* |

Cùng với ưu tiên phát triển thương mại - dịch vụ, thị xã cũng tập trung phát triển du lịch, khai thác cảnh quan sinh thái, các công trình văn hóa lịch sử kết nối với chuỗi du lịch liên tỉnh, hướng tới khai thác dịch vụ nghỉ dưỡng cuối tuần và các đợt nghỉ ngắn ngày phục vụ thị trường trung tâm Thủ đô Hà Nội. Theo đó, thị xã chủ trương phát triển “khu du lịch sinh thái phía Đông Tam Đảo” tại các xã phía Tây của thị xã. Khu du lịch này gắn với các điểm du lịch như: hồ Suối Lạnh, hồ Nước Hai và vùng trồng cây lâu năm: (chè, nhãn...).



Bên cạnh đó, thị xã đẩy mạnh phát huy giá trị khu di tích Lý Nam Đế, đồng thời từng bước tôn tạo, bảo tồn và khôi phục các lễ hội liên quan đến di tích Vua Lý Nam Đế hướng tới phát triển du lịch với nhiều khu chức năng: khu vui chơi giải trí, khu du lịch tâm linh, khu làng sinh thái, khu biệt thự nghỉ dưỡng…

|  |
| --- |
| *Khu đền thờ các anh hùng Liệt sỹ thị xã Phổ Yên* |

### 

### (Quy hoạch tổng thể Khu di tích lịch sử Lý Nam Đế)

### 3. Về nông - lâm - thủy sản

Sản xuất nông - lâm - thuỷ sản đạt tốc độ tăng trưởng khá; giá trị sản xuất năm 2020 đạt 1.722 tỷ đồng. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá cả. Triển khai thực hiện các chương trình sản xuất mỗi xã, phường một sản phẩm (Chương trình OCOP), tăng cường mô hình sản xuất hàng hóa tập trung có liên kết và tiêu thụ sản phẩm gắn với Đề án mỗi xã, phường một sản phẩm. Bên cạnh đó, thị xã còn hỗ trợ 100% chi phí lần đầu cấp giấy chứng nhận VietGAP cho diện tích sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP, hỗ trợ sản xuất rau an toàn, hữu cơ ứng dụng công nghệ nhà màng, nhà lưới; hỗ trợ 100% kinh phí mua vắc xin tiêm phòng cho các đàn gia súc, gia cầm trong các trại giống và các cơ sở chăn nuôi có quy mô dưới 10 đơn vị vật nuôi.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân thị xã đã đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, xây dựng mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, quy trình kỹ thuật; mô hình tổ chức sản xuất hiệu quả, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Gắn xây dựng mô hình với cung ứng vật tư, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, tập huấn, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Không xây dựng mô hình sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, kém hiệu quả, phát triển dịch vụ. Tiếp tục quan tâm đầu tư thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, phòng chống thiên tai, bảo vệ và phát triển rừng, môi trường trong nông nghiệp; củng cố hoàn thiện cơ sở hạ tầng: giống nông nghiệp, giao thông, thủy lợi (phát triển tưới cây trồng cạn), khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu

### 4. Công tác thu - chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Phổ Yên hàng năm đều đạt và vượt dự toán tỉnh giao, đảm bảo cân đối thu chi có kết dư. Trong những năm qua thị xã là một trong những đơn vị hành chính cấp huyện có số thu ngân sách đạt mức cao của tỉnh. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2020 đạt 1.302,52 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách đạt 1.192,76 tỷ đồng.

*Bảng thống kê thu chi ngân sách trên địa bàn thị xã giai đoạn 2018 - 2020*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** |
| 1 | Tổng thu ngân sách | Tỷ đồng | 1.230,30 | 1.187,38 | 1.302,52 |
| 2 | Tổng chi ngân sách | Tỷ đồng | 1.215,39 | 1.149,80 | 1.192,76 |

*(Nguồn: Phòng Tài chính - Kế hoạch).*

## VI. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

### 1. Giáo dục và đào tạo

Trong giai đoạn 2018 - 2020 thị xã Phổ Yên đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về “đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, duy trì 100% số trường đạt chuẩn quốc gia. Kết quả, giáo dục thị xã Phổ Yên luôn là đơn vị ở tốp đầu toàn tỉnh về chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới với các cấp học và các cơ sở giáo dục đào tạo. Duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

Theo thống kê năm 2020, 100% các trường học, cơ sở đào tạo đều có hệ thống trang thiết bị trong tình trạng sử dụng tốt. Các phòng học được đầu tư xây dựng với chất lượng kiên cố, đảm bảo công tác giảng dạy và học tập.

Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 84 điểm, trường học đủ các cấp học. Quy mô trường lớp được giữ vững, cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng cho hoạt động giáo dục và đào tạo được tăng cường, các trang thiết bị phục vụ dạy và học được quan tâm, đầu tư mới. Cùng với đó, trên địa bàn thị xã còn có trường trung cấp nghề dân tộc nội trú Thái Nguyên và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

|  |
| --- |
| *Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú Thái Nguyên* |

Đội ngũ giáo viên được bổ sung thường xuyên, từng bước hoàn thiện về cơ cấu và nâng cao chất lượng. Số giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn ngày càng cao với gần 100% giáo viên mầm non và phổ thông trên địa bàn đạt chuẩn.

Bên cạnh đó, thị xã luôn tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt coi trọng giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh. Xây dựng đội ngũ giáo viên bảo đảm về cơ cấu và chất lượng. Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất trường học theo chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo nghề; chú trọng đào tạo nghề theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo nhân lực chất lượng cao và nâng cao hiệu quả sử dụng lao động sau đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo; khuyến khích các hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập.

### 2. Y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình

Hiện nay, thị xã có nhiều cơ sở y tế đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn, trong đó: có 01 bệnh viện Quân y 91 (quy mô 300 giường với 249 cán bộ y tế), 01 trung tâm y tế (quy mô 160 giường với 265 cán bộ y tế); 18 trạm y tế xã, phường (đều đạt tiêu chí quốc gia về y tế) và nhiều cơ sở y dược tư nhân được cấp phép hoạt động. Với mạng lưới y tế xây dựng hoàn chỉnh từ thị xã đến các xã, phường đã cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân địa phương.

|  |  |
| --- | --- |
| *Bệnh viện quân y 91* | *Trung tâm y tế thị xã Phổ Yên* |

Bên cạnh đó, các trung tâm y tế không ngừng đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại, đồng thời liên tục cử cán bộ đi đào tạo để nâng cao trình độ phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Do đó, nhiều kỹ thuật chuyên sâu đã được thực hiện thành công trên địa bàn. Đồng thời, chỉ đạo trạm y tế các xã, phường giữ vững, tiếp tục phát huy và thực hiện tốt “Bộ tiêu chí quốc gia về y tế”.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người dân đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Công tác bảo hiểm y tế được mở rộng, 100% hộ nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế, tích cực vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện. Mạng lưới y tế ngày càng phát triển đã đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn thị xã Phổ Yên.

Công tác tuyên truyền bảo vệ sức khỏe Nhân dân; phòng, chống dịch Covid-19 được triển khai thường xuyên, liên tục và rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng nhiều hình thức khác nhau. Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo trung tâm y tế, trạm y tế các xã, phường và các phòng khám tư nhân trên địa bàn thị xã tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống dịch với tinh thần chủ động cao nhất như: thành lập các chốt kiểm soát tại thị xã cũng như tại các xã, phường, tiến hành truy vết và cho cách ly các trường hợp đi, đến từ vùng dịch về địa phương, giám sát các trường hợp cách ly tại nhà nhằm giảm tối đa nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng dân cư.

Công tác y tế dự phòng luôn được đảm bảo, xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch phòng chống dịch như: sởi, dịch tả, tay - chân - miệng, zika, sốt xuất huyết... không để dịch bệnh xảy ra. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hành nghề y dược tư nhân được tiến hành thường xuyên, có hiệu quả.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản được quan tâm. Ủy ban nhân dân thị xã phối hợp với Phòng Y tế và Phòng Văn hóa Thông tin tổ chức tuyên truyền các chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình và pháp lệnh dân số cho cán bộ và người dân; tổ chức các buổi tư vấn cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, học sinh trong độ tuổi vị thành niên. Đồng thời, tích cực xây dựng các chương trình, kế hoạch bảo vệ trẻ em như: chống đuối nước cho trẻ em, triển khai tháng hành động vì trẻ em, phòng chống HIV/AIDS...

### **3. Văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao**

Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển mạnh từ thị xã đến cơ sở. Các môn thể dục - thể thao ngày càng thu hút đông đảo Nhân dân tham gia tập luyện. Các giải thể thao như: cầu lông, tennis, bóng đá, bóng chuyền được tổ chức rộng rãi, góp phần tuyển chọn các vận động viên tham gia đại hội thể dục - thể thao các cấp đạt kết quả cao. Tổ chức thành công đại hội thể dục - thể thao thị xã lần thứ VI... Cơ sở vật chất văn hóa được quan tâm đầu tư và đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể: các xóm, khu dân cư có nhà văn hóa đảm bảo đạt chuẩn; các thiết chế văn hóa đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí của người dân và góp phần củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hoạt động thông tin tuyên truyền được triển khai thực hiện đa dạng, phong phú và phù hợp với tình hình thực tế; Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông đã sản xuất nhiều tin bài, đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thông tin thời sự, tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương, kịp thời định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, Đảng viên và Nhân dân, tạo sự đồng thuận thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

### 4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm

Việc thực hiện thường xuyên chính sách an sinh xã hội đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thị xã được tiếp cận, thụ hưởng các [dịch vụ](http://idichvuseo.com.vn/category/dich-vu-seo/dich-vu-seo-tp-hcm/) xã hội cơ bản. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân thị xã Phổ Yên phối hợp với các phòng ban chuyên môn thường xuyên ban hành những chính sách đặc thù hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, trong đó có nhiều chính sách đi đầu tỉnh như: hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi (từ 65 tuổi trở lên), Đảng viên được tặng huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên. Qua đó, đã có nhiều người thuộc diện cận nghèo được tham gia bảo hiểm y tế, góp phần vào công tác an sinh xã hội tại địa phương.

Các chương trình giảm nghèo thời gian qua đã và đang tiếp cận theo hướng hỗ trợ chăm lo trực tiếp và toàn diện nhu cầu của người nghèo, thông qua việc thực hiện đa dạng các giải pháp như: huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người nghèo, đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo thông qua các phong trào “quỹ vì người nghèo”, “ngày vì người nghèo”... Điều đáng mừng là đa số hộ nghèo, cận nghèo đã có ý thức, quyết tâm vươn lên, mạnh dạn hơn trong việc ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, tìm việc làm để tăng thu nhập. Đó là cơ sở để công tác giảm nghèo đạt được những kết quả tích cực theo hướng bền vững.

Theo đó, tỷ lệ hộ nghèo toàn thị xã hàng năm đều giảm. Năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo thị xã là 3,72%, năm 2019 là 2,42%, năm 2020 giảm còn 1,64%. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình giai đoạn 03 năm 2018 - 2020 toàn thị xã là: 2,59%, thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo trung bình 03 năm của toàn tỉnh Thái Nguyên (4,52%).

Giải quyết việc làm cho người lao động là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Ngay từ đầu năm, cấp ủy, chính quyền   
thị xã chỉ đạo Phòng Lao động Thương binh và Xã hội đã phối hợp với   
Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Thái Nguyên làm tốt nhiệm vụ kết nối cung - cầu lao động giữa doanh nghiệp với người lao động bằng nhiều hình thức khác nhau như: tư vấn, giới thiệu việc làm qua website, phỏng vấn online... Qua đó giúp giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động tại địa phương. Cùng với đó, thị xã Phổ Yên cũng chú trọng công tác tuyên truyền các chính sách của tỉnh về giải quyết việc làm tới người dân, từ đó giúp người lao động nắm được thông tin và có định hướng đúng đắn trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Đồng thời, khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động đi xuất khẩu lao động; quan tâm hỗ trợ về vốn, khoa học kỹ thuật cho người dân phát triển kinh tế gia đình; chú trọng nâng cấp, xây dựng các khu dịch vụ làng nghề cũng như mở rộng các mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp, thị xã đã giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động thiếu việc làm góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

## VII. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI

### 1. Nhà ở

Những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, ngành của tỉnh Thái Nguyên và thị xã Phổ Yên, nhiều dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới được triển khai thực hiện trên địa bàn. Công tác xây dựng và quản lý nhà ở được thực hiện đồng bộ theo quy hoạch nên diện tích sàn nhà ở bình quân theo đầu người tăng lên đáng kể, nhà ở với chất lượng tốt, nét kiến trúc hiện đại đã tạo nên sự hài hòa và khang trang cho đô thị.

- Khu vực nội thị gồm các kiểu nhà:

+ Nhà ở liền kề theo dạng nhà ống: tập trung dọc theo các tuyến phố, các trục đường chính, hiện kiểu nhà này lấp kín các chỗ trống bên trong các cụm nhà.

+ Nhà ở có cửa hàng: dùng để ở hoặc vừa ở vừa làm dịch vụ, được xây dựng bằng bê tông, hiện có nhiều tại khu vực các phường Ba Hàng, Bãi Bông, Đồng Tiến.

+ Nhà ở khối lớn: dạng nhà loại này có kích thước lớn hơn dạng nhà ống (nhất là về chiều rộng); nó chủ yếu có chức năng thương mại, dịch vụ, khách sạn, nhà nghỉ; cũng như nhà ống, nhà ở khối lớn đang phát triển làm lấp kín các chỗ trống trong các cụm nhà.

+ Nhà ở tập thể 3 - 4 tầng: tập trung phục vụ công nhân các khu, cụm công nghiệp và học sinh các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn.

- Đối với khu vực ngoại thị, nhà ở chủ yếu là thấp tầng, kiên cố, phân bố mật độ thấp.

Với tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị đạt 99,17%, các khu vực nhà ở tại thị xã thường có các cơ sở hạ tầng thiết yếu như: trong nhà có hầm tự hoại 3 ngăn, ngoài vỉa hè có cống rãnh thoát nước, đường ống cấp nước, đường điện, lát gạch sạch sẽ và trồng cây xanh, hầu hết đường phố đã được thảm nhựa.

|  |  |
| --- | --- |
| một góc tx PY | tt ba hàng, py |
| pho yen 1 | dan cu pho yen |
| *Nhà ở trên địa bàn thị xã Phổ Yên* | |

### 2. Công trình công cộng

a) Công trình y tế

Đến nay, 100% các cơ sở y tế trên địa bàn thị xã đều trong tình trạng hoạt động tốt. Hệ thống y tế trên địa bàn thị xã hiện có gần 200 cơ sở hành nghề y, dược phân bố rộng khắp thị xã. Cơ sở vật chất trang thiết bị hiện đại, đã đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân địa phương.

b) Công trình giáo dục - đào tạo

Trong thời gian qua, chất lượng giáo dục đào tạo trên địa bàn thị xã Phổ Yên ngày càng được nâng cao, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục của các trường ngày càng được chú trọng đầu tư nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học, tỷ lệ học sinh đạt tốt nghiệp ngày càng tăng đảm bảo yêu cầu phát triển giáo dục đô thị trong tương lai.

Hiện nay, thị xã có 84 điểm, trường học các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông, gồm: 34 điểm, trường mầm non, 29 điểm, trường tiểu học, 18 trường trung học cơ sở, 04 trường trung học phổ thông. Hàng năm, các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã đều được quan tâm sửa chữa nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng nhiều của con em trên địa bàn.

c) Công trình văn hóa, thể dục - thể thao

Các công trình thể dục - thể thao thời gian qua đã được tu sửa, nâng cấp và xây dựng mới, từng bước nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí sinh hoạt văn hóa, nghiên cứu, học tập của người dân trên địa bàn thị xã.

Hệ thống công trình thể dục - thể thao trên địa bàn thị xã khá phát triển và đang hoạt động tốt. Các công trình thể dục - thể thao cấp đô thị có chất lượng kiên cố, kiểu dáng kiến trúc hiện đại và là địa điểm diễn ra các sự kiện, hoạt động phong trào thể dục - thể thao của toàn thị xã, như: sân vận động trung tâm, trung tâm thể thao văn hóa... Bên cạnh các sân luyện tập thể dục - thể thao được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách; trên địa bàn thị xã còn có nhiều cơ sở thể dục - thể thao tư nhân có chất lượng cao như: hệ thống sân bóng đá nhân tạo, các điểm đánh bóng bàn, cơ sở tập thể hình đáp ứng đầy đủ nhu cầu rèn luyện sức khỏe và tập luyện thi đấu các môn thể thao nâng cao thể chất, tinh thần của người dân trên địa bàn.

d) Công trình thương mại, dịch vụ

Hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ trên địa bàn thị xã nổi bật như: siêu thị điện máy Xanh, điện máy Trung Xuân, điện máy Media Mart, siêu thị Lan Chi, khu trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm trạm dừng nghỉ Hải Đăng... Cơ sở vật chất của các chợ và các khu siêu thị đều được xây dựng kiên cố, kết hợp với dịch vụ tư nhân phát triển mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa, kinh doanh phục vụ đời sống sinh hoạt của người dân trên   
địa bàn.

đ) Công trình trụ sở cơ quan

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân khi thực hiện các giao dịch hành chính, dịch vụ công, rút ngắn thời gian xử lý giữa các cơ quan, đơn vị hành chính công. Hiện nay, hệ thống các công trình hành chính công của thị xã chủ yếu nằm tập trung trên trục đường Phạm Văn Đồng...

|  |  |
| --- | --- |
| Description: anhkembaidung.jpg |  |
| *Trung tâm Văn hóa - Thể thao thị xã Phổ Yên* | |

## VIII. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Hệ thống giao thông

Thị xã Phổ Yên nằm ở phía Nam tỉnh Thái Nguyên. Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống giao thông đồng bộ bao gồm đường sắt, đường thủy, đường bộ (đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đường Quốc lộ 3, cụm cảng Đa Phúc), đường vành đai 5, tạo ra mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc lưu thông và phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

Thị xã Phổ Yên có vị trí thuận lợi cho phát triển giao thông đối ngoại: cách thành phố Thái Nguyên khoảng 20 km về phía Bắc, giáp tỉnh Vĩnh Phúc về phía Tây Nam, tỉnh Bắc Giang về phía Đông Nam và thủ đô Hà Nội về phía Nam.

Thị xã Phổ Yên còn là điểm nút giao lưu, thông qua hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẻ quạt kết nối với các tỉnh, thành trong khu vực: có đường Quốc lộ 3 nối Hà Nội đi Bắc Kạn, cao tốc Hà Nội Thái Nguyên, cụm cảng Đa Phúc - Hải Phòng, đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên. Ngoài ra, Phổ Yên kết nối rất thuận tiện với các công trình giao thông quốc gia như sân bay Nội Bài (20 km), hành lang kinh tế xuyên Á (cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Quảng Ninh), Quốc lộ 37...

### 2. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

a) Nguồn điện

Nguồn điện sử dụng cho sản xuất, sinh hoạt của người dân trong toàn huyện được cấp từ trạm biến áp nguồn 220/110 kV (Phú Bình). Hệ thống truyền tải điện 220 kV, 500 kV đi qua 18 xã, phường với tổng chiều dài 17 km đường dây 500 kV; 29,1 km đường dây 220 kV. Hiện nay, ngành điện lực thị xã triển khai đầu tư xây dựng để đáp ứng nhu cầu sản xuất cho nhà máy thuộc các khu, cụm công nghiệp và để đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn thị xã. Theo thống kê, số hộ dùng điện lưới quốc gia toàn thị xã đạt tỷ lệ 100%, tổng điện năng sinh hoạt toàn thị xã năm 2020 đạt 98.004.640 kwh/năm.

b) Lưới điện

Lưới điện của thị xã nằm trong hệ thống lưới điện của tỉnh Thái Nguyên, được cung cấp nguồn điện từ hệ thống điện miền Bắc với 337 trạm biến áp với công suất 153.128 kVA; tổng chiều dài 268,78 km đường dây trung thế và 511,8 km đường dây hạ.

Hệ thống điện trung áp của thị xã cơ bản gồm hai cấp điện áp là 35 kV và 22 kV, ngoài ra còn lưới điện 6 kV đang được thay thế dần bằng 2 lưới điện trên để đảm bảo cấp điện ổn định phục vụ đủ nhu cầu điện sinh hoạt và sản xuất của người dân; lưới điện hạ áp 0,4 kV của thị xã sử dụng cấp điện áp 380/220 kV, bao gồm đường dây trên không và cáp ngầm.

c) Điện chiếu sáng

Các tuyến đường chính phần lớn đã có hệ thống chiếu sáng đèn đường. Các tuyến đường trong khu nhà ở, ngõ xóm hầu hết đã được bố trí hệ thống đèn điện chiếu sáng do người dân tự quản, góp phần đẻm bảo trật tự an toàn xã hội khi về đêm. Trong các công viên, vườn hoa công cộng sử dụng đèn cao áp thuỷ ngân kết hợp với đèn trang trí.

Hệ thống điện chiếu sáng đã được quan tâm và đầu tư trong những năm qua. Khu vực công cộng được chiếu sáng, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%. Hệ thống đèn trang trí tại các giao lộ chính và các khu công viên trong đô thị đã và đang được triển khai, góp phần tạo cảnh quan chung cho đô thị Phổ Yên.

### 3. Cấp nước

Thị xã Phổ Yên được cấp nước từ Xí nghiệp nước sạch Sông Công, có công suất cấp nước là 20.000 m3/ngày đêm. Ngoài ra, còn có nhà máy nước Yên Bình với công suất cấp nước là 100.000 m3/ngày đêm cung cấp cho khu công nghiệp Yên Bình và các khu dân cư xung quanh khu vực phường Đồng Tiến, xã Hồng Tiến và một phần của phường Bãi Bông.

|  |
| --- |
| *Nhà máy nước Yên Bình* |

Trong khu vực xã Nam Tiến có nhà máy nước sinh hoạt Nam Tiến được xây dựng theo chương trình nước sạch nông thôn, công suất là 475 m3/ngày đêm, cấp cho các hộ dân tại xã Nam Tiến, đáp ứng được nhu cầu dùng nước của Nhân dân. Nhà máy sử dụng nguồn nước ngầm được khai thác từ 5 giếng khoan. Chất lượng nước ngầm tương đối đảm bảo. Hiện nay, Ủy ban nhân dân thị xã đang có chủ trương mở rộng, nâng công suất nhà máy nhà máy nước sinh hoạt Nam Tiến.

Trên địa bàn thị xã Phổ Yên có 02 công trình cấp nước sinh hoạt theo hình thức bơm dẫn là: công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Hương với công suất 475 m3/ngày đêm, nhà máy nước sinh hoạt xã Tân Phú với công suất 240 m3/ngày đêm, các công trình cấp nước trên đều hoạt động có hiệu quả đáp ứng nhu cầu đời sống của người dân địa phương. Ngoài ra, trên địa bàn thị xã Phổ Yên còn có 09 công trình cấp nước tập trung loại hình tự chảy, hình thức quản lý do cộng đồng dân cư tự quản lý với công suất hơn 1.100 m3/ngày đêm.

Mạng lưới đường ống cấp nước hiện trạng có đường kính từ D100 đến D400. Trong đó, tuyến ống chính có đường kính từ D400 đến D1.500 chạy dọc theo Quốc lộ 3 đến cầu Đa Phúc và lan tỏa đi các xã trên địa bàn thị xã.

### 4. Thoát nước và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực trung tâm thị xã chảy theo địa hình được thu và thoát qua hệ thống cống tròn, cống hộp và hệ thống rãnh nắp đan sau đó thoát vào hệ thống kênh mương. Hệ thống thoát nước mưa trong các khu dân cư nông thôn nước chảy ra vườn tự thấm hoặc chảy ra tập trung một góc vườn, xuống ao hay thoát theo rãnh nắp đan, rãnh hở các tuyến đường sau đó thoát vào hệ thống kênh mương. Trong thời gian qua, thị xã đã tiến hành đầu tư xây dựng mới, nạo vét và khơi thông hệ thống kênh mương trên địa bàn nên công tác thoát nước từng bước được cải thiện. Hệ thống chiều dài đường cống thoát nước trên địa bàn thị xã đã đáp ứng nhu cầu thoát nước kịp thời, không để tình trạng ngập úng xảy ra khi có mưa lớn.

Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 02 trạm xử lý nước thải là: trạm xử lý nước thải Yên Bình công suất 55.000 m3/ngày đêm và trạm xử lý nước thải Điềm Thụy công suất xử lý 3.000 m3/ngày đêm.

|  |
| --- |
| *Trạm xử lý nước thải Điềm Thụy* |

Nước thải y tế đã được tách lọc và xử lý riêng bằng hệ thống xử lý tập trung trước khi xả ra hệ thống thoát nước bên ngoài là các kênh mương lân cận.

Nước thải tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn đều có nhà máy, khu xử lý nước thải riêng, nước thải được xử lý cục bộ trong các công trình khu, cụm công nghiệp rồi thoát chung vào hệ thống thoát nước mưa dọc theo các trục giao thông và đổ ra hệ thống sông, kênh mương.

### 5. Viễn thông, thông tin liên lạc

Hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn toàn thị xã đã được xây dựng hoàn chỉnh. Ngành bưu chính viễn thông đã có bước phát triển nhanh chóng, chuyển hướng thực hiện theo cơ chế mới, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, hiệu quả hoạt động ngày càng nâng cao. Mạng lưới viễn thông internet được đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ mới hiện đại (công nghệ NGN, mạng di động 3G, mạng di động 4G) với hệ thống các trạm phát sóng BTS, trạm chuyển mạch và mạng truyền dẫn cáp quang cung cấp các dịch vụ viễn thông, internet băng thông rộng (ADSL) cho tất cả các xã, phường và các cơ sở đào tạo. Hệ thống bưu điện được xây dựng đạt 100% trên địa bàn các   
xã, phường.

### 6. Vệ sinh môi trường

Rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển, tập kết và được xử lý bằng phương pháp chôn lấp theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đối với rác thải sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp: Theo quy trình sau khi rác được chôn lấp, sẽ tiến hành san gạt, phủ đất lu, lèn, phun chế phẩm EM, phun thuốc diệt ruồi, muỗi, rắc vôi bột theo định kỳ, hạn chế tối đa việc phát tán các thành phần gây ô nhiễm ra môi trường. Hiện tại, phương pháp chôn lấp đã tạm dừng sau khi đưa vào sử dụng công nghệ lò đốt.

Chất thải rắn sinh hoạt của thị xã được các đơn vị thực hiện thu gom như: hợp tác xã dịch vụ môi trường Trung Thành; hợp tác xã dịch vụ môi trường xanh Phổ Yên; hợp tác xã dịch vụ môi trường Tân Hương; hợp tác xã dịch vụ môi trường Phổ Yên; doanh nghiệp tư nhân Thanh Nhàn Hoàng Kim thu gom và vận chuyển đến xử lý tại khu xử lý Đồng Hầm xã Minh Đức, với quy mô diện tích 9,2 ha, chủ yếu là chôn lấp.

+ Chất thải rắn công nghiệp: được thu gom và xử lý bởi công ty cổ phần môi trường Việt Xuân Mới.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của bệnh nhân được công ty môi trường đô thị thị xã Phổ Yên thu gom và vận chuyển về khu xử lý rác tại xã Minh Đức.

**+ Chất thải rắn y tế đã được đơn vị ký hợp đồng với công ty môi trường khu vực Hà Nội vận chuyển về khu xử lý rác tại xã Minh Đức.

|  |
| --- |
| *Khu xử lý rác thải tại xã Minh Đức* |

Công tác giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn thị xã Phổ Yên đặc biệt được quan tâm chỉ đạo, cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Thị xã và các xã, phường đã xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các nghị quyết sát với tình hình thực tiễn địa phương, đơn vị. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, Nhân dân về bảo vệ môi trường. Thị ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo xây dựng và ban hành quy chế quản lý đô thị, quy định về phân công trách nhiệm, quản lý trật tự đô thị, quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp thoát nước đô thị; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án về phân cấp công tác vệ sinh môi trường, đồng thời thường xuyên điều chỉnh để phù hợp với thực tế. Từ những giải pháp thiết thực, nhận thức về bảo vệ môi trường của cán bộ, Nhân dân thị xã Phổ Yên ngày một nâng cao.

## IX. HIỆN TRẠNG QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

### 1. Quốc phòng

**Tình hình quốc phòng, an ninh được giữ vững, tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Lực lượng vũ trang thị xã luôn tổ chức duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu, chuẩn bị chu đáo các điều kiện cho nội dung diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường và diễn tập chỉ huy tham mưu 01 bên 02 cấp do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức; chủ động phối hợp với các lực lượng Công an bảo vệ an toàn tuyệt đối các cao điểm, lễ, Tết, đặc biệt là bảo vệ an toàn tuyệt đối bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay. Công tác xây dựng lực lượng thường trực và lực lượng cự bị động viên với 710 đồng chí được quản lý chặt chẽ về số lượng cũng như chất lượng, 31 cơ sở dân quân tự vệ được xây dựng theo đúng Luật; công tác huấn luyện đúng nội dung, thời gian 100% lực lượng thường trực đạt khá, giỏi; tổ chức môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho trên 9.400 học viên; cử lực lượng quân số thường trực và lực lượng dân quân cơ động các xã, phường tham gia các chốt kiểm soát dịch Covid-19 và khu vực cách ly tập trung phòng, chống dịch của thị xã; tham mưu cho Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Đề án “ xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ thị xã Phổ Yên giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhiến đến năm 2030”.

*Lễ giao nhận quân năm 2020*

### 2. An ninh và trật tự an toàn xã hộie

Năm 2020, bám sát chỉ đạo của các cấp Đảng ủy, lãnh đạo Công an tỉnh, Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã Phổ Yên cũng như sự phối hợp của Nhân dân, Công an thị xã đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ công tác công an và đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện trên các mặt như: tham mưu giúp cấp Ủy, chính quyền địa phương có nhiều chủ trương, biện pháp để chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tham gia công tác đảm bảo an ninh trật tự; thực hiện quyết liệt, có hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19; công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng, tổ chức cán bộ được quan tâm chỉ đạo; kỷ luật, kỷ cương được siết chặt...

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được tăng cường, phát huy hiệu quả. Công tác vận động quần chúng Nhân dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm được Nhân dân tích cực tham gia, ủng hộ; đã có trên 180 tin có giá trị do quần chúng Nhân dân cung cấp, góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm.

## X. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC

### 1. Thị ủy Phổ Yên

a) Thường trực Thị ủy gồm: Bí thư Thị ủy; Phó Bí thư Thường trực Thị ủy *(trong đó Bí thư Thị ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Phổ Yên)*.

b) Các cơ quan thuộc Thị ủy bao gồm: Văn phòng Thị ủy, Ban Tổ chức Thị ủy, Ban Tuyên giáo Thị ủy; Ban Dân vận Thị ủy, Ủy ban Kiểm tra Thị ủy; Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã.

### 2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã Phổ Yên

a) Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân thị xã Phổ Yên: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (hoạt động chuyên trách), các ban Hội đồng nhân dân gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Xã hội, trong đó 02 Trưởng ban là kiêm nhiệm, 02 Phó ban hoạt động chuyên trách.

b) Ủy ban nhân dân thị xã gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, 03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy viên là thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã; Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thị xã, Trưởng Công an thị xã.

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thị xã gồm 13 cơ quan: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Y tế, Phòng Quản lý đô thị, Thanh tra thị xã, Phòng Tư pháp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Dân tộc.

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thị xã: Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thị xã; Ban Quản lý môi trường và đô thị thị xã; Cơ sở điều trị nghiện tự nguyện và công tác xã hội thị xã; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thị xã; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã; Trung tâm Văn hóa - thể thao và truyền thông thị xã; Đội quản lý trật tự xây dựng và giao thông thị xã; Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Phổ Yên.

d) Cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã Phổ Yên

Tổng số cán bộ, công chức thuộc Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã là 159 người.

- Trình độ đào tạo chuyên môn: thạc sĩ: 30 người, đại học: 126 người, cao đẳng: 01 người, trung cấp: 02 người.

- Trình độ lý luận chính trị: cao cấp: 22 người, trung cấp: 99 người, sơ cấp: 01 người.

### 3. Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã Phổ Yên và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

Thị xã Phổ Yên có Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, gồm: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thị xã; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Liên đoàn Lao động thị xã; Hội Chữ thập đỏ; Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin; Hội Người cao tuổi thị xã; Hội Cựu thanh niên xung phong.

## B. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÓ LIÊN QUAN

## I. XÃ ĐẮC SƠN

### 1. Lịch sử hình thành

Ngày [25 tháng 3](https://vi.wikipedia.org/wiki/25_th%C3%A1ng_3) năm [1948](https://vi.wikipedia.org/wiki/1948), theo Sắc lệnh số 148/SL của [Chủ tịch Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh), xã Đắc Sơn được ra đời thuộc huyện Phổ Yên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của huyện Phổ Yên. Xã Đắc Sơn thuộc thị xã Phổ Yên như hiện nay.

Đến năm 2019, xã Đắc Sơn được chia thành 23 xóm.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, sáp nhập xóm Chùa 3 vào xóm Chùa 2 và sáp nhập xóm Nga Sơn vào xóm Thống Hạ, từ đó đến nay xã Đắc Sơn có 21 xóm: Ba Xã, Bến 1, Bến 2, Cây Xanh, Chiềng, Chùa 1, Chùa 2, Dương, Đài 1, Đài 2, Đầm 1, Đầm 2, Đấp 1, Đấp 2, Đấp 3, Hưng Thịnh, Ruộng, Tân Lập, Tân Trung, Thống Hạ, Tuần.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Đắc Sơn nằm ở phía Bắc của thị xã Phổ Yên. Có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp phường Ba Hàng và các xã Hồng Tiến, xã Nam Tiến;

- Tây giáp xã Minh Đức;

- Nam giáp xã Vạn Phái;

- Bắc giáp phường Phố Cò, thành phố Sông Công.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu thống kê của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 xã Đắc Sơn có 14,36 km² diện tích tự nhiên. Trong đó cơ, cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 10,98 km2, chiếm tỷ lệ 76,46%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 3,26 km2, chiếm tỷ lệ 22,70%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,12 km², chiếm tỷ lệ 0,84%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 11.198 người; trong đó dân số thường trú là 10.716 người, dân số tạm trú quy đổi là 482 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 8.160 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.435 người, chiếm 17,59%;

- Lao động phi nông nghiệp: 6.725 người, chiếm 82,41%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2020 trong bối cảnh tình hình Covid-19 có diễn ra phức tạp, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Song với sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành và Nhân dân, nên kinh tế - xã hội của xã đã đạt được những kết quả tích cực trên các lĩnh vực. Nền kinh tế xã Đắc Sơn đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng sản xuất ngành công nghiệp, thương mại và các ngành nghề khác, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp.

Về công nghiệp - xây dựng: giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2020 đạt 56,5 tỷ đồng. Xã đã thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Trong đó tập trung trọng tâm vào các ngành như: sản xuất vật liệu xây dựng thông thường, cơ khí, chế biến nông sản. Đến nay, các ngành nghề của xã phát triển ổn định và có đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế tại địa phương. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã luôn tạo điều kiện, khuyến khích và giữ vững một số ngành nghề đang phát triển ổn định như hàn, cơ khí, mộc cũng góp phần giải quyết được lượng lao động dư thừa và tạo thu nhập ổn định cho người dân.

Về thương mại - dịch vụ: trên địa bàn xã có 07 doanh nghiệp tư nhân và hơn 200 hộ kinh doanh dịch vụ gồm các ngành nghề như: vận tải hàng hóa, buôn bán vật liệu xây dựng... được duy trì và hoạt động ổn định từ đó đã góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế của địa phương cũng như giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, hệ thống chợ, siêu thị mini, cửa hàng tạp hóa cũng phát triển mạnh mẽ, hàng hóa kinh doanh đa dạng, phong phú về chủng loại, đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân trên địa bàn.

Về nông - lâm - thủy sản: hợp tác xã nông nghiệp đã tổ chức mở các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phương pháp chăm sóc phòng trừ sâu bệnh. Chính vì vậy vụ Xuân, vụ Mùa của xã đã đạt thắng lợi lớn. Sản lượng lương thực đạt 5.643,02 tấn đạt 100,7% kế hoạch đề ra. Tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật cho Nhân dân. Năm 2020, thực hiện đưa các loại giống mới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Cùng với đó tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ cao, làm tốt công tác tiêu độc khử trùng, phòng chống dịch bệnh nên trong năm trên địa bàn xã không có dịch bệnh xảy ra.

b) Thu chi ngân sách

Trong công tác thu chi ngân sách, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo quyết liệt các biện pháp triển khai thu ngân sách, thu nợ đọng thuế, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi đúng nội dung, đúng đối tượng. Năm 2020, tổng thu ngân sách toàn xã đạt 13,29 tỷ đồng, tổng chi ngân sách toàn xã đạt 13,22 tỷ đồng.

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: xã đã thực hiện tốt phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình, làng xóm văn hóa, phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ như: 95,6% hộ trong xã đạt gia đình văn hóa; 95,2% xóm đạt xóm văn hóa; 100% cơ quan đạt cơ quan văn hóa. Hệ thống thiết chế văn hóa từ xã đến xóm tiếp tục được đầu tư, gắn với nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được duy trì và phát triển.

Hệ thống sân luyện tập thể dục - thể thao được xây dựng đồng bộ từ các xóm cho đến xã nhằm đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe, vui chơi giải trí của người dân. Công tác thể dục, thể thao cũng được quan tâm, trong năm xã đã chủ trì, phối hợp tổ chức các giải thể thao của thị xã và Ban Văn hóa xã với các nội dung thi đấu, như: bóng chuyền, bóng đá, cầu lông...

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường các nhà trường đều được đầu tư tu sửa khang trang, sạch, đẹp và thóang mát đáp ứng tốt công tác dạy và học như: trường trung học cơ sở được đầu tư nâng cấp, sửa chữa toàn bộ 13 phòng học, 04 phòng học bộ môn, 08 phòng làm việc, 01 phòng họp và khu nhà thư viện thiết bị. Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên các nhà trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn; chất lượng giáo dục liên tục được nâng cao; công tác phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở được duy trì và giữ vững chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia. Bên cạnh đó, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn xã ngày càng được quan tâm, cải thiện tốt hơn. Năm học 2019 - 2020, 100% học sinh trên địa bàn xã tốt nghiệp trung học cơ sở, kết quả thi vào lớp 10 các trường công lập đạt tỷ lệ cao.

- Về lĩnh vực y tế: trên địa bàn xã có 01 trạm y tế xã với diện tích 200 m2, gồm có 8 phòng khám chữa bệnh và 5 giường bệnh cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân trên địa bàn. Đội ngũ cán bộ y tế đã được quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, hướng dẫn công tác phòng chống dịch bệnh. Năm 2020, trạm y tế xã đã khám chữa bệnh cho 4.605 lượt người. Bên cạnh đó, trạm đã thực hiện tốt việc tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm, giám sát công tác phòng chống dịch bệnh. Công tác y tế dự phòng, chống dịch được đảm bảo, khoanh vùng không để dịch bùng phát được triển khai tích cực, có hiệu quả. Ngoài trạm y tế, trên địa bàn còn có các cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập và các quầy thuốc tư nhân đã phục vụ kịp thời nhu cầu của người dân từ đó chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân trong xã đã được nâng lên.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Gắn với thực hiện nhiệm vụ chương trình xây dựng nông thôn mới, hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã đã được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư xây dựng. Hiện nay, ngoài tuyến đường tỉnh 261 chạy qua với chất lượng tốt xã còn có hệ thống giao thông toàn xã với chiều dài 31,32 km, với bề rộng mặt đường từ 4 - 8 m. Các tuyến đường trong xã cơ bản đã được cứng hóa, bê tông hóa đảm bảo phục vụ đời sống của người dân trong việc lưu thông hàng hóa và các hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế. Hệ thống giao thông nội đồng cũng được tập trung phát triển xây dựng để đảm bảo việc đi lại, vận chuyển phân bón, nông sản của người dân trong các vụ mùa.

b) Về điện

Hệ thống lưới điện trung thế và lưới điện hạ thế đã được phủ kín trên toàn địa bàn xã. Nguồn điện theo mạch điện từ mạng lưới điện quốc gia thông qua các trạm 220/110 KV Phú Bình, 110/35/22 KV- 40 MVA Sông Công, trạm 110/35/22/6 KV-(25+63) MVA. Hệ thống đường dây điện trung thế, hạ thế và đường dây xương cá vào ngõ xóm của xã tương đối tốt, cung cấp điện đến 100% hộ dân.

Các tuyến đường chính phần lớn đã có hệ thống chiếu sáng đèn đường. Các tuyến đường nội bộ trong xóm, ngõ sẽ được tiếp tục đầu tư đèn đường chiếu sáng công cộng.

c) Về cấp, thoát nước

Trên địa bàn xã đã có hệ thống cung cấp nước sạch do Xí nghiệp nước sạch Sông Công cấp. Hệ thống cấp nước sạch được lắp đặt dọc theo các tuyến đường dẫn vào các xóm, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt cho người dân, tỷ lệ hộ dân sử dụng nguồn nước sạch, hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 99,80%.

Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã khá hoàn chỉnh, trong các xóm đều có hệ thống rãnh thu thoát nước, sau đó toàn bộ nước thải của các xóm thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Trong năm, chính quyền xã thường xuyên vận động người dân tham gia nạo vét khơi thông, đảm bảo dòng chảy thông thóang nhằm đáp ứng cho việc thoát nước và phục vụ cho việc tưới tiêu.

d) Về viễn thông

Hiện nay, dịch vụ điện thoại cố định, di động, internet, truyền hình tương tác, dịch vụ viễn thông công ích... ngày một phát triển và mở rộng. Mạng viễn thông phát triển giúp người dân không ngừng nâng cao trình độ, tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống, góp phần đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế, nâng cao kiến thức và nắm bắt kịp thời những thông tin kinh tế thị trường, quảng bá sản phẩm và quốc phòng, an ninh hiện nay.

đ) Về vệ sinh môi trường

Trong công tác bảo vệ môi trường, xã Đắc Sơn luôn duy trì tổ thu gom rác thải ở các xóm, đảm bảo không có rác tồn trong dân cư dài ngày; rác được đưa ra bãi tập kết, tập trung để xử lý một cách đảm bảo, đúng quy trình. Tỷ lệ rác thải được thu gom trên địa bàn hiện đạt 85,19% được các hợp tác xã dịch vụ môi trường thu gom và vận chuyển đến khu xử lý rác thải tại xã Minh Đức để xử lý theo quy định.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân xã thực hiện chương trình đưa nhiệm vụ gìn giữ môi trường đi vào nề nếp trong cộng đồng dân cư; các cấp, các ngành trong xã thường xuyên duy trì phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, định kỳ hàng tuần, hàng tháng có các buổi lao động vệ sinh chung, giúp cho các tuyến đường luôn được sạch đẹp, hệ thống thoát nước được thông thóang.

### 7. Hiện trạng quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Ban chỉ huy quân sự xã đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương. Triển khai xây dựng kế hoạch gọi công dân nhập ngũ năm 2021. Tổ chức khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự theo kế hoạch, tổng số nam thanh niên được điều động khám sơ tuyển 23 người. Hoàn thiện danh sách, lập hồ sơ đối với nam thanh niên đủ điều kiện về sức khỏe để điều động khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại hội đồng nghĩa vụ quân sự thị xã.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo không để xảy ra các vụ lớn, nhất là trong các ngày lễ, tết trên địa bàn. Thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn; giải quyết các thủ tục hành chính, quản lý, đăng ký hộ khẩu theo quy định của pháp luật. Tổ chức triển khai, triệt phá các hành vi vi phạm pháp luật như cờ bạc, số đề… gây bức xúc trong Nhân dân.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã Đắc Sơn

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Đắc Sơn là 27 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch (kiêm nhiệm Phó Bí thư Đảng ủy), 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 19 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 10 người.

- Công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sỹ: 02 người, đại học: 12 người, trung cấp: 05 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 14 người, sơ cấp: 05 người.

## II. XÃ NAM TIẾN

### 1. Lịch sử hình thành

Những năm trước đây đến Cách mạng tháng Tám, địa bàn xã Nam Tiến là vùng đất làng Hoàng Đàm và vùng đất làng Thông Hạc thuộc tổng Hoàng Đàm, phủ Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1946, thực hiện chỉ đạo của tỉnh, chính quyền huyện Phổ Yên tổ chức sáp nhập các làng: Hoàng Đàm, Thông Hạc, Cốt Ngạch, Thanh Thù, Đại Hữu, Sơn Cốt, Đắc Hiền thành xã Đồng Tiến.

Năm 1953, các làng Thông Hạc và Hoàng Đàm tách khỏi xã Đồng Tiến để thành lập xã Nam Tiến thuộc huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên. Theo đó, xã Nam Tiến thuộc thị xã Phổ Yên có 11 xóm, bao gồm: Chùa, Đình, Đồi, Giữa, Hạ, Hộ Sơn, Lò, Núi 1, Núi 2, Trại, Trường Thịnh và hoạt động ổn định cho đến ngày nay.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Nam Tiến nằm ở khu vực trung tâm thị xã Phổ Yên, có địa giới hành chính:

- Đông giáp xã Tân Hương;

- Tây giáp xã Đắc Sơn và xã Vạn Phái;

- Nam giáp xã Trung Thành;

- Bắc giáp phường Ba Hàng và phường Đồng Tiến.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 xã Nam Tiến có diện tích tự nhiên 8,31 km². Trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 6,55 km2, chiếm tỷ lệ 78,82%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 1,75 km2, chiếm tỷ lệ 21,06%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,01 km2, chiếm tỷ lệ 0,02%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 9.124 người trong đó dân số thường trú là 8.542 người, dân số tạm trú quy đổi là 582 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 6.735 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.319 người, chiếm 19,58%;

- Lao động phi nông nghiệp: 5.416 người, chiếm 80,42%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2020, Ủy ban nhân dân xã tăng cường công tác quản lý nhà nước, củng cố và phát triển kinh tế; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Kinh tế của xã luôn giữ được nhịp tăng trưởng; ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực.

Về công nghiệp - xây dựng: xã luôn có chủ trương khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tập thể và cá nhân đầu tư phát triển các ngành nghề tiềm năng, kết hợp với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về tiếp tục phát triển hoạt động doanh nghiệp, các công ty, cơ sở sản xuất tập trung phát triển và mở rộng sản xuất các ngành nghề như: sửa chữa cơ khí, điện tử, gò hàn, nghề mộc, nề và một số ngành nghề khác. Bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị, mở rộng cơ sở sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Năm qua xã đã đầu tư xây dựng và cứng hóa được 4,3 km đường giao thông nông thôn; cứng hóa được 9,4 km đường ngõ xóm.

Về thương mại - dịch vụ: hoạt động thương mại dịch vụ phát triển đa dạng, phong phú với nhiều hình thức, đã phát huy được lợi thế gần chợ trung tâm, giáp với khu công nghiệp Yên Bình và thuận lợi về giao thông như đường Quốc lộ 3, đường nút giao Yên Bình. Trên địa bàn phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ: xây dựng, vận tải, ăn uống đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất, phục vụ đời sống và sinh hoạt của người dân trong xã.

Về nông - lâm - thủy sản: Tổng sản lượng lương thực đạt 3.950 tấn bằng 101,4% kế hoạch. Năm 2020, Ủy ban nhân dân xã Nam Tiến đã chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn các lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân tham gia nhằm nắm bắt tình hình chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cây trồng cho thích hợp và đạt kết quả cao.

b) Thu chi ngân sách

Trong phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân xã đã chú trọng, quan tâm về công tác thu chi ngân sách trên địa bàn để đảm bảo dự toán cấp trên giao. Các hình thức thu ngân sách Nhà nước đã từng bước thay đổi, điều chỉnh để thực hiện phù hợp với nhiệm vụ đảo bảo nguồn thu, chống thất thu. Năm 2020, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 9,66 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 9,46 tỷ đồng.

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tiếp tục được duy trì và thực hiện tốt. Kết quả đạt được năm 2020 với 90,1% gia đình đạt gia đình văn hóa, 91% xóm đạt xóm văn hóa, 100% cơ quan đạt cơ quan văn hóa. Hệ thống loa truyền thanh tiếp sóng của đài truyền thanh thị xã đã cung cấp và tuyên truyền các chính sách của Đảng và Nhà nước. Hàng năm xã đều tổ chức tham gia các hội thi thể dục - thể thao, tìm kiếm những vận động viên có thành tích cao đi các giải do thị xã và tỉnh tổ chức. Duy trì hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao như: câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ cầu lông... góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, rèn luyện sức khỏe cho người dân.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Trên địa bàn xã có 3 cấp học gồm: trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở. Các trường đã hoàn thành tốt kế hoạch giáo dục năm học 2019 - 2020. Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất các nhà trường liên tục được củng cố và hoàn thiện, 100% trường giữ vững các tiêu chuẩn trong chuẩn quốc gia cấp độ I. Phong trào xây dựng “trường học thân thiện, học sinh tích cực” đạt hiệu quả tốt. Duy trì 100% trẻ em trong độ tuổi được đi học.

- Về lĩnh vực y tế: xã có 01 trạm y tế với diện tích 930 m2 cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Trong năm, trạm y tế đã thực hiện tốt các chương trình y tế, công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân luôn được quan tâm, chú trọng. Tập trung thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh ban đầu cho người dân, công tác tiêm chủng cho trẻ dưới 1 tuổi, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng trên địa bàn.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Nam Tiến khá tốt và đồng bộ, phần lớn đã được nhựa hóa, bê tông hóa. Đường Quốc lộ 3 đoạn qua xã có chiều dài 1 km, mặt cắt 21 m, kết cấu bê tông nhựa, chất lượng tốt. Đây là tuyến giao thông quan trọng kết nối xã với các xã lân cận. Bên cạnh đó, hệ thống đường trục xã, liên xóm với tổng chiều dài 18,69 km, mặt cắt đường từ 3,5 - 6 m đã được đổ bê tông. Hệ thống đường giao thông ngõ xóm trong xã với mặt cắt đường nhỏ, kết cấu chủ yếu là bê tông đáp ứng được chỉ tiêu kỹ thuật trong tiêu chí nông thôn mới. Ngoài ra, xã thường xuyên duy tu bảo dưỡng các tuyến đường trên địa bàn nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đi lại, giao thương vận chuyển hàng hóa của người dân.

b) Về điện

Hệ thống cung cấp điện của xã gồm 11 trạm biến áp, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện cho người dân. Toàn bộ các hộ dân của xã đều được cấp điện sinh hoạt, điện sản xuất từ các trạm cao áp thông qua trạm biến áp trung gian đặt tại các thôn xóm. Năm 2020, sản lượng điện sinh hoạt toàn xã là 4.841.794 kwh, tỷ lệ chiều dài đường phố chính được chiếu sáng đạt 99,36%.

c) Về cấp, thoát nước

Khu vực xã Nam Tiến có nhà máy nước sinh hoạt được xây dựng theo chương trình nước sạch nông thôn công suất 475 m3/ngày đêm, cấp cho các hộ dân tại xã Nam Tiến, đáp ứng được nhu cầu dùng nước của người dân. Nhà máy sử dụng nguồn nước ngầm được khai thác từ 5 giếng khoan. Chất lượng nước ngầm tương đối đảm bảo. Ngoài ra các hộ còn sử dụng giếng khoan lọc qua than hoạt tính để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

Xã chưa có hệ thống thoát nước riêng chỉ có hệ thống thoát nước mưa chung, chủ yếu hệ thống thoát nước nằm dọc 2 bên trục chính qua xã. Hầu hết là cống tròn Φ50 - Φ100 được xử lý qua các bể điều hòa và thoát ra các kênh rạch. Nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua hệ thống bể tự hoại 2 - 3 ngăn trước khi thải ra hệ thống cống chung của khu vực.

d) Về viễn thông

Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Mạng lưới viễn thông đang được quan tâm đầu tư mạnh, cung cấp đầy đủ các loại dịch vụ về thông tin liên lạc, giúp người dân tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Hệ thống truyền hình cáp, internet được xây dựng với chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc và khai thác của người dân, góp phần tích cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực.

đ) Về vệ sinh môi trường

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đến người dân về công tác bảo vệ môi trường bằng các hình thức nhất là vào các ngày lễ, tuần lễ truyền thông về bảo vệ môi trường. Duy trì thực hiện phong trào “ngày thứ bảy Xanh - Sạch - Đẹp” hàng tuần, cương quyết xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường như xả thải, đổ rác bừa bãi, khói bụi, tiếng ồn... trong các cơ sở sản xuất kinh doanh hộ gia đình. Năm 2020, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom trên địa bàn đạt 86,73% được thu gom tập kết và vận chuyển đến khu xử lý rác thải tại xã Minh Đức để xử lý.

### 7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Ban Chỉ huy quân sự xã quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật, trang thiết bị vũ khí, đảm bảo sẵn sàng khi có tình huống xảy ra. Xây dựng kế hoạch, rà soát quân số dân quân để ra quân huấn luyện với tổng số 74 cán bộ, chiến sỹ. Phối hợp với các đơn vị quân đội thực hiện công tác phúc tra huấn luyện dự bị động viên năm 2020.

Thực hiện tốt công tác tuyển quân, bàn giao 11 tân binh lên đường nhập ngũ cho Ban Chỉ huy quân sự thị xã. Xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo sẵn sàng khi có tình huống xảy ra.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Lực lượng công an xã đã tích cực tuần tra, canh gác, kiểm tra nhân khẩu, phát động phong trào “toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, kế hoạch phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội.

Triển khai tốt kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn xã trước, trong và sau Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phối hợp, cử lực lượng công an xã tham gia làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo an toàn dịch bệnh trên địa bàn xã; phối hợp với Điện lực thị xã tuyên truyền, nhắc nhở người dân không thả diều gần đường điện cao thế để đảm bảo an toàn hành lang lưới điện; phối hợp với các trường học tổ chức mô hình cổng trường an toàn giao thông.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Nam Tiến là 26 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 20 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 10 người.

- Công chức: 10 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sỹ: 01 người; đại học: 16 người; trung cấp: 03 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 12 người; sơ cấp: 08 người.

## III. XÃ TIÊN PHONG

### 1. Lịch sử hình thành

Ngày [25 tháng 3](https://vi.wikipedia.org/wiki/25_th%C3%A1ng_3) năm [1948](https://vi.wikipedia.org/wiki/1948), theo Sắc lệnh số 148/SL của [Chủ tịch Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_t%E1%BB%8Bch_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh), xã Tiên Phong được ra đời thuộc huyện Phổ Yên.

Ngày 26 tháng 11 năm 1970, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 72-BT sáp nhập xã Đại Xuân vào xã Tiên Phong.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của huyện Phổ Yên. Xã Tiên Phong thuộc thị xã Phổ Yên có 27 xóm: Hòa Bình, Quyết Tiến, Đại Tân, Định Thành, Thái Cao, Kết Hợp, Ao Cả, Hảo Sơn 1, Hảo Sơn 2, Yên Trung 1, Yên Trung 2, Nguyễn Hậu 1, Nguyễn Hậu 2, Ngọc Lâm, Hương Lâm, Trung Lâm, Đông Lâm, Trong, Đông Đoài, Đồng Xuân, Giã Trung 1, Giã Trung 2, Giã Thù 1, Giã Thù 2, Giã Thù 3, Giã Thù 4, Trung Quân và hoạt động hổn định đến ngày nay.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Tiên Phong nằm ở phía Đông của thị xã Phổ Yên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và xã Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên;

- Tây giáp xã Tân Hương và xã Đông Cao;

- Nam giáp xã Hòa Sơn và xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

- Bắc giáp xã Nga My, huyện Phú Bình và phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 xã Tiên Phong có diện tích tự nhiên 14,82 km². Trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 12,88 km2, chiếm tỷ lệ 86,91%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 1,86 km2, chiếm tỷ lệ 12,55%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,08 km2, chiếm tỷ lệ 0,54%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 16.694 người trong đó dân số thường trú là 16.632 người, dân số tạm trú quy đổi là 62 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 11.394 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.845 người, chiếm 16,09%;

- Lao động phi nông nghiệp: 9.549 người, chiếm 83,91%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Xã có 3 làng nghề đã được công nhận là làng nghề truyền thống, trong đó có 01 làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ và 02 làng nghề mây tre đan. Trong những năm gần đây, sự phát triển của các khu công nghiệp, các hoạt động sản xuất, kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã ngày một phát triển, giải quyết tốt việc làm cho lao động, tạo ra thu nhập cao và ổn định, nâng cao mức sống của Nhân dân, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

Về công nghiệp - xây dựng: công nghiệp - xây dựng là lĩnh vực phát triển mang tính đột phá mũi nhọn tại địa phương. Xã đã định hướng quy hoạch mở rộng các làng nghề, từng bước tách khu vực sản xuất ra khỏi khu dân cư nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: quy hoạch khu sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ ở thôn Giã Trung, Nguyễn Hậu, Thù Lâm với tổng diện tích quy hoạch 6 ha. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các hộ sản xuất tiếp cận với nguồn vốn của các tổ chức tín dụng. Hiện nay, tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã là 1.180 cơ sở và hoạt động có hiệu quả đã tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động đã góp phần tăng thu nhập và nâng cao đời sống người.

Về thương mại - dịch vụ: xã hiện có 01 chợ với diện tích 3.000 m2, cơ bản đã đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa, sinh hoạt của người dân. Với sự phát triển hàng hóa đa dạng cùng các cửa hàng tạp hóa, buôn bán nhỏ lẻ nhiều đang là động lực lớn thúc đẩy phát triển kinh tế của xã. Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, xã đã khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển đa dạng hóa các ngành nghề dịch vụ. Một số loại hình dịch vụ mới được đầu tư và đi vào hoạt động như: dịch vụ thẩm mỹ, dịch vụ vui chơi giải trí... Công tác quản lý Nhà nước về thương mại dịch vụ được tăng cường.

Về nông - lâm - thủy sản: xã đã xây dựng kế hoạch hàng năm về sản xuất nông nghiệp, giao chỉ tiêu cho các xóm, đồng thời chuẩn bị các điều kiện sản xuất như: giống, phân bón, điều tiết nước, tập huấn hướng dẫn người dân phòng chống sâu bệnh, dịch bệnh, phổ biến áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chăn nuôi nên kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã đã đạt được kết quả khả quan. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 7.450,47 tấn.

b) Thu chi ngân sách

Trong những năm gần đây, Ủy ban nhân dân xã đã triển khai thực hiện đồng bộ một số nhóm giải pháp tăng thu ngân sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với lợi thế so sánh của địa phương. Năm 2020, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 16,55 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 15,71 tỷ đồng. Chi ngân sách theo phân bổ hàng năm, đảm bảo chi cho các hoạt động thường xuyên của cơ quan.

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: tập trung tổ chức tốt các hoạt động nhân các ngày lễ, các sự kiện lịch sử, chính trị, kinh tế của Trung ương, tỉnh, thị xã và xã. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong dịp tết Nguyên đán, kỷ niệm ngày thành lập Đảng... Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chính sách của Đảng và Nhà nước thông qua hệ thống truyền thanh của xã.

Phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn phát triển mạnh với các câu lạc bộ thể thao hoạt động thường xuyên. Trong năm xã đã tổ chức các giải thể thao như: giải bóng đá và giải bóng chuyền hơi cho người dân tham gia. Bên cạnh đó, hệ thống sân luyện tập thể dục - thể thao tại các xóm cũng được quan tâm, tu sửa, nâng cấp, xây dựng mới và chuẩn hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe nâng cao thể chất, xây dựng nếp sống lành mạnh của người dân theo hướng hiện đại và năng động.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: trên địa bàn xã có 03 cấp trường, trong năm học 2019 - 2020, tỷ lệ lên lớp của các trường đều đạt trên 98%, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 100%. Duy trì tỷ lệ phổ cập giáo dục cho các cấp học. Cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học liên tục được quan tâm đầu tư. Bên cạnh đó ban giám hiệu các trường luôn quan tâm đến việc đào tạo chuẩn đội ngũ giáo viên, triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, công tác kiểm tra chuyên đề và kiểm tra đột xuất được thực hiện thường xuyên, liên tục mang lại hiệu quả cao ngay từ đầu năm học, thường xuyên quán triệt đội ngũ giáo viên thực hiện nghiêm túc theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác dạy và học.

- Về lĩnh vực y tế: trạm y tế được xây dựng tại xóm Đồng Xuân với diện tích là 2.750 m2. Trạm y tế đã tiếp tục thực hiện tốt đề án chuẩn y tế cấp cơ sở. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch phòng chống dịch, kiện toàn ban chỉ đạo phòng chống dịch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên ban chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh một cách đồng bộ, thường xuyên liên tục trên toàn xã, bám sát diễn biến tình hình dịch bệnh trên địa bàn xã để tham mưu xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh đảm bảo hiệu quả, tránh hình thức.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Hệ thống đường giao thông từ trung tâm thị xã về xã và đường giao thông liên xã cơ bản đã được trải nhựa và cứng hóa. Ngoài ra, hệ thống đường liên xóm của xã với tổng chiều dài 6,48 km cơ bản đã được bê tông hóa phục vụ tốt cho sinh hoạt cũng như sản xuất của người dân trên địa bàn, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế của xã trong tương lai.

b) Về điện

Trên địa bàn có 09 trạm biến áp và hàng chục km đường dây trung thế, hạ thế. Hệ thống điện đã được đầu tư, nâng cấp, bảo dưỡng, sửa chữa đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn không bị gián đoạn trong sinh hoạt và sản xuất, góp phần không nhỏ trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của người dân. Năm 2020, sản lượng điện sinh hoạt là 8.389.366 kwh; tỷ lệ hộ dân sử dụng lưới điện quốc gia trên địa bàn đạt 100%.

Để phục vụ hoạt động của người dân xã đã xây dựng mới trên nhiều km đường điện chiếu sáng tại các tuyến đường trục xã và các xóm. Tỷ lệ chiều dài đường phố chính được chiếu sáng đạt 96,07%.

c) Về cấp, thoát nước

Nguồn nước sử dụng của xã được cung cấp bởi Xí nghiệp nước sạch Sông Công với công suất 20.000 m3/ngày đêm, đã đảm bảo cung cấp nước sạch cho các hộ dân sử dụng trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất. Năm 2020, tỷ lệ số hộ dùng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 95,40%.

Hệ thống cống thoát nước được đầu tư xây dựng dọc theo 2 bên đường trục chính qua xã. Nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua hệ thống bể tự hoại 2 - 3 ngăn. Hầu hết hệ thống cống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp thải ra hệ thống cống chung của thị xã được xử lý qua các trạm xử lý nước thải và chảy ra sông Cầu và ngòi Gạo.

d) Về viễn thông

Xã hiện có 01 trạm bưu điện thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên. Hệ thống mạng lưới internet và mạng điện thoại đã được phủ sóng trên toàn địa bàn, đáp ứng tốt mọi nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Các dịch vụ internet, truyền hình được đầu tư mở rộng, giúp người dân không ngừng nâng cao trình độ, tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất.

đ) Về vệ sinh môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được cấp Ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo nên cơ bản đã đi vào nề nếp. Thường xuyên vận động, tuyên truyền các cơ quan, đoàn thể, tham gia tổ chức Ngày thứ bảy xanh, đồng thời vận động người dân trên địa bàn dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm, thu gom rác thải đúng nơi quy định và có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh môi trường, nhằm đảm bảo tốt cảnh quan môi trường trên địa bàn xã. Tỷ lệ rác thải được thu gom trên địa bàn hiện đạt 83,53% được thu gom tập trung và vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải tại xã Minh Đức để xử lý theo quy định.

### 7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Trong năm qua, các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được hoàn thành, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Công tác sẵn sàng chiến đấu được duy trì ở chế độ thường xuyên, hệ thống các văn kiện chiến đấu được xây dựng mới theo hướng dẫn của cấp trên và thông qua phê duyệt theo phân cấp. Thường xuyên phối hợp với lực lượng công an giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân năm 2020, tổ chức đưa tân binh lên đường nhập ngũ đảm bảo an toàn tuyệt đối. Tổ chức huấn luyện các đối tượng dân quân dự bị theo đúng kế hoạch, đúng nội dung, đảm bảo thời gian theo quy định.

Thường xuyên duy trì đầy đủ vật chất, kỹ thuật sẵn sàng chiến đấu theo quy định của cấp trên. Xây dựng hoàn chỉnh các văn kiện sẵn sàng chiến đấu, kịp thời bổ sung để phù hợp với phương án, nhiệm vụ của địa phương. Bảo đảm đầy đủ vũ khí trang bị kỹ thuật cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Duy trì và thực hiện tốt chế độ kiểm tra, bảo quản vũ khí trang bị kỹ thuật làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu theo định kỳ, vũ khí luôn sạch sẽ, đúng quy định, đảm bảo an toàn tuyệt đối.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã đã chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự xã làm tốt công tác đăng ký quản lý quân nhân dự bị phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân và đăng ký công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ theo đúng quy định.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong năm được đảm bảo, Công an xã thường xuyên xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch tấn công, truy quét tội phạm đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, không để các vụ việc phức tạp, các điểm nóng về an ninh trật tự xảy ra.

Đã xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19, đặc biệt kiểm tra cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn tuyệt đối trong thời gian diễn ra Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXII.

Công tác quản lý về nhân hộ khẩu, quản lý cư trú được thực hiện thường xuyên. Đặc biệt quản lý chặt chẽ số người từ nơi khác, người nước ngoài đến lưu trú tại địa phương. Thường xuyên phối hợp với Công an thị xã thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, công tác phòng cháy chữa cháy, quản lý các cơ sở kinh doanh có điều kiện trên địa bàn xã.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Tiên Phong là 29 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 17 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 11 người.

- Công chức: 06 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học 16 người; cao đẳng: 01 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 14 người; sơ cấp: 03 người.

## IV. XÃ ĐÔNG CAO

### 1. Lịch sử hình thành

Trước Cách mạng tháng Tám, xã Đông Cao thuộc tổng Tiểu Lễ của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Năm 1887, tổng Tiểu Lễ của huyện Hiệp Hòa được nhập về huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 21 tháng 12 năm 1945, Hồ Chủ tịch ra sắc lệnh 77/SL về tổ chức chính quyền Nhân dân và ủy ban hành chính các cấp, theo đó đầu năm 1946 tổng Tiểu Lễ đổi thành xã Tân Tiến. Tháng 3 năm 1954 xã Tân Tiến được tách làm 3 xã gồm: xã Tân Hương, xã Tân Phú và xã Tân Tiến.

Đến tháng 4 năm 1975, UBND tỉnh Bắc Thái quyết định đổi tên xã Tân Tiến của huyện Phổ Yên thành xã Đông Cao.

Ngày [6 tháng 11](https://vi.wikipedia.org/wiki/6_th%C3%A1ng_11) năm [1996](https://vi.wikipedia.org/wiki/1996), Quốc hội khóa IX ra Nghị quyết chia tỉnh Bắc Thái để tái lập tỉnh [Bắc Kạn](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_K%E1%BA%A1n) và tỉnh [Thái Nguyên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Nguy%C3%AAn). Xã Đông Cao thuộc huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên. Theo đó, xã Đông Cao thuộc thị xã Phổ Yên với 20 xóm: An Phong, Cò, Dỏ, Dộc, Đình, Đông, Đồi, Me, Nghè, Rùa, Sắn, Soi Trại, Tân Ấp, Tân Trung, Thành, Thượng Trại, Trà Thị, Trang, Việt Cường, Việt Hùng và hoạt động ổn định cho đến ngày nay.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Đông Cao nằm ở phía Đông Nam của thị xã Phổ Yên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Quang Minh, Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên;

- Tây giáp xã Trung Thành;

- Nam giáp xã Tân Phú;

- Bắc giáp xã Tân Hương.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Đông Cao có diện tích tự nhiên 6,47 km². Trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 4,75 km2, chiếm tỷ lệ 73,42%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 1,59 km2, chiếm tỷ lệ 24,57%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,13 km2, chiếm tỷ lệ 2,01%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 9.120 người trong đó dân số thường trú là 9.097 người, dân số tạm trú quy đổi là 23 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 5.721 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.063 người, chiếm 18,58%;

- Lao động phi nông nghiệp: 4.658 người, chiếm 81,42%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Trong những năm qua, thực hiện công cuộc đổi mới của đất nước, Đảng bộ và nhân dân xã Đông Cao đã phát huy truyền thống, tích cực khai thác tiềm năng thế mạnh, huy động mọi nguồn lực, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Về công nghiệp - xây dựng: xã đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân phát triển các lĩnh vực như: sửa chữa cơ khí, điện tử, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất dược liệu, may mặc, gò hàn, nghề mộc, nề, vận tải đã và đang góp phần giải quyết việc làm và tạo nguồn thu nhập ổn định cho lao động trên địa bàn xã và các khu vực lân cận. Bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị, mở rộng cơ sở sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Giai đoạn 2015 - 2020 nhiều công trình được đầu tư xây dựng như: nhà đa năng trung tâm văn hóa xã; hệ thống đường rãnh thoát nước trên các tuyến đường; đường điện thắp sáng các trục đường chính, đường ngõ, xóm; xây dựng 9 trạm biến áp và 38 km được trục theo dự án ZII; xây dựng nhà 2 tầng với 6 phòng học cho trường mầm non; cải tạo khuôn viên Ủy ban nhân dân xã; nâng cấp nhà bộ phận một cửa; nâng cấp trạm y tế xã.

Về thương mại - dịch vụ: trên địa bàn xã có 487 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ gồm các ngành nghề như: vận tải hàng hóa, buôn bán tạp hóa... được duy trì và hoạt động ổn định từ đó đã góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế của địa phương cũng như giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, hệ thống chợ, siêu thị cũng đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa của người dân.

Về nông - lâm - thủy sản: xã đã tổ chức tuyên truyền người dân tích cực đưa các loại cây trồng có năng suất chất lượng cao vào sản xuất. Cùng với đó hợp tác xã nông nghiệp thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn phổ biến khoa học kỹ thuật cho người dân. Chính vì vậy năm 2020 ngành nông nghiệp của xã đạt được thắng lợi lớn. Tổng sản lượng lương thực đạt 3.443,54 tấn bằng 106,7% kế hoạch năm. Mặt khác, công tác chăn nuôi trên địa bàn xã cũng được đầu tư theo quy mô gia trại, vận dụng khoa học kỹ thuật, nhiều gia đình đưa chăn nuôi trở thành nguồn thu nhập chính

b) Thu chi ngân sách

Ủy ban nhân dân xã đã khai thác đầy đủ và hiệu quả các nguồn thu ở địa phương, thực hiện chính sách tiết kiệm trong chi ngân sách Nhà nước. Năm 2020, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 13,12 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 13,07 tỷ đồng.

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: các hoạt động văn hóa thể thao, thông tin tuyên truyền hướng vào chủ đề mừng Đảng, mừng xuân và các ngày lễ lớn trong năm như lễ hội Đền Giá, kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng 3/2, ngày quốc tế phụ nữ 8/3, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, duy trì và củng cố các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền về cách phòng chống dịch bệnh Covid-19, các Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ về giãn cách xã hội trong quá trình diễn biến của dịch Covid-19 kịp thời đến Nhân dân. Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được các cấp, các ngành và toàn dân hưởng ứng tích cực với 90,87% gia đình đạt gia đình văn hóa, 88,5% xóm đạt xóm văn hóa.

Trên địa bàn xã hiện có 20 nhà văn hóa tại các thôn, 01 sân vận động trung tâm xã diện tích 5.150 m2 cùng hệ thống sân luyện tập thể thao tại các thôn cơ bản đảm bảo nhu cầu rèn luyện sức khỏe của người dân. Phong trào thể dục - thể thao ngày càng được đổi mới, cơ sở vật chất trong các sân luyện tập thể thao thường xuyên được quan tâm sửa chữa góp phần nâng cao đời sống tinh thần, rèn luyện thể dục - thể thao của người dân. Các giải thi đấu thể thao trong các dịp lễ, mừng Đảng, mừng Xuân được tổ chức với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: tiếp tục công tác xã hội hóa giáo dục, duy trì thực hiện phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học trong các nhà trường. Cùng với đó, cơ sở vật chất tại các nhà trường được xây dựng, sửa chữa khang trang góp phần đảm bảo chất lượng dạy và học; thường xuyên đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Duy trì kết quả phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi, kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, đồng thời tiếp tục duy trì kết quả phổ cập trung học cơ sở trên địa bàn. Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 99,5%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%.

- Về lĩnh vực y tế: thường xuyên quan tâm lãnh đạo thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, cùng với đó làm tốt công tác tiêm chủng mở rộng, công tác phòng chống và không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Triển khai thực hiện tốt các đợt truyền thông vận động lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình,… thúc đẩy cộng đồng chủ động tham gia thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Năm 2020, trạm y tế xã đã tổ chức khám và điều trị cho 6.700 lượt người. Tiêm phòng cho phụ nữ có thai được 151/170 người, đạt 88,8% kế hoạch năm.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Xã có đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên chạy qua đã đem đến cho Đông Cao rất nhiều cơ hội trong phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra các tuyến đường liên xã, liên xóm với tổng chiều dài 22,48 km cũng được đầu tư và cứng hóa để phục vụ tốt nhu cầu đi lại của người dân và phát triển kinh tế của xã.

b) Về điện

Trên địa bàn sử dụng nguồn điện theo mạch điện từ mạng lưới điện quốc gia thông qua các trạm 220/110 KV Phú Bình, 110/35/22 KV- 40 MVA Sông Công, trạm 110/35/22/6 KV-(25+63) MVA Gò Đầm. Toàn bộ các hộ dân của xã đều được cấp điện sinh hoạt, điện sản xuất từ các trạm cao áp thông qua trạm biến áp trung gian đặt tại các xóm. Tỷ lệ các hộ dân sử dụng điện đạt 100%. Các tuyến đường chính phần lớn đã có hệ thống chiếu sáng đèn đường, các tuyến đường nội bộ trong xóm, ngõ cũng đã được bố trí đèn đường chiếu sáng công cộng. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 98,21%. Năm 2020, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 4.631.702 kwh, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt   
sinh hoạt.

c) Về cấp, thoát nước

Các hộ dân được lắp đặt và sử dụng nước sạch từ mạng lưới cung cấp nước của nhà máy nước Sông Công, ngoài ra các hộ dân ở xa khu vực cấp nước sử dụng giếng khoan lọc qua than hoạt tính để phục vụ nhu cầu của các hộ. Năm 2020, số hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh trên địa bàn xã đạt 100%.

Để đảm bảo yêu cầu thoát nước trên địa bàn, xã đã tập trung chú trọng duy tu, bảo dưỡng và xây dựng mới các tuyến mương, cống mới chủ yếu nằm dọc 2 bên trục chính qua xã. Hầu hết là cống tròn Φ50 - Φ150 được xử lý qua các bể điều hòa và thoát ra mương 17, 23b và cống Khanh. Nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua hệ thống bể tự hoại 2 - 3 ngăn trước khi thải ra hệ thống cống chung của khu vực.

d) Về viễn thông

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn xã được đầu tư và phát triển với quy mô lớn, rộng khắp với chất lượng và mạng lưới đường truyền ngày càng ổn định đang trở thành một phương tiện thông tin thiết yếu, phục vụ kịp thời các nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Hệ thống cáp internet đầu tư hiện đại, an toàn được phủ sóng trên toàn địa bàn đã góp phần đảm bảo nhu cầu sử dụng của người dân và tiếp cận với loại dịch vụ mới.

đ) Về vệ sinh môi trường

Ủy ban nhân dân xã thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân đối với việc giữ gìn, bảo vệ môi trường chung; tổ chức ra quân dọn dẹp vệ sinh tại các xóm; đồng thời thành lập các tổ tự quản vệ sinh môi trường; gắn với công tác tuyên truyền đến từng hộ dân trên địa bàn các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Đến nay, rác thải chủ yếu được xử lý bằng phương pháp đốt và chôn lấp hợp vệ sinh; tỷ lệ thu gom rác thải trên địa bàn xã đạt 83,79%.

### 7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với lực lượng công an, tuần tra canh gác trong ngày Tết Nguyên đán, các ngày lễ lớn. Tham mưu xây dựng xong kế hoạch phòng không Nhân dân, phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2020. Tổ chức huấn luyện dân quân năm 2020 với 101 đồng chí tham gia đạt 100% chỉ tiêu giao, kết quả huấn luyện đạt loại giỏi. Quản lý tốt lực lượng dự bị động viên, hoàn thành kế hoạch phúc tra quân dự bị của các đơn vị về làm việc. Tổng số có 23 sỹ quan dự bị đủ điều kiện hoàn thành nhiệm vụ. Quân dự bị hạng 1 có 257 đồng chí, quân dự bị hạng 2 có 539 đồng chí; nam công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ có 308 công dân. Đã giao 18 thanh niên đủ sức khỏe nhập ngũ năm 2020 hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Ủy ban nhân dân xã luôn quan tâm, chỉ đạo lực lượng Công an xã đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội, tăng cường công tác tuần tra, canh gác, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội nhất là trong các ngày tết, ngày lễ lớn.

Công an xã đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã ra quyết định kiện toàn 20 tổ dân phòng; phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tuyên truyền các biện pháp phòng cháy chữa cháy cho các tổ dân phòng tại hội trường Ủy ban nhân dân xã. Thường xuyên phối hợp các đơn vị chức năng thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Xây dựng kế hoạch, phân công lực lượng bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ các sự kiện quan trọng diễn ra tại xã. Giải quyết các kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật. Thường xuyên tuyên truyền đến toàn thể Nhân dân về công tác phòng chống ma túy, các biện pháp phòng ngừa lừa đảo qua không gian mạng, an toàn giao thông đường bộ.

Hiện nay lực lượng Công an xã đã được bổ nhiệm điều động đủ 5 cán bộ Công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh Công an xã và phụ trách công tác an ninh trên địa bàn xã.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Đông Cao là 24 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 19 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 10 người.

- Công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sỹ: 01 người; đại học: 13 người; cao đẳng: 01 người; trung cấp: 04 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 14 người; sơ cấp: 05 người.

## V. XÃ TÂN PHÚ

### 1. Lịch sử hình thành

Lịch sử hình thành địa giới hành chính và tên gọi của xã Tân Phú được thay đổi bởi sự chia tách, sáp nhập trong từng thời kỳ. Năm 1887, tổng Tiểu Lễ được chuyển từ huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang về huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Trước năm 1945, ba thôn Vân Trai, Phú Cốc, Tảo Địch của xã Tân Phú ngày nay thuộc tổng Tiểu Lễ, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 21 tháng 12 năm 1945, Hồ Chủ tịch ra Sắc lệnh 77/SL về tổ chức chính quyền Nhân dân và ủy ban hành chính các cấp. Theo đó, đầu năm 1946, tổng Tiểu Lễ đổi thành xã Tân Tiến. Tháng 3 năm 1954, xã Tân Tiến được tách làm 3 xã gồm: Tân Hương, Tân Phú và Tân Tiến. Như vậy, xã Tân Phú thuộc huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, thị xã Phổ Yên được thành lập theo Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xã Tân Phú thuộc thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên gồm 11 xóm: Tân Thịnh, Tiến Bộ, Thanh Vân, Hồng Vân, Bến Cả, Đồng Lẩm, Đình – Phú Cốc, Lợi Bến, Trại, Đình – Tảo Địch, Hương Đình và hoạt động ổn định cho đến nay.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Tân Phú nằm ở phía Đông Nam của thị xã Phổ Yên, xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Quang Minh và xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

- Tây giáp xã Thuận Thành và xã Trung Thành;

- Nam giáp xã Đại Thành và xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

- Bắc giáp xã Đông Cao.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Tân Phú có diện tích tự nhiên 4,78 km². Trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 1,50 km2, chiếm tỷ lệ 31,38%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 3,19 km2, chiếm tỷ lệ 66,74%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,09 km2, chiếm tỷ lệ 1,88%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 7.025 người trong đó dân số thường trú là 6.079 người, dân số tạm trú quy đổi là 946 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 4.869 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 927 người, chiếm 19,04%;

- Lao động phi nông nghiệp: 3.942 người, chiếm 80,96%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Có lợi thế nằm dọc theo đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đồng thời với định hướng phát triển theo hướng công nghiệp, thương mại - dịch vụ, đến nay hệ thống cơ sở hạ tầng đã và đang được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt của người dân cũng như công tác sản xuất, kinh doanh của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn.

Về công nghiệp - xây dựng: sau nhiều năm nỗ lực thực hiện chủ trương thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, đến nay xã Tân Phú được xem là một trong các xã trọng điểm phát triển công nghiệp của thị xã và ngành công nghiệp - xây dựng luôn chiếm ưu thế trong nền kinh tế. Các cơ sở sản xuất đã có nhiều đổi mới về trang thiết bị, công nghệ nên chất lượng sản phẩm ngày càng cao. Cùng với đó, Ủy ban nhân dân xã cũng tạo mọi điều kiện hỗ trợ các hợp tác xã tham gia các hội chợ giới thiệu sản phẩm, quảng bá tiếp thị sản phẩm.

Về thương mại - dịch vụ: trong những năm qua, thương mại dịch vụ trên địa bàn xã phát triển ổn định. Các mô hình kinh doanh vừa và nhỏ trên địa bàn xã đang phát triển nhanh chóng, cơ bản đã đáp ứng nhu cầu mua sắm hàng hóa, sinh hoạt của người dân. Với sự phát triển hàng hóa đa dạng của các cửa hàng tạp hóa, buôn bán nhỏ lẻ nhiều đang là động lực lớn thúc đẩy phát triển kinh tế của xã Tân Phú.

Về nông - lâm - thủy sản: được sự quan tâm của các cấp, các ngành của tỉnh, thị xã đã tạo nhiều cơ chế chính sách, hỗ trợ đầu tư, khuyến khích sản xuất nông nghiệp xã phát triển. Nhất là các công tác tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn người dân thực hiện gieo cấy hết diện tích 2 vụ chăm sóc thâm canh theo quy trình kỹ thuật. Cùng với đó xã cũng đầu tư mới, tu sửa trạm bơm, nạo vét kênh mương nội đồng. Sản lượng lương thực đạt 2.652 tấn, bằng 118% kế hoạch giao.

b) Thu chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước ở trên địa bàn xã mỗi năm đều tăng phần lớn là được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của tỉnh, huyện và các ngành. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, hỗ trợ đối tượng nộp thu. Năm 2020, tổng thu ngân sách của xã đạt 7,92 tỷ đồng, tổng chi ngân sách đạt 7,85 tỷ đồng.

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: công tác thông tin tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật và Nhà nước đến người dân luôn được xã quan tâm nhất là tuyên truyền chủ trương xây dựng nông thôn mới rộng khắp các xóm và trung tâm, tạo nên phong trào thi đua sôi nổi trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh, phong trào thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ được phát triển rộng khắp trên địa bàn toàn xã. Phong trào toàn dân Đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được duy trì thực hiện toàn xã, có 3/3 xóm đạt xóm văn hóa đạt 100% kế hoạch.

Trên địa bàn xã hiện có 01 sân vận động xã với diện tích 3.700 m2, cùng với hệ thống sân thể thao tại các xóm đã cơ bản đã đáp ứng nhu cầu thể dục - thể thao, nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: năm 2020, các trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn dạy và học nhằm hoàn thành công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nâng cao. Năm học 2019 - 2020 các nhà trường đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ của ngành đề ra. Chất lượng giáo dục được nâng lên, các cuộc thi học sinh giỏi và giáo viên dạy giỏi luôn đạt kết quả cao. Trường tiểu học có 03 đồng chí đạt chiến sỹ thi đua, 19 đồng chí đạt lao động tiên tiến, 384/564 em được khen thưởng. Trường mầm non có 03 đồng chí đạt chiến sỹ thi đua, 18 đồng chí đạt lao động tiên tiến. Trường trung học cơ sở có 18 đồng chí đạt lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua 02 đồng chí. Cả 3 trường đều đạt tập thể lao động tiên tiến.

Các nhà trường tổ chức tốt lễ khai giảng năm học 2020 - 2021 đảm bảo các điều kiện cần thiết cho công tác dạy và học. Tổ chức khai mạc tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm học 2020 tại các nhà trường.

- Về lĩnh vực y tế: trạm y tế luôn duy trì tốt chế độ trực 24/24. Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ và khám chữa bệnh cho người dân. Trong năm qua trạm y tế đã khám chữa bệnh ban đầu cho 5.220 lượt bệnh nhân. Cùng với đó thực hiện quản lý tốt dịch bệnh trên địa bàn, không có ổ dịch nào xảy ra, thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng. Thực hiện tốt chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Tuyến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên chạy qua địa bàn có chiều dài khoảng 5 km, các tuyến giao thông nối với các tuyến đường cao tốc, Quốc lộ 3 đều được nhựa hóa với bề rộng mặt đường từ 8 - 12 m. Hệ thống đường giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ; hầu hết các tuyến đường làng, ngõ xóm đã được bê tông hóa và có đủ chiều rộng cần thiết đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã, phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân.

b) Về điện

Hệ thống mạng lưới điện trung thế và hạ thế trên địa bàn xã được đầu tư phát triển nhanh, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và độ an toàn của lưới điện; tỷ lệ hộ dân trên địa bàn sử dụng điện đạt 100%, tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 96,30%. Năm 2020, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 3.854.080 kwh, đã cơ bản tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh doanh, sản xuất và phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt của người dân.

c) Về cấp, thoát nước

Xã Tân Phú có công trình cấp nước sinh hoạt Tân Phú cung cấp cho các hộ trên địa bàn xã có công suất 240 m3/ngày đêm, đáp ứng được một phần các hộ sử dụng, ngoài ra xã còn sử dụng hệ thống nước sạch do Xí nghiệp nước sạch Sông Công cung cấp. Các hộ gia đình đều được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh, các giếng khoan tại các hộ gia đình đều được lọc qua bể than hoạt tính đảm bảo vệ sinh.

Chiều dài đường cống thoát nước chính là 3,3 km đã cơ bản đảm bảo tiêu thoát nước khi xảy ra mưa lớn. Trong năm, Ủy ban nhân dân xã tổ chức kêu gọi, vận động người dân tham gia nạo vét trên các tuyến mương xây và cống để đảm bảo dòng chảy được thông thóang.

d) Về viễn thông

Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên địa bàn xã là 100%, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Hệ thống truyền hình cáp, internet được xây dựng với chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc và khai thác của người dân, góp phần tích cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao kiến thức và nắm bắt kịp thời những thông tin kinh tế thị trường, quảng bá sản phẩm và quốc phòng, an ninh hiện nay.

đ) Về vệ sinh môi trường

Xã đã tập trung vào công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường; tiếp tục thực hiện đề án làm sạch đồng ruộng, vệ sinh đường làng ngõ xóm quy định; tăng cường công tác quản lý vệ sinh môi trường trên địa bàn xã; tuyên truyền, vận động người dân giữ gìn vệ sinh môi trường và thực hiện đổ rác đúng nơi quy định. Công tác thu gom rác thải và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã được được thực hiện khá tốt. Rác thải được thu gom tại các điểm tập kết sau đó vận chuyển đến bãi rác tập trung của thị xã tại xã Minh Đức. Cùng với đó xã đã chỉ đạo các thôn thường xuyên tổ chức dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, thực hiện trồng hoa chào mừng các ngày lễ lớn và các sự kiện trọng đại của đất nước.

### 7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban chỉ huy quân sự thị xã Phổ Yên và bám sát theo Luật dân quân tự vệ để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Ban chỉ huy quân sự có kế hoạch chỉ đạo các đồng chí cán bộ dân quân tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền xóm phối hợp chặt chẽ rà soát, củng cố lực lượng dân quân, đảm bảo đủ quân số biên chế theo hướng dẫn.

Năm 2020 xã Tân Phú đã thực hiện nhiệm vụ diễn tập phòng thủ: hoàn chỉnh các kế hoạch phòng thủ năm 2020, đặc biệt là các văn kiện phục cho công tác diễn tập năm 2020 được cấp trên đánh giá cao kết quả trong diễn tập.

Hoàn thành chỉ tiêu gọi và khám tuyển thanh niên nhập ngũ. Làm tốt công tác dự bị động viên. Duy trì trực sẵn sàng chiến đấu, tham mưu cho cấp ủy chính quyền xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn năm 2020.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tập trung chỉ đạo có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, lực lượng công an xã đã bám sát địa bàn, nắm chắc tình hình an ninh trong xã. Kết quả năm 2020 tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội xã cơ bản ổn định.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Tân Phú là 22 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (công chức Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (công chức Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 18 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 09 người.

- Công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 13 người; trung cấp: 05 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 13 người; sơ cấp: 05 người.

## VI. XÃ THUẬN THÀNH

### 1. Lịch sử hình thành

Từ năm 1831 đến cuối thế kỷ XIX xã Thuận Thành là một phần của xã Trung Thành thuộc tổng Thượng Giã, phủ Đa Phúc tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX đến trước khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công thuộc tổng Thượng Giã, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Tháng 7 năm 1953, xã Thuận Thành chính thức ra đời trên cơ sở tách một phần diện tích và dân cư của xã Trung Thành.

Ngày 15 tháng 6 năm 1957, tách xóm Thông của xã Thuận Thành sáp nhập vào xã Hồng Kỳ, huyện Đa Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội).

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên. Theo đó, xã Thuận Thành thuộc thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên gồm 13 xóm: xóm Chùa 1, xóm Chùa 2, xóm Dâu, xóm Đầm, xóm Xây Đông, xóm Xây Tây, xóm Thượng, xóm Lai 1, xóm Lai 2, xóm Đoàn Kết, xóm Bíp, xóm Công Thương, xóm Phú Thịnh và hoạt động ổn định cho đến ngày nay.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Thuận Thành là xã cực Nam của thị xã Phổ Yên và của tỉnh Thái Nguyên, nằm ở ngã ba ranh giới giữa tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Giang và thành phố Hà Nội. Xã có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp xã Hợp Thịnh của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

- Tây giáp xã Hồng Kỳ, xã Bắc Sơn của huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và xã Trung Thành;

- Nam giáp xã Trung Giã của huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

- Bắc giáp xã Tân Phú và xã Trung Thành.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 xã Thuận Thành có diện tích tự nhiên 5,48 km². Trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 2,79 km2, chiếm tỷ lệ 50,91%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 2,63 km2, chiếm tỷ lệ 47,99%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,06 km2, chiếm tỷ lệ 1,10%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 9.684 người trong đó dân số thường trú là 6.127 người, dân số tạm trú quy đổi là 3.557 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 6.176 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.174 người, chiếm 19,01%;

- Lao động phi nông nghiệp: 5.002 người, chiếm 80,99%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Thuận Thành là xã có tuyến Quốc lộ 3, đường sắt Hà Nội - Quan Triều và đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên chạy qua; đây cũng là cửa ngõ phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, ngăn cách với Hà Nội qua cầu Đa Phúc. Với vị trí thuận lợi như vậy tạo động lực cho xã Thuận Thành thu hút các nguồn lực đầu tư, thu hút lượng lớn các ngành kinh tế phi nông nghiệp tại xã; đã góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người dân trên địa bàn.

Về công nghiệp - xây dựng: xã đã thực hiện các chính sách khuyến khích người dân phát triển các lĩnh vực như: sản xuất vật liệu xây dựng thông thường, cơ khí, cơ chế nông sản. Nhiều hộ gia đình, doanh nghiệp tư nhân đã đầu tư thiết bị máy móc, vật tư... ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất, chất lượng sản phẩm được nâng lên, cạnh tranh đứng vững được trong cơ chế thị trường mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

Về thương mại - dịch vụ: xác định phát triển kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ. Đảng bộ xã Thuận Thành đã tập trung chỉ đạo, khuyến khích các loại hình kinh tế, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, do đó số hộ kinh doanh tăng từ 215 hộ lên 250 hộ. Hoạt động thương mại - dịch vụ, các ngành nghề ngày càng phát triển đa dạng, phong phú như: cơ khí, chế biến gỗ, dịch vụ vận tải... góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân

Về nông - lâm - thủy sản: Ủy ban nhân dân xã đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn người dân gieo cấy đúng thời vụ, chăm sóc thâm canh theo quy trình kỹ thuật, chuẩn bị vật tư, phân bón, giống phục vụ cho sản xuất. Trong năm 2020 đã tổ chức được 07 lớp tập huấn cho trên 780 lượt hộ nông dân tham dự về kỹ thuật trồng thâm canh cây lương thực, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Tổng sản lượng lương thực đạt 901,41 tấn đạt 101,8% so với kế hoạch.

b) Thu chi ngân sách

Công tác thu ngân sách được tập trung chỉ đạo, quản lý và khai thác các nguồn thu, chủ động cân đối ngân sách nên hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Năm 2020, tổng thu ngân sách đạt 6,29 tỷ, tăng 39%. Chi ngân sách đã chủ động trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cân đối ngân sách, đảm bảo chi ngân sách phụ vụ hoạt động cho con người và các nhiệm vụ ở địa phương, tổng chi ngân sách là 6,25 tỷ đồng.

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: nhà văn hóa xã Thuận Thành có diện tích 2.300 m2; sân thể thao trung tâm xã diện tích 4.900 m2. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và thông tin truyền thông được duy trì thường xuyên, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân. Các thiết chế văn hóa ngày càng được đầu tư hoàn thiện, tạo điều kiện cho Nhân dân có nơi vui chơi giải trí rèn luyện sức khỏe, xã có nhà văn hóa đa năng và 13 nhà văn hóa xóm, sử dụng hiệu quả.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: sự nghiệp giáo dục - đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý có nhiều đổi mới, cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường của các nhà trường đều được đầu tư, tu sửa khang trang, sạch đẹp và thóang mát đáp ứng tốt cho công tác dạy và học; đội ngũ giáo viên, nhân viên được chuẩn hóa và thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Các nhà trường tiếp tục duy trì các trường đạt chuẩn và giữ vững được kết quả phổ cập giáo dục 100% học sinh được lên lớp. Trên địa bàn xã có 01 trường mầm non với diện tích 4.900 m2; 03 điểm trường tiểu học với tổng diện tích 17.567 m2; 01 trường trung học cơ sở với diện tích 4.630 m2, xây 2 tầng cơ bản đáp ứng nhu cầu hoc tập của con em tại địa phương.

- Về lĩnh vực y tế: trên địa bàn xã có 01 trạm y tế với diện tích 2.000 m2, công trình xây dựng 02 tầng kiên cố, trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia năm 2010, với 05 giường và có 5 cán bộ y tế, đảm bảo nhân lực cho công tác khám chữa bệnh cho người dân trong khu vực. Ngoài ra, còn có cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập và các quầy thuốc tư nhân phục vụ cho nhu cầu của Nhân dân. Năm 2020, trạm y tế xã đã thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, chương trình tiêm chủng mở rộng và công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Tinh thần trách nhiệm và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ y, bác sỹ được nâng cao đáp ứng yêu cầu.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Trên địa bàn xã có đường Quốc lộ 3 chạy qua, cùng các tuyến đường chính trên địa bàn xã với lộ giới từ 5 - 20 m đều được nhựa hóa, bê tông hóa đã đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất kinh doanh và trao đổi hàng với các khu vực lân cận của địa phương. Ngoài ra, các tuyến đường giao thông liên xóm cũng đã được bê tông hóa đảm bảo việc đi lại của người dân được thông thóang và sạch sẽ.

b) Về điện

100% hộ dân được sử dụng mạng lưới điện quốc gia thông qua các trạm biến áp đặt tại xã thôn, xóm thông qua đường truyền tải điện. Năm 2020, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 4.879.281 kwh. Đến nay, 100% các hộ đã sử dụng điện lưới quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh doanh sản xuất, phục vụ tốt sinh hoạt đời sống. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 97,06%.

c) Về cấp, thoát nước

Hệ thống nước sạch trên địa bàn xã được cung cấp từ Xí nghiệp nước sạch Sông Công công suất 20.000 m3/ngày đêm thông qua hệ thống truyền tải nước sạch D50 - D100.

Hệ thống thoát nước được xây dựng dọc theo các tuyến đường chính với chiều dài 7,2 km cơ bản đáp ứng tốt công tác tiêu thoát nước mưa cũng như nước thải sinh hoạt từ các hộ dân chảy ra. Trong năm, chính quyền xã đã tiến hành nâng cấp và xây mới một số tuyến thoát nước trọng điểm để giải quyết tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão.

d) Về viễn thông

Xã Thuận Thành hiện có 01 trạm bưu điện thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số là 100%, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc của người dân.Các điểm dịch vụ internet, hệ thống điện thoại di động, điện thoại cố định đã phủ sóng khắp các xóm; mạng truyền dẫn hiện nay chủ yếu do VNPT, Viettel đầu tư quản lý, các hộ dân và cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện thuê lại đường truyền để sử dụng. Nhìn chung, hệ thống viễn thông xã đã phục vụ tốt nhu cầu sử dụng thông tin liên lạc của người dân.

đ) Về vệ sinh môi trường

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đến người dân về công tác bảo vệ môi trường bằng các hình thức nhất là vào các ngày lễ, tuần lễ truyền thông về bảo vệ môi trường. Duy trì thực hiện phong trào “ngày thứ bảy Xanh - Sạch - Đẹp” hàng tuần, cương quyết xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường như xả thải, đổ rác bừa bãi, khói bụi, tiếng ồn... Trong công tác bảo vệ môi trường, xã Thuận Thành luôn duy trì tổ thu gom rác thải ở các thôn, đảm bảo không có rác tồn trong dân cư dài ngày; rác được đưa ra bãi tập kết, tập trung để vận chuyển đến khu xử lý rác thải tại xã Minh Đức xử lý một cách đảm bảo, đúng quy trình. Tỷ lệ rác thải được thu gom trên địa bàn hiện đạt 85,19%.

### 7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Hàng năm tổ chức huấn luyện dân quân đều đạt loại khá trở lên. Thường xuyên rà soát nắm chắc tình hình lực lượng dự bị động viên đảm bảo 100% quân số tham gia huấn luyện khi có lệnh triệu tập. Công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ hàng năm an toàn, đạt hiệu quả thiết thực. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Hoàn thành 100% chỉ tiêu khám tuyển nghĩa vụ quân sự và gọi thanh niên lên đường nhập ngũ hàng năm. Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn hàng năm được củng cố. Lực lượng dân quân sẵn sàng ứng cứu hiệu quả khi cố tình huống tai xảy ra.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được quan tâm. Lực lượng công an viên thường xuyên được củng cố ở các xóm. Thực hiện chủ trương đưa Công an chính quy về địa bàn đến nay hoạt động hiệu quả. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã được giữ vững. Lực lượng công an xã đã duy trì thường xuyên công tác giao ban, nắm bắt tình hình, xây dựng kế hoạch phòng chống tội phạm, triệt phá các tụ điểm cờ bạc, xử lý đối tượng buôn bán, tàng trữ, sử dụng ma túy.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Thuận Thành là 24 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 16 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 10 người.

- Công chức: 6 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 07 người; trung cấp: 09 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 15 người; sơ cấp: 01 người.

## VII. XÃ HỒNG TIẾN

### 1. Lịch sử hình thành

Từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX, địa bàn xã Hồng Tiến ngày nay là vùng đất thuộc tổng Nghĩa Hương, phủ Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Cách mạng tháng Tám thành công, theo sắc lệnh bãi bỏ đơn vị hành chính cấp tổng của Chính phủ, ngày 08 tháng 10 năm 1945, tổng Nghĩa Hương đổi tên thành xã Tiến Bộ. Đến tháng 09 năm 1949, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Phổ Yên tổ chức sáp nhập hai xã Tiến Bộ và Hoàng Long của huyện Phổ Yên thành một xã, lấy tên là xã Hồng Tiến.

Cuối năm 1953, xã Hồng Tiến được chia tách thành hai xã Hồng Tiến và Thắng Lợi. Lúc này địa bàn xã Hồng Tiến bao gồm toàn bộ địa giới xã Tiến Bộ và địa bàn xã Thắng Lợi bao gồm toàn bộ địa giới xã Hoàng Long.

Thực hiện Quyết định số 41/CP ngày 09 tháng 09 năm 1972 của Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, năm 1973, huyện Phổ Yên tách một phần diện tích và dân cư của các xóm Ấm, Chùa của xã Hồng Tiến để thành lập thị trấn Bãi Bông. Xã Hồng Tiến gồm 15 xóm: Ngoài, Mãn Chiêm, Giếng, Hắng, Liên Sơn, Cống Thượng, Liên Minh, Yên Mễ, Hanh, Ấm, Diện, Thành Lập, Chùa, Đông Sinh, Hiệp Đồng.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên. Theo đó, xã Hồng Tiến thuộc thị xã Phổ Yên, có 15 xóm và hoạt động ổn định cho đến ngày nay.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Hồng Tiến nằm ở cực Bắc của thị xã Phổ Yên, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp các xã Điềm Thuỵ, Thượng Đình, Nga My, huyện Phú Bình;

- Tây giáp các phường Bách Quang, Cải Đan, Phố Cò, thành phố Sông Công và xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên;

- Nam giáp các phường Ba Hàng, Bãi Bông và Đồng Tiến;

- Bắc giáp với phường Lương Sơn, thành phố Sông Công.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Hồng Tiến có diện tích tự nhiên 18,47 km². Trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 5,76 km2, chiếm tỷ lệ 31,21%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 12,61 km2, chiếm tỷ lệ 68,22%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,10 km2, chiếm tỷ lệ 0,57%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 15.076 người (trong đó dân số thường trú là 14.019 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.057 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 10.157 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.881 người, chiếm 18,52%;

- Lao động phi nông nghiệp: 8.276 người, chiếm 81,48%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Trong những năm qua, tình hình kinh tế của xã Hồng Tiến phát triển ổn định; tỷ trọng nông lâm thủy sản theo hướng giảm dần còn công nghiệp xây dựng có chuyển hướng tăng về năng suất lẫn chất lượng. Kinh tế chủ đạo của xã Hồng Tiến là sản xuất theo hướng đa dạng hóa các sản phẩm, phát triển kinh tế ở các khu công nghiệp.

Về công nghiệp - xây dựng: từng bước thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2015 - 2020 theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp xây dựng trong cơ cấu các ngành kinh tế, đến năm 2020 sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 122,6 tỷ đồng. Trên địa bàn xã có 2 khu công nghiệp lớn là khu công nghiệp Điềm Thụy và khu công nghiệp Yên Bình tập trung hàng loạt các công ty lớn ở nhiều lĩnh vực khác nhau đang tạo sự phát triển vượt bậc về kinh tế, thu hút nguồn lao động tại địa phương và đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho người dân trong xã.

Bên cạnh đó, xã cũng không ngừng hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới theo kế hoạch, đầu tư xây dựng tuyến kênh nội đồng xóm Giếng dài 730 m; trạm bơm Vân Thượng 1 xóm Mãn Chiêm dài 1.077 m. Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài khoảng 2.200 m.

Về thương mại - dịch vụ: xã đã đẩy mạnh các hoạt động thu hút đầu tư phát triển thương mại - dịch vụ. Trên địa bàn có tổng số 48 doanh nghiệp tư nhân và 34 hộ kinh doanh hoạt động buôn bán cùng với đó các dịch vụ kèm theo như phòng trọ cho công nhân thuê, hàng quán phát triển đa dạng với nhiều hình thức đã phát huy được lợi thế gần khu công nghiệp, gần chợ, gần trung tâm thương mại góp phần giải quyết việc làm, tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho   
người dân.

Về nông - lâm - thủy sản: xã thường xuyên cử cán bộ hướng dẫn bà con nông dân chăm sóc cây trồng, tổ chức tập huấn khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó, xã đã xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững và mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, từ đó đã giúp người dân nâng cao thu nhập.

b) Thu chi ngân sách

Trong những năm gần đây, Ủy ban nhân dân xã đã triển khai thực hiện đồng bộ một số nhóm giải pháp tăng thu ngân sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội gắn với lợi thế so sánh của địa phương. Năm 2020, tổng thu ngân sách đạt 14,29 tỷ đồng bằng 201% kế hoạch để ra. Chi ngân sách xã đạt 12 tỷ đồng bằng 158% kế hoạch.

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: thường xuyên tuyên truyền các nội dung chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội thông qua hệ thống truyền thanh của xã. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã đạt kết quả cao với 90% xóm đạt xóm văn hóa, 100% cơ quan đạt văn hóa, trên 90% gia đình đạt gia đình văn hóa. Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng xã thường xuyên mở cửa phục vụ nhân dân tới sinh hoạt thể thao, hoạt động văn hóa, văn nghệ, phong trào thể dục - thể thao trên địa bàn xã phát triển mạnh mẽ với nhiều bộ môn: bóng đá, bóng chuyền, bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng bàn... Phong trào thể dục - thể thao quần chúng được phát triển, các câu lạc bộ hoạt động thường xuyên có hiệu quả, công tác giao lưu thể dục - thể thao được tổ chức thường xuyên với các xã lân cận.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: công tác giáo dục luôn được quan tâm, chỉ đạo, nâng cao chất lượng dạy và học trong các nhà trường. Đẩy mạnh phong trào thi đua học tốt, dạy tốt và công tác xã hội hóa giáo dục, củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, duy trì kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở và mầm non. Duy trì 5/5 trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác khuyến học được quan tâm, các chi hội khuyến học hoạt động đạt hiệu quả tốt góp phần cho sự nghiệp giáo dục của địa phương ngày càng phát triển, khuyến khích dòng họ hiếu học.

- Về lĩnh vực y tế: chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân được nâng lên; đội ngũ y tế được nâng cao trình độ chuyên môn, công tác phòng chống dịch bệnh, quản lý ngành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được tăng cường. Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Trong năm, trạm y tế đã chủ động liên kết với các bệnh viện tuyến trên để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và trang bị thêm các trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân trong xã. Mặt khác, các dịch vụ y tế tư nhân phát triển mạng mẽ với 01 phòng khám tư nhân, 21 cửa hàng kinh doanh thuốc y dược.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã được đầu tư xây dựng khá tốt, phần lớn đã được cứng hóa và bê tông hóa với các tuyến Quốc lộ 3, đường liên huyện Phú Bình và thị xã Phổ Yên, tuyến đường nối thành phố Sông Công và Quốc lộ 3 tới xã Điểm Thụy của huyện Phú Bình. Công tác nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường giao thông trên địa bàn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong hoạt động đi lại, vận chuyển hàng hóa cũng được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư.

b) Về điện

Bán kính cấp điện lưới hạ thế trong khu vực là 1.500 - 2.500 m. Toàn bộ các hộ dân của xã đều được cấp điện sinh hoạt, điện sản xuất từ các trạm cao áp thông qua trạm biến áp trung gian đặt tại các xóm. Trong những năm qua, các tuyến đường dây trung thế, hạ thế và trạm biến áp trên địa bàn xã thường xuyên được kiểm tra, cải tạo, nâng cấp, đảm bảo cấp điện ổn định, liên tục cho sản xuất và sinh hoạt cho người dân.

Hệ thống chiếu sáng đã được xã đầu tư xây dựng hầu hết trên các tuyến đường chính và các tuyến đường trong khu nhà ở, ngõ xóm. Đến nay, tỷ lệ đường được chiếu sáng đạt 97,78.%.

c) Về cấp, thoát nước

Hệ thống nước sạch trên địa bàn xã được cung cấp từ Nhà máy nước Yên Bình công suất 100.000 m3/ngày đêm. Bên cạnh đó, một số hộ dân cũng sử dụng giếng khoan, hợp vệ sinh phục vụ nhu cầu sinh hoạt.

Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực chảy theo địa hình được thu và thoát qua hệ thống cống tròn, cống hộp và hệ thống rãnh nắp đan chủ yếu nằm dọc 2 bên trục chính qua xã. Hàng năm, hệ thống các đường cống thoát nước, mương tiêu thoát nước thường xuyên được tu sửa đảm bảo thông thoáng cho việc thoát nước.

d) Về viễn thông

Ngành bưu chính viễn thông đã có những bước phát triển nhanh chóng, chuyển hướng thực hiện theo cơ chế mới, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao. Dịch vụ viễn thông cung cấp nhiều loại hình dịch vụ mới, chất lượng cao, người dân có nhiều sự lựa chọn dịch vụ và nhà cung cấp phù hợp với điều kiện, kinh tế của từng hộ   
gia đình.

đ) Về vệ sinh môi trường

Trong những năm qua, xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường, thực hiện tốt công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải. Việc thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt tại xã do các Hợp tác xã dịch vụ môi trường thu gom, hàng ngày thực hiện thu gom rác tại các điểm tập kết rác tập trung trên địa bàn xã sau đó vận chuyển về khu xử lý rác tại xã Minh Đức để xử lý theo quy định.

### 7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Năm 2020 có 19 công dân đủ điều kiện nhập ngũ, trong đó có 17 công dân nhập ngũ của các đơn vị quân đội, 02 công dân nhập ngũ vào các đơn vị công an đảm bảo 100% chỉ tiêu giao.

Tổ chức rà soát, đăng ký quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật, công dân nam đủ tuổi trong năm. Tổ chức huấn luyện dân quân năm 2020 cho 67 dân quân đạt loại khá.

Phối hợp cùng các đơn vị dự bị động viên tổ chức phúc tra 43 đồng chí quân nhân dự bị đi huấn luyện. Công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự được 42 công dân đủ điều kiện sẵn sàng nhập ngũ, hoàn thành chỉ tiêu trên giao.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, công tác toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc trên địa bàn xã. Xây dựng kế hoạch tuần tra, canh gác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn đặc biệt đảm bảo tốt an ninh trật tự vào dịp Tết và ngày lễ lớn. Tăng cường công tác kiểm soát trên địa bàn, phân loại các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Công tác quản lý hành chính về hộ tịch, hộ khẩu thực hiện theo đúng Luật cư­ trú. Hệ thống sổ sách quản lý cư trú đã được cấp phát đủ, quản lý có hệ thống và được ghi chép đủ, đúng quy trình.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Hồng Tiến là 26 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 20 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 11 người.

- Công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sỹ: 01 người; đại học: 16 người; trung cấp: 03 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 15 người; sơ cấp: 05 người.

## VIII. XÃ TÂN HƯƠNG

### 1. Lịch sử hình thành

Trước Cách mạng tháng Tám, Tân Hương là một bộ phận thuộc tổng Tiểu Lễ, huyện Tiên Phúc, phủ Bắc Hà, đạo Kinh Bắc.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, theo sắc lệnh bãi bỏ đơn vị hành chính cấp tổng của Chính phủ thành lập đơn vị hành chính cấp xã, theo đó 5 xã Đông Cao, Tiểu Lễ, Vân Phú, Tảo Địch, Tử Thù hợp nhất thành xã Tân Tiến. Tháng 3 năm 1954, xã Tân Hương được chia tách ra từ xã Tân Tiến.

Sau năm 1975, Tân Hương là một xã thuộc huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên. Theo đó, xã Tân Hương thuộc thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Nghị quyết số 79/NQ-HĐND về việc sáp nhập, đổi tên xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, sáp nhập hai xóm: Trung và Quang Vinh thành xóm Quang Trung, sáp nhập hai xóm: Cầu và Hương Sơn vào xóm Cầu Tiến, sáp nhập hai xóm: Hương Đình 1 và Hương Thịnh thành xóm Hương Đình, sáp nhập hai xóm: Hương Đình 2 và Tân Trung thành xóm Hương Trung, sáp nhập ba xóm: Tân Long 1, Tân Long 2, Tân Long 3 thành xóm Tân Long, sáp nhập ba xóm: Đông, Bắc, Phong Niên thành xóm Duyên Bắc, sáp nhập hai xóm: Thành Lập và Nam thành xóm Thành Nam, sáp nhập ba xóm: Đình, Ao Đình, Sứ thành xóm Tân Thịnh. Theo đó, xã Tân Hương có 11 xóm, bao gồm: Cầu Tiến, Duyên Bắc, Hương Đình, Hương Trung, Quang Trung, Tân Long, Tân Thịnh, Thành Nam, Trại, Trường Thọ, Vàng và hoạt động ổn định cho đến ngày nay.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Tân Hương nằm ở khu vực trung tâm của thị xã Phổ Yên, có địa giới hành chính:

- Đông giáp xã Tiên Phong;

- Tây giáp xã Nam Tiến;

- Nam giáp xã Đông Cao và xã Trung Thành;

- Bắc giáp phường Đồng Tiến.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Tân Hương có diện tích tự nhiên 9,32 km². Trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 2,19 km2, chiếm tỷ lệ 23,50%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 7,07 km2, chiếm tỷ lệ 75,86%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,06 km2, chiếm tỷ lệ 0,64%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 10.538 người trong đó dân số thường trú là 9.500 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.038 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 7.179 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.410 người, chiếm 19,64%;

- Lao động phi nông nghiệp: 5.769 người, chiếm 80,36%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Nền kinh tế trên địa bàn xã những năm qua có bước chuyển đổi mạnh từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại dịch vụ.

Về công nghiệp - xây dựng: Trong năm 2020 một số ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh như: sản xuất gạch nung, may mặc, gò hàn, sản xuất đậu phụ... Tiếp tục thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với xu thế phát triển của thị xã, địa phương. Trên địa bàn có hơn 100 cơ sở kinh doanh được duy trì và phát triển. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 đạt 28 tỷ đồng.

Về thương mại - dịch vụ: Thương mại - dịch vụ phát triển cả về quy mô và các loại hình dịch vụ. Trên địa bàn xã có các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ với nhiều lĩnh vực khác nhau như: các dịch vụ như nhà trọ, ăn uống, tạp hóa có tốc độ tăng trưởng cao. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, phát triển tư thương trên dọc đường Quốc lộ 3 cũ, đường trục xã và các đường   
trục xóm.

Về nông - lâm - thủy sản: Năm 2020, Ủy ban nhân dân xã thực hiện đẩy mạnh công tác phổ biến, hướng dẫn người dân thực hiện sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật, thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho nông nghiệp của xã. Cùng với đó, các hộ dân trong xã cũng tập trung chăn nuôi gia súc, gia cầm để đáp ứng nhu cầu về thực phẩm trên địa bàn. Tổng sản lượng cây có hạt giai đoạn 2015 - 2020 đạt bình quân 3.200 - 3.300 tấn bằng hơn 100% kế hoạch.

b) Thu chi ngân sách

Trong công tác thu chi ngân sách, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo quyết liệt các biện pháp triển khai thu ngân sách, thu nợ đọng thuế, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi đúng nội dung, đúng đối tượng. Tổng thu ngân sách năm 2020 đạt 11,91 tỷ đồng đạt 121,3% kế hoạch. Chi ngân sách đạt 11,79 đạt 159,8%   
kế hoạch

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: Thường xuyên tiếp sóng đài thị xã (đến nay đã lắp đặt 14 cụm tiếp sóng đài thị xã Phổ Yên); tổ chức các lễ hội truyền thống; công tác bảo tồn, tôn tại các di tích lịch sử được quan tâm. Nhà văn hóa được xây dựng theo tiêu chuẩn nông thôn mới có diện tích 3.000m2, ngoài ra xã còn có sân vận động trung tâm xã có diện tích 7.700 m2. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, thể dục - thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho Nhân dân luôn được xã quan tâm. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền toàn dân tham gia phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại; toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở xóm.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Các trường học trên địa bàn được đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo công tác dạy và học của các trường. 100% các trường học duy trì đạt chuẩn quốc gia. Chất lượng giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Thực hiện tốt nội quy, quy chế, công tác quản lý giáo dục, xã hội hóa giáo dục được tăng cường, cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ về giáo dục - đào tạo. Các trường đã triển khai và tham gia các biện pháp phòng chống bệnh trong trường học như vệ sinh môi trường, phun hóa chất khử khuẩn, lau rửa bàn ghế, tay nắm cửa,… thực hiện việc cho học sinh nghỉ học theo hướng dẫn và theo sự chỉ đạo của ngành giáo dục. Các trường đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6; hoàn thành công tác phổ cập giáo dục theo kế hoạch.

- Về lĩnh vực y tế: xã có 01 trạm y tế, diện tích 2.500 m2 xây nhà 2 tầng (trạm y tế đã đạt chuẩn năm 2012), đạt chuẩn quốc gia với 05 giường, và có 07 cán bộ y tế, đảm bảo nhân lực cho công tác khám chữa bệnh cho người dân trong khu vực. Trạm y tế xã duy trì đảm bảo chế độ trực 24/24 giờ để kịp thời sơ cấp cứu ban đầu khi bệnh nhân tới trạm thực hiện công tác chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh cho Nhân dân, trang thiết bị của trạm y tế không ngừng được đầu tư để phục vụ khám chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân. Năm 2020, khám chữa bệnh cho 8.791 lượt người.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

- Tuyến đường sắt Hà Thái, đoạn đi qua xã có chiều dài 1.622 m.

- Đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đoạn qua xã có chiều dài 3.092 m.

- Đường Hoàng Quốc Việt (Quốc lộ 3 cũ), đoạn chạy qua xã có chiều dài 1.560 m, mặt đường 21 m, nền đường 27 m, kết cấu bê tông nhựa. Đây là tuyến giao thông có vai trò quan trọng kết nối xã với các tỉnh lân cận.

- Hệ thống đường trục xã, liên thôn, xóm gồm 20 tuyến với tổng chiều dài 92,04 km, mặt cắt đường từ 3 - 7 m, kết cấu đường nhựa, bê tông xi măng.

b) Về điện

Trên địa bàn xã có hệ thống lưới điện trung áp 22 KV chạy qua địa bàn xóm Duyên Bắc và xóm Tân Long. Toàn bộ các hộ dân của xã đều được cấp điện sinh hoạt, điện sản xuất từ các trạm cao áp thông qua trạm biến áp trung gian đặt tại các xóm. Hệ thống chiếu sáng tại các xóm được quan tâm đầu tư, đến nay cơ bản các tuyến đường trong xã đã có điện chiếu sáng   
công cộng.

c) Về cấp, thoát nước

Trên địa bàn xã có Công trình cấp nước sinh hoạt Tân Hương được xây dựng theo chương trình nước sạch nông thôn, công suất 475 m3/ngày đêm, cấp cho các hộ dân tại xã Tân Hương, đáp ứng được nhu cầu dùng nước của Nhân dân. Nhà máy sử dụng nguồn nước ngầm được khai thác từ 5 giếng khoan. Chất lượng nước ngầm tương đối đảm bảo. Hiện nay đang có chủ trương mở rộng, nâng công suất nhà máy.

Trong năm, chính quyền xã đã tiến hành nâng cấp và xây mới một số tuyến thoát nước trọng điểm để giải quyết tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão. Nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua hệ thống bể tự hoại 2 - 3 ngăn trước khi thải ra hệ thống cống chung của thị xã.

d) Về viễn thông

Xã Tân Hương hiện có 01 trạm bưu điện thuộc Bưu điện tỉnh Thái Nguyên. Mạng lưới viễn thông đang được quan tâm đầu tư mạnh, cung cấp đầy đủ các loại dịch vụ về thông tin liên lạc, giúp người dân tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Internet đã và đang được phổ biến rộng rãi trên địa bàn xã, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc của người dân.

Hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống truyền hình cáp, internet được xây dựng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo chất lượng và đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, góp phần tích cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Trên địa bàn xã có các nhà mạng Viettel, Mobiphone... đã phủ sóng thông tin di động đến từng hộ dân trong xã.

đ) Về vệ sinh môi trường

Quản lý chất thải rắn, vệ sinh môi trường: xã đã duy trì hiệu quả các điểm thu gom rác thải tại 11 xóm; việc thu gom rác thải trong xóm và tổng dọn vệ sinh môi trường được thực hiện vào cuối ngày do Hợp tác xã dịch vụ môi trường Tân Hương thu gom và vận chuyển đến khu xử lý rác thải tại xã Minh Đức để xử lý theo quy định. Xã Tân Hương cũng phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức đoàn thể đảm nhận các đoạn đường, tuyến đường tự quản với các hoạt động quét dọn, vệ sinh và trồng, chăm sóc hoa 2 bên tuyến đường.

### 7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương tiếp tục được chú trọng, tăng cường. Lực lượng quân sự xã thực hiện nghiêm quy định về sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng tham gia phòng, chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Chủ động xây dựng các kế hoạch khám tuyển nghĩa vụ quân sự cho 48 thanh niên đủ điều kiện sức khỏe tham gia khám tuyển tại Ban chỉ huy quân sự thị xã. Hoàn thiện hồ sơ và xây dựng kế hoạch gặp mặt tiễn đưa và bàn giao công dân lên đường thực hiện nghĩa vụ quân sự năm 2020. Tham mưu xây dựng các kế hoạch rà soát thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự trong đó có 75 thanh niên đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ quân sự; 31 công dân không đủ điều kiện; 82 công dân thuộc diện tạm hoãn; xây dựng kế hoạch sơ tuyển nghĩa vụ quân sự, công an và phát lệnh sơ tuyển 75 công dân, đủ điều kiện khám tuyển 54 công dân. Kết quả khám tuyển có 29 công dân đủ điều kiện sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự năm 2021 hoàn thành chỉ tiêu trên giao.

Để đảm bảo tốt nhiệm vụ huấn luyện cho lực lượng dân quân. Ban chỉ huy quân sự tham mưu cho Ủy ban nhân dân tổ chức làm mới và sửa chữa mô hình học cụ, phối hợp cùng với các xóm tổ chức rà soát những thanh niên trong độ tuổi thực hiện Luật dân quân, để bổ sung vào lực lượng dân quân của xã, đồng thời ra Quyết định cho những đồng chí cán bộ, chiến sỹ dân quân huấn luyện đủ theo Luật ra khỏi lực lượng dân quân nòng cốt. Căn cứ Thông tư số 33/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng về xây dựng lực lượng dân quân. Toàn xã hiện nay có tổng số 83 đồng chí cán bộ, chiến sỹ dân quân; biên chế: 01 trung đội dân quân cơ động của xã; 11 tổ dân quân tại chỗ và 06 tổ dân quân binh chủng.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, an toàn nội bộ, an ninh tôn giáo, an ninh dân tộc và một số vấn đề an ninh khác cơ bản ổn định, chưa phát hiện vấn đề gì phức tạp xảy ra liên quan đến an ninh quốc gia. Công tác điều tra xác minh, xử lý các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự được thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật, không xảy ra oan sai, để sót, lọt tội phạm. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Tân Hương là 26 đại biểu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch (do Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (Trưởng Công an).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 19 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 10 người.

- Công chức: 09 người.

- Về trình độ chuyên môn: thạc sỹ: 01 người; đại học: 12 người; cao đẳng: 02 người; trung cấp: 04 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 15 người; sơ cấp: 04 người.

## IX. XÃ TRUNG THÀNH

### 1. Lịch sử hình thành

Từ năm 1831 đến cuối thế kỷ XIX xã Trung Thành thuộc tổng Thượng Giã, phủ Đa Phúc tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX đến trước khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công thuộc tổng Thượng Giã, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc bỏ phủ, tổng lập chính quyền cách mạng lâm thời cấp xã, tháng 9 năm 1945 xã Trung Thành chính thức được thành lập.

Năm 1953, xã Trung Thành được tách thành 2 xã là Thuận Thành và Trung Thành. Xã Trung Thành mới được hình thành thuộc huyện Phổ Yên trên cơ sở hợp nhất các đơn vị hành chính cũ, có 14 xóm.

Ngày 15 tháng 5 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị xã Phổ Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của huyện Phổ Yên. Theo đó, xã Trung Thành thuộc thị xã Phổ Yên, gồm 14 xóm: Cầu Sơn, Am Lâm, Thanh Hoa, Thanh Xuyên 4, Thanh Xuyên 5, Kim Tỉnh, Phú Thịnh, Cẩm Trà, Thu Lỗ, Xuân Vinh, Hưng Thịnh, Tân Thịnh, Hợp Thịnh, Thanh Tân và hoạt động ổn định cho   
đến nay.

### 2. Địa giới hành chính

Xã Trung Thành nằm ở phía Nam của thị xã Phổ Yên, có địa giới hành chính:

- Đông giáp xã Đông Cao và xã Tân Phú;

- Tây giáp xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

- Nam giáp xã Thuận Thành;

- Bắc giáp các xã Nam Tiến, Tân Hương và Vạn Phái.

### 3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Theo số liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Phổ Yên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Trung Thành có diện tích tự nhiên 9,09 km². Trong đó cơ cấu các loại đất như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp là: 2,79 km2, chiếm tỷ lệ 30,69%;

- Diện tích đất phi nông nghiệp là: 6,21 km2, chiếm tỷ lệ 68,32%;

- Diện tích đất chưa sử dụng: 0,09 km2, chiếm tỷ lệ 0,99%.

### 4. Dân số và cơ cấu lao động

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn xã có 13.432 người trong đó dân số thường trú là 12.092 người, dân số tạm trú quy đổi là 1.340 người.

Tổng số người lao động trong các ngành kinh tế là 8.129 người, trong đó:

- Lao động nông nghiệp: 1.314 người, chiếm 16,16%;

- Lao động phi nông nghiệp: 8.129 người, chiếm 83,84%.

### 5. Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội

a) Hiện trạng phát triển kinh tế

Trong những năm qua xã Trung Thành có tốc độ đô thị hóa cao, cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch theo hướng công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, đã góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người dân trên địa bàn.

Về công nghiệp - xây dựng: Xã luôn tạo điều kiện, khuyến khích người dân phát triển các lĩnh vực như: sản xuất vật liệu xây dựng thông thường, cơ khí, chế biến nông sản sạch ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất từ đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đmang lại hiệu quả kinh tế cao. Điều đó đã đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong địa bàn xã. Trong những năm gần đây, xã Trung Thành đã thu hút nhiều dự án lớn vào đầu tư trên địa bàn. Với hàng loạt các tập đoàn kinh tế, các công ty đầu tư như: công ty Xuân Sơn, tập đoàn Đức Hạnh Marphavet, công ty cám AnCo, công ty Gạch Gia Phong, công ty may nam Thái Nguyên, … và các doanh nghiệp hoạt động đa dạng. Những Công ty, doanh nghiệp kể trên đã có nhiều đóng góp vào sự phát triển vượt bậc kinh tế - xã hội của xã.

Bên cạnh đó, xã cũng tập trung vận động các hộ dân hiến đất mở rộng đường giao thông và xây dựng nhà văn hóa được trên 67.000 m2. Từ đó, đã thay đổi bộ mặt xã, đường làng ngõ xóm được khang trang, sạch đẹp, môi trường trong lành, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên.

Về thương mại - dịch vụ: Những năm gần đây, ngành thương mại - dịch vụ có tốc độ tăng trưởng khá, loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng góp phần giải quyết việc làm cho người lao động; nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh phát triển mạnh, nhất là dịch vụ vật tư cho nông nghiệp và dịch vụ thức ăn gia súc, gia cầm, vật liệu xây dựng... cơ bản đã đáp ứng nhu cầu mua, bán trên địa bàn xã. Cùng với đó, xã đã phối hợp các ngành chức năng của thị xã tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của các tầng lớp Nhân dân.

Về nông - lâm - thủy sản: tăng cường công tác tập huấn khoa học, kỹ thuật cho Nhân dân, tích cực chuyển đổi cây trồng có năng suất chất lượng cao vào sản xuất, công tác phòng trừ sâu bệnh được chú trọng nên chất lượng sản xuất nông nghiệp năm 2020 đạt kết quả tốt. Tổng sản lượng lương thực đạt 3.518,13 tấn bằng 101,5% kế hoạch giao. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

b) Thu chi ngân sách

Ủy ban nhân dân xã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch thu, chi hàng tháng; việc cấp phát ngân sách hàng tháng theo đúng kế hoạch và đảm bảo đáp ứng kịp thời cho các hoạt động của chính quyền. Năm 2020, tổng thu ngân sách trên địa bàn xã đạt 10,69 tỷ đồng, tổng chi ngân sách là 10,67 tỷ đồng.

c) Hiện trạng phát triển văn hóa - xã hội

- Về lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao: Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thông tin thể thao, tiếp sóng của đài thị xã. Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với 88,4% hộ đạt hộ văn hóa, 92,9% xóm đạt xóm văn hóa và 100% cơ quan đạt cơ quan văn hóa. Phong trào thể dục - thể thao tiếp tục được phát triển, một số đơn vị xóm tổ chức các giải đấu bóng mừng Đảng, mừng xuân tạo không khí sôi nổi góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Trên địa bàn xã có sân thể thao tập trung xã với diện tích 7.200 m2 cơ bản đáp ứng nhu cầu luyện tập thể thao hàng ngày của người dân. Các hoạt động thể thao quần chúng được duy trì theo hình thức các câu lạc bộ như: bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền. Các câu lạc bộ thường xuyên tổ chức giao lưu thi đấu, tạo không khí sôi nổi góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

- Về lĩnh vực giáo dục - đào tạo: xã Trung Thành có 03 cấp trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia, gồm: trường mầm non, trường tiểu học và trường trung học cơ sở. Các trường 100% đạt chuẩn quốc gia. Cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường các trường được đầu tư tu sửa khang trang, sạch, đẹp đáp ứng tốt công tác dạy và học. Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Công tác giáo dục tiếp tục được duy trì, ổn định và phát triển; công tác xã hội hóa giáo dục đã được các cấp chính quyền xã thường xuyên quan tâm. Triển khai thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục. Phổ cập giáo dục các cấp học được duy trì.

- Về lĩnh vực y tế: Trạm y tế xã nằm trên địa bàn xóm Thanh Xuyên 4, có diện tích khoảng 2.698 m2 đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn. Ủy ban nhân dân xã tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa tăng cường cơ sở vật chất cho trạm y tế theo hướng chuẩn hóa, không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho Nhân dân. Dịch vụ y tế tư nhân phát triển với 01 phòng khám tư nhân, 06 cửa hàng thuốc y dược. Đội ngũ y tế được nâng cao trình độ chuyên môn, công tác phòng chống dịch bệnh, quản lý hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được tăng cường. Công tác y tế dự phòng và các chương trình y tế quốc gia, công tác phòng chống dịch bệnh và các chiến dịch truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình được triển khai tốt góp phần thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình và đảm bảo an toàn dịch bệnh.

### 6. Hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Về hạ tầng giao thông

Tuyến đường Quốc lộ 3 chạy qua địa bàn xã với chiều dài 2.600 m, các tuyến đường chính của xã gồm: đường Trần Quang Khải, Triệu Quang Phục với lộ giới 19,5 m, các tuyến đường nội bộ trong các khu dân cư với bề rộng mặt đường 3 ÷ 5 m đã được bê tông và nhựa hóa với tổng chiều dài 52 km. Ngoài ra, còn có hệ thống đường ngõ xóm bề rộng mặt đường 3 m cũng được xã đổ bê tông và nhựa hóa với tổng chiều dài 48,1 km từ đó đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

b) Về điện

Hệ thống điện trên địa bàn xã được ngành điện tập trung đầu tư, nâng cấp với 11 trạm biến áp đặt tại các xóm. Năm 2020, sản lượng điện phục vụ sinh hoạt là 6.835.493 kwh, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 100% đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ dân sử dụng điện phục vụ tốt sinh hoạt đời sống và phát triển sản xuất, kinh doanh. Xã đã thực hiện xã hội hóa hệ thống điện chiếu sáng tại các tuyến đường trục xã, trục xóm, ngõ xóm, khu dân cư tập trung với chiều dài 25,30 km nhằm đảm bảo an toàn giao thông và phòng chống các tệ nạn xã hội. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng trên địa bàn đạt 95,24%, tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt 69,15%.

c) Về cấp, thoát nước

Nhân dân trên địa bàn sử dụng nước sạch từ hệ thống nước sạch do Xí nghiệp nước sạch Sông Công cung cấp bằng hệ thống đường ống D200 tới trung tâm xã, và các tuyến ống phân phối từ D20 - D50.

Hệ thống thoát nước trên địa bàn xã cơ bản đã được hoàn chỉnh đảm bảo khả năng thoát nước và không để xảy ra tình trạng ngập úng trong mùa mưa bão. Trong năm, xã Trung Thành đã tiến hành tu sửa và nâng cấp một số hạng mục thoát nước chính trên địa bàn. Mặt khác, chính quyền xã thường xuyên vận động người dân tham gia nạo vét khơi thông, đảm bảo dòng chảy thông thóang nhằm đáp ứng cho việc thoát nước và phục vụ cho việc tưới tiêu.

d) Về viễn thông

Trên địa bàn xã có 01 bưu điện Thanh Xuyên với diện tích 300 m2 và 01 điểm phục vụ bưu chính, viễn thông với các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu có khả năng cung ứng dịch vụ bưu chính và dịch vụ viễn thông công cộng. Hệ thống viễn thông, thông tin liên lạc phát triển gắn với sự phát triển của công nghệ cao. Đây là cơ hội để hội nhập kinh tế nhanh, nắm bắt thông tin kịp thời với tính chính xác cao. Qua đó, chính quyền xã cũng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tập trung phát triển, cung cấp nhiều loại hình dịch vụ, chất lượng đến người dân. Mạng điện thoại di động và dịch vụ internet đã được phủ sóng trên toàn xã, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc và giải trí của người dân.

đ) Về vệ sinh môi trường

Công tác thu gom rác thải và vệ sinh môi trường trên địa bàn xã được được thực hiện khá tốt, xã đã thành lập được Hợp tác xã dịch vụ môi trường Trung Thành tiến hành thu gom rác tại các xóm dọc theo Quốc lộ 3, các xóm dọc theo tuyến đường Thanh Xuyên đến Chã, tuyến đường dọc theo Thanh Xuyên đi xã Tân Phú, các công ty doanh nghiệp và cơ quan trên địa bàn có nhu cầu hợp đồng thu gom rác. Rác thải được thu gom tại các điểm tập kết sau đó vận chuyển đến khu xử lý rác thải tại xã Minh Đức để xử lý. Đến nay, tỷ lệ rác thải được thu gom trên địa bàn hiện đạt 81,24%.

### 7. Tình hình quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Quốc phòng

Tình hình quốc phòng trên địa bàn luôn được giữ vững, các nhiệm vụ quốc phòng được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp cùng các lực lượng tuần tra bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu quan trọng trong các đợt cao điểm, các ngày lễ, Tết góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác huấn luyện lực lượng dân quân đạt khá giỏi; giáo dục chính trị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng hàng năm đạt yêu cầu, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục duy trì và giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn; triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Lực lượng Công an xã tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên các lĩnh vực, đảm bảo an toàn giao thông, trật tự công cộng. Phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc được phát triển sâu rộng trong mọi tầng lớp Nhân dân. Lực lượng Công an chính quy được bố trí tại địa phương và luôn là nòng cốt giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

### 8. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Hội đồng nhân dân xã

- Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân của xã Trung Thành là 26 đại biểu.

Chủ tịch HĐND (do Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, có 02 ban: Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế, 02 Trưởng ban bố trí chức danh kiêm nhiệm.

b) Ủy ban nhân dân xã

- Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân xã gồm: Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự (công chức Chỉ huy trưởng Quân sự), Ủy viên phụ trách công an (công chức Trưởng Công an xã).

Tổng số cán bộ, công chức của xã là 18 người, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 10 người.

- Công chức: 08 người.

- Về trình độ chuyên môn: đại học: 13 người; trung cấp: 05 người.

- Về trình độ lý luận chính trị: trung cấp: 14 người; sơ cấp: 04 người.

**C. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ**

**I. VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH**

Việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên đã đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể là:

- Phù hợp với Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 tại Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chương trình phát triển đô thị thị xã Phổ Yên Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035 tại Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của tỉnh Thái Nguyên; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đảm bảo yêu cầu quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Việc thành lập các phường thuộc thị xã và thành lập thành phố không làm mất đi vị trí chiến lược của khu vực này mà còn tạo điều kiện củng cố tốt hơn về quốc phòng an ninh, tình hình an ninh chính trị và các hoạt động quản lý, phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.

- Việc thành lập các phường và thành lập thành phố sẽ tạo điều kiện khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của các đơn vị như: hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa... Từ đó, Nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân. Thành lập các phường thuộc thị xã và thành lập thành phố đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương và nhận được sự ủng hộ của Nhân dân.

**II. TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH**

### 1. Tiêu chuẩn thành lập các phường

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 8, Điều 31 Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, đánh giá các phường dự kiến thành lập thuộc thị xã Phổ Yên cần đảm bảo các tiêu chuẩn sau:

**a) Xã Đắc Sơn**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Đắc Sơn là 11.198 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Đắc Sơn là 14,36 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,59%) | 1,96 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 82,41 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 2,72 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,67 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 3,98 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 10,87 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 512,1 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 97,57 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 99,80 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 3,55 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 29,75 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 85,19 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Đắc Sơn đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**b) Xã Nam Tiến**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Nam Tiến là 9.124 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Nam Tiến là 8,31 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,59%) | 1,86 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 80,42 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 2,79 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,52 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 4,35 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 13,41 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 530,7 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 99,36 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 95,30 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 3,51 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 25,72 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 86,73 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Nam Tiến đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**c) Xã Tiên Phong**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Tiên Phong là 16.694 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Tiên Phong là 14,82 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,59%) | 2,22 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 83,81 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 2,78 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,51 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 3,86 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 10,66 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 502,5 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 96,07 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 95,40 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 3,62 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 45,19 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 83,53 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Tiên Phong đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**d) Xã Đông Cao**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Đông Cao là 9.120 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Đông Cao là 6,47 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,6%) | 2,52 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 81,42 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 2,71 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,56 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 0 | Chưa đạt[[2]](#footnote-2) |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 3,62 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 13,97 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 507,9 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 98,21 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 100 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 4,14 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 26,82 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 83,79 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Đông Cao đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**đ) Xã Tân Phú**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Tân Phú là 7.025 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Tân Phú là 4,78 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Xã Tân Phú đạt 86,91% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định. Tuy nhiên, áp dụng theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở 01 đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,59%) | 2,56 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 80,96 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 3,20 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,53 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 0 | Chưa đạt[[3]](#footnote-3) |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 3,49 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 10,84 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 548,6 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 96,30 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 96,7 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 3,55 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 26,39 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 81,34 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Tân Phú đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**e) Xã Thuận Thành**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Thuận Thành là 9.684 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Thuận Thành là 5,48 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Xã Thuận Thành đạt 99,64% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định. Tuy nhiên, áp dụng theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở 01 đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,59%) | 1,07 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 80,99 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 2,80 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,51 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 3,33 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 13,39 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 503,8 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 97,06 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 100 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 3,55 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 27,58 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 85,19 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Thuận Thành đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**g) Xã Hồng Tiến**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Hồng Tiến là 15.076 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Hồng Tiến là 18,47 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,59%) | 1,49 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 81,48 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt quy định theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 3,04 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,56 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 2 | Đạt |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 3,94 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 12,04 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 530,5 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 97,78 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 100 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 3,51 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 26,18 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 86,39 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hồng Tiến đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**h) Xã Tân Hương**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Tân Hương là 10.538 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Tân Hương là 9,32 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,59%) | 1,67 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 83,36 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 3,09 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,73 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 4,42 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 11,92 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 829,2 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 99,39 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 100 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 3,62 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 26,49 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 88,06 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Tân Hương đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**i) Xã Trung Thành**

- Tiêu chuẩn về quy mô dân số:

Dân số của xã Trung Thành là 13.151 người.

Quy định quy mô dân số của phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên của xã Trung Thành là 9,09 km2.

Quy định về diện tích tự nhiên đối với phường từ 5,50 km2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Tỷ đồng | Đủ | Dư | Đạt |
| 2 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất | % | Đạt bình quân của thị xã Phổ Yên (2,59%) | 1,1 | Đạt |
| 3 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp | % | 70 | 83,84 | Đạt |

- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tiêu chuẩn đánh giá | Đơn vị | Mức quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
| 1 | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở | m2/người | ≥ 2,7 | 2,77 | Đạt |
| 2 | Trạm y tế (≥ 500 m2/trạm) | Trạm/5.000 người | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 3 | Sân luyện tập (≥ 3.000 m2) | m2/người | ≥ 0,5 | 0,55 | Đạt |
| 4 | Chợ hoặc siêu thị | Công trình | ≥ 1 | 1 | Đạt |
| 5 | Đất cây xanh sử dụng công cộng | m2/người | ≥ 2 | 2,91 | Đạt |
| 6 | Diện tích đất giao thông tính trên dân số | m2/người | ≥ 9 | 11,13 | Đạt |
| 7 | Cấp điện sinh hoạt | Kwh/người/năm | ≥ 500 | 519,8 | Đạt |
| 8 | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng | % | ≥ 95 | 95,24 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh | % | ≥ 95 | 97,00 | Đạt |
| 10 | Mật độ đường cống thoát nước chính | Km/km2 | ≥ 3,5 | 3,75 | Đạt |
| 11 | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | % | ≥ 25 | 26,4 | Đạt |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom | % | ≥ 80 | 81,24 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Trung Thành đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường.

**Kết luận:** Đối chiếu với quy định tại Điều 8 và Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì các xã Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành đã đạt đủ các tiêu chuẩn để thành lập các phường thuộc thị xã theo quy định.

### 2. Tiêu chuẩn thành lập thành phố

Đối chiếu tiêu chuẩn quy định tại Điều 5, Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì thị xã Phổ Yên đã đáp ứng được 5/5 tiêu chuẩn thành lập thành phố như sau:

**a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số**

Dân số thị xã Phổ Yên là 231.363 người.

Quy mô dân số đối với thành phố thuộc tỉnh từ 150.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

**b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên**

Thị xã Phổ Yên có diện tích tự nhiên là 258,42 km2.

Quy định diện tích tự nhiên đối với thành phố thuộc tỉnh từ 150 km2 trở lên.

Đánh giá: Đạt.

**c) Tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc**

- Thị xã Phổ Yên có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm: 04 phường và 14 xã.

Quy định số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc có từ 10 đơn vị trở lên.

Đánh giá: Đạt.

- Theo phương án thành lập, thành phố Phổ Yên có tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính là: 13/18 (đạt 72,22%).

Quy định tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 65% trở lên.

Đánh giá: Đạt.

**d) Tiêu chuẩn đã được công nhận là đô thị loại I hoặc loại II hoặc loại III**

Thị xã Phổ Yên được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 530/QĐ-BXD ngày 17/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đánh giá: Đạt.

**đ) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Mức quy định | Thực trạng | Đánh giá |
| 1 | Cân đối thu chi ngân sách | Dư | Dư | Đạt |
| 2 | Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần) | 1,05 | 1,18 | Đạt |
| 3 | Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%) | Đạt bình quân của tỉnh (6,65%)[[4]](#footnote-4) | 10,97 | Đạt |
| 4 | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%) | Đạt bình quân của tỉnh (4,52%)[[5]](#footnote-5) | 2,59 | Đạt |
| 5 | Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế | 80% | 96,73 | Đạt |
| 6 | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị | 80% | 83,02 | Đạt |

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì thị xã Phổ Yên đã đạt 5/5 tiêu chuẩn để thành lập thành phố thuộc tỉnh.

**Kết luận:** Đối chiếu với quy định tại Điều 5 và Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì thị xã Phổ Yên đã đạt đủ các tiêu chuẩn để thành lập thành phố thuộc tỉnh theo quy định.

# Phần thứ ba PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ PHỔ YÊN VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

## I. HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

### 1. Tỉnh Thái Nguyên

Theo số liệu thống kê của tỉnh Thái Nguyên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỉnh Thái Nguyên có 3.521,96 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số (thường trú) 1,314 triệu người; có 09 đơn vị hành chính cấp huyện: gồm 02 thành phố trực thuộc (thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công), 01 thị xã Phổ Yên và 06 huyện (Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương); có 178 đơn vị hành chính cấp xã: gồm 137 xã, 32 phường, 09 thị trấn.

Địa giới hành chính: Đông giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Bắc Giang; Tây giáp tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Tuyên Quang; Nam giáp Thủ đô Hà Nội; Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn.

### 2. Thị xã Phổ Yên

Theo số liệu thống kê của tỉnh Thái Nguyên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, thị xã Phổ Yên có 258,42 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 231.363 người. Toàn thị xã có 18 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 04 phường: Ba Hàng, Bãi Bông, Bắc Sơn, Đồng Tiến và 14 xã: Đắc Sơn, Đông Cao, Hồng Tiến, Minh Đức, Nam Tiến, Phúc Thuận, Phúc Tân, Tân Hương, Tân Phú, Thành Công, Thuận Thành, Tiên Phong, Trung Thành, Vạn Phái.

Địa giới hành chính thị xã Phổ Yên: Đông giáp huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Tây giáp huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; Nam giáp thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Bắc giáp thành phố Sông Công và thành phố Thái Nguyên.

### 3. Xã Đắc Sơn

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Đắc Sơn có 14,36 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 11.198 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Ba Hàng và các xã Hồng Tiến, Nam Tiến; Tây giáp xã Minh Đức; Nam giáp xã Vạn Phái; Bắc giáp phường Phố Cò, thành phố Sông Công.

### 4. Xã Nam Tiến

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 xã Nam Tiến có 8,31 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.124 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Tân Hương; Tây giáp xã Đắc Sơn và xã Vạn Phái; Nam giáp xã Trung Thành; Bắc giáp phường Ba Hàng và phường Đồng Tiến.

### 5. Xã Tiên Phong

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Tiên Phong có 14,82 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 16.694 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và xã Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Tây giáp xã Tân Hương và xã Đông Cao; Nam giáp xã Hòa Sơn và xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Bắc giáp xã Nga My, huyện Phú Bình và phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên.

### 6. Xã Đông Cao

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Đông Cao có 6,47 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.120 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Quang Minh, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên; Tây giáp xã Trung Thành; Nam giáp xã Tân Phú; Bắc giáp xã Tân Hương.

### 7. Xã Tân Phú

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Tân Phú có 4,78 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 7.025 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Quang Minh và xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Tây giáp xã Thuận Thành và xã Trung Thành; Nam giáp xã Đại Thành và xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Bắc giáp xã Đông Cao.

### 8. Xã Thuận Thành

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Thuận Thành có 5,48 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.684 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Tây giáp xã Hồng Kỳ, xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên; Nam giáp xã Trung Giã, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Bắc giáp xã Tân Phú và xã Trung Thành.

### 9. Xã Hồng Tiến

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Hồng Tiến có 18,47 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.076 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp các xã Điềm Thuỵ, Thượng Đình, Nga My, huyện Phú Bình; Tây giáp các phường Bách Quang, Cải Đan, Phố Cò, thành phố Sông Công và xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên; Nam giáp các phường Ba Hàng, Bãi Bông và Đồng Tiến; Bắc giáp phường Lương Sơn, thành phố Sông Công.

### 10. Xã Tân Hương

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Tân Hương có 9,32 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.538 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Tiên Phong; Tây giáp xã Nam Tiến; Nam giáp xã Đông Cao và xã Trung Thành; Bắc giáp phường Đồng Tiến.

### 11. Xã Trung Thành

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê khu vực Phổ Yên - Sông Công, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, xã Trung Thành có 9,09 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 13.151 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Đông Cao và xã Tân Phú; Tây giáp xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Nam giáp xã Thuận Thành; Bắc giáp các xã Nam Tiến, Tân Hương và Vạn Phái.

## II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH

### 1. Phương án thành lập các phường thuộc thị xã

a) Phường Đắc Sơn

Thành lập phường Đắc Sơn trên cơ sở nguyên trạng 14,36 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 11.198 người của xã Đắc Sơn.

Trụ sở làm việc của phường Đắc Sơn: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Đắc Sơn hiện có.

b) Phường Nam Tiến

Thành lập phường Nam Tiến trên cơ sở nguyên trạng 8,31 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.124 người của xã Nam Tiến.

Trụ sở làm việc của phường Nam Tiến: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Nam Tiến hiện có.

c) Phường Tiên Phong

Thành lập phường Tiên Phong trên cơ sở nguyên trạng 14,82 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 16.694 người của xã Tiên Phong.

Trụ sở làm việc của phường Tiên Phong: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Tiên Phong hiện có.

d) Phường Đông Cao

Thành lập phường Đông Cao trên cơ sở nguyên trạng 6,47 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.120 người của xã Đông Cao.

Trụ sở làm việc của phường Đông Cao: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Đông Cao hiện có.

đ) Phường Tân Phú

Thành lập phường Tân Phú trên cơ sở nguyên trạng 4,78 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 7.025 người của xã Tân Phú.

Trụ sở làm việc của phường Tân Phú: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Tân Phú hiện có.

e) Phường Thuận Thành

Thành lập phường Thuận Thành trên cơ sở nguyên trạng 5,48 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.684 người của xã Thuận Thành.

Trụ sở làm việc của phường Thuận Thành: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Thuận Thành hiện có.

g) Phường Hồng Tiến

Thành lập phường Hồng Tiến trên cơ sở nguyên trạng 18,47 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.076 người của xã Hồng Tiến.

Trụ sở làm việc của phường Hồng Tiến: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Hồng Tiến hiện có.

h) Phường Tân Hương

Thành lập phường Tân Hương trên cơ sở nguyên trạng 9,32 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.538 người của xã Tân Hương.

Trụ sở làm việc của phường Tân Hương: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Tân Hương hiện có.

i) Phường Trung Thành

Thành lập phường Trung Thành trên cơ sở nguyên trạng 9,09 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 13.151 người của xã Trung Thành.

Trụ sở làm việc của phường Trung Thành: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của xã Trung Thành hiện có.

### 2. Phương án thành lập thành phố

Thành lập thành phố Phổ Yên trên cơ sở nguyên trạng 258,42 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 231.363 người của thị xã Phổ Yên.

Trụ sở làm việc của thành phố Phổ Yên: giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của thị xã Phổ Yên hiện có.

## III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ

### 1. Tỉnh Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên không thay đổi về diện tích tự nhiên, dân số và số đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc, nhưng tăng 01 thành phố (thành phố Phổ Yên) và giảm 01 thị xã (thị xã Phổ Yên); có 178 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 128 xã, 41 phường, 09 thị trấn (giảm 09 xã và tăng 09 phường).

### 2. Thành phố Phổ Yên

Thành phố Phổ Yên sau khi thành lập có 258,42 km2 diện tích tự nhiên, quy mô dân số 231.363 người; có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 13 phường: Ba Hàng, Bãi Bông, Bắc Sơn, Đồng Tiến, Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành và 05 xã: Minh Đức, Phúc Thuận, Phúc Tân, Thành Công, Vạn Phái.

Địa giới hành chính thành phố Phổ Yên: Đông giáp huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Tây giáp huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc; Nam giáp thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Bắc giáp thành phố Sông Công và thành phố Thái Nguyên.

### 3. Phường Đắc Sơn

Phường Đắc Sơn có 14,36 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số   
11.198 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp các phường Ba Hàng, Hồng Tiến và Nam Tiến; Tây giáp xã Minh Đức; Nam giáp xã Vạn Phái; Bắc giáp phường Phố Cò, thành phố Sông Công.

### 4. Phường Nam Tiến

Phường Nam Tiến có 8,31 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số   
9.124 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Tân Hương; Tây giáp phường Đắc Sơn và xã Vạn Phái; Nam giáp phường Trung Thành; Bắc giáp phường Ba Hàng và phường Đồng Tiến.

### 5. Phường Tiên Phong

Phường Tiên Phong có 14,82 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 16.694 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và xã Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Tây giáp phường Tân Hương và phường Đông Cao; Nam giáp xã Hòa Sơn và xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Bắc giáp xã Nga My, huyện Phú Bình và phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên.

### 6. Phường Đông Cao

Phường Đông Cao có 6,47 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số   
9.120 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Quang Minh, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên; Tây giáp phường Trung Thành; Nam giáp phường Tân Phú; Bắc giáp phường Tân Hương.

### 7. Phường Tân Phú

Phường Tân Phú có 4,78 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 7.025 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Quang Minh và xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Tây giáp phường Thuận Thành và phường Trung Thành; Nam giáp xã Đại Thành và xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Bắc giáp phường Đông Cao.

### 8. Phường Thuận Thành

Phường Thuận Thành có 5,48 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 9.684 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Tây giáp xã Hồng Kỳ và xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và phường Trung Thành, thành phố Phổ Yên; Nam giáp xã Trung Giã và xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Bắc giáp phường Tân Phú và phường Trung Thành.

### 9. Phường Hồng Tiến

Phường Hồng Tiến có 18,47 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 15.076 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp các xã Điềm Thuỵ, Thượng Đình, Nga My, huyện Phú Bình; Tây giáp các phường Bách Quang, Cải Đan, Phố Cò, thành phố Sông Công và phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên; Nam giáp các phường Ba Hàng, Bãi Bông và Đồng Tiến; Bắc giáp với phường Lương Sơn, thành phố Sông Công.

### 10. Phường Tân Hương

Phường Tân Hương có 9,32 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.538 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Tiên Phong; Tây giáp phường Nam Tiến; Nam giáp phường Đông Cao và phường Trung Thành; Bắc giáp phường Đồng Tiến.

### 11. Phường Trung Thành

Phường Trung Thành có 9,09 km2 diện tích tự nhiên và quy mô dân số 13.151 người.

Địa giới hành chính: Đông giáp phường Đông Cao và phường Tân Phú; Tây giáp xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Nam giáp phường Thuận Thành; Bắc giáp các phường Nam Tiến, Tân Hương và xã Vạn Phái.

# 

# Phần thứ tư ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

## A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

## I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ PHỔ YÊN

### 1. Tác động về kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực

Việc thành lập các phường: Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Đông Cao, Tân Phú, Thuận Thành, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã, ngoài yếu tố tất yếu khách quan đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa của các xã hiện nay thì mặt tích cực khác chính là tạo ra động lực, môi trường và điều kiện cho sự phát triển hơn nữa về mặt kinh tế - xã hội theo hướng chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, nông thôn thành kinh tế đô thị với thương mại, dịch vụ, công nghiệp là các ngành sản xuất chính; tạo tác động tích cực đến thu chi ngân sách, thu nhập đầu người, phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ; cùng theo đó là sự đáp ứng tốt hơn về cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, thông tin liên lạc và các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế cho người dân.

Thành lập các phường sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng phường; các doanh nghiệp, nhà máy đến đầu tư vào địa bàn các phường sẽ tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho người lao động. Đồng thời, cũng là động lực quan trọng làm thay đổi quá trình phát triển và phân bố lực lượng lao động, theo hướng giảm lao động ngành nông nghiệp, tăng nhanh tỷ lệ lao động trong các ngành phi nông nghiệp; thay đổi cơ cấu kinh tế và tính chất lao động theo hướng tích cực sẽ tạo điều thúc đẩy đầu tư xây dựng mới các tuyến đường liên xóm, liên xã, liên tạo thuận lợi cho phát triển sản xuất lưu thông hàng hóa.

Việc thành lập phường tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thực hiện quy hoạch được tốt hơn. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hưởng đầy đủ, kịp thời các cơ chế ưu đãi theo pháp luật; tiếp tục duy trì và nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm; huy động được các nguồn vốn đầu tư vào các công trình hạ tầng đô thị thiết yếu phục vụ đời sống, sinh hoạt của người dân như: nâng cấp mở rộng các tuyến giao thông trên địa bàn phường; tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng giáo dục trường chuẩn quốc gia; tạo cơ chế phù hợp đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao trên địa bàn theo hình thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên cũng sẽ có những khó khăn nhất định. Đó là để phát triển mục tiêu cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp địa phương phải điều chỉnh lại mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế để phù hợp với   
thực tiễn.

Cơ sở hạ tầng đô thị đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực nhưng chưa đồng bộ, thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị của một số người dân còn hạn chế. Một vài chế độ chính sách còn nhiều bất cập; việc huy động các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh.

c) Giải pháp

Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động của toàn tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các địa phương để thu hút lao động tham gia sàn giao dịch việc làm. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp lâu bền từ các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thưởng để thu hút người lao động.

Khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp sử dụng lao động tại địa phương, xây dựng các khu nhà ở công nhân. Quy hoạch xây dựng các khu nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động các địa phương khác đến làm việc, sinh sống góp phần phát triển kinh tế - xã hội thay đổi diện mạo đô thị. Hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay để phát triển sản xuất, giới thiệu việc làm, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, tiểu thủ công nghiệp… từ đó giúp các hộ thoát nghèo bền vững không còn tình trạng tái nghèo đồng thời tăng thu nhập và phát triển ổn định cho người dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về hoạt động hành nghề xây dựng, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động và sinh sống trên địa bàn. Có biện pháp chế tài mang tính răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, kiểm tra, rà soát các công trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn theo quy hoạch đã được phê duyệt từ đó có kế hoạch cụ thể triển khai hoàn thành sớm đưa vào sử dụng. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng, san lấp mặt bằng không đúng quy định bảo đảm kiến trúc tổng thể của đô thị theo quy hoạch.

### 2. Tác động về quản lý hành chính

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã, do vậy tổ chức bộ máy của các cấp được giữ nguyên và ổn định như hiện nay; không làm tăng biên chế; tổ chức và hoạt động của các phường không thay đổi.

Nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn, giảm gánh nặng cho công tác quản lý Nhà nước về mọi mặt, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng, nhận thức, tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi theo hướng tích cực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Việc thành lập các phường sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, từ đó chính quyền có nguồn kinh phí để đầu tư các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ, tu sửa và xây mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, giúp công tác quản lý Nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử... giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Việc thay đổi đơn vị hành chính khi lên phường sẽ ảnh hưởng đến công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn phải kê khai thay đổi lại địa chỉ đơn vị, gia đình cho phù hợp; các giấy tờ sở hữu liên quan cũng phải thay đổi…

Công tác quản lý Nhà nước từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị, bước đầu cần phải có thời gian để ổn định; đội ngũ cán bộ công chức ban đầu sẽ lúng túng do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý.

c) Giải pháp

Cần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính Nhà nước. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, tinh thần trách nhiệm; phát huy tư duy chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả công tác cán bộ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo quá trình, đảm bảo tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc được giao góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, các phường thực hiện việc chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa giao tiếp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của các cơ quan thông qua sử dụng đồng bộ các phần mềm dùng chung gắn liền với hoàn thiện quy trình giải quyết công việc theo chuẩn mực quản lý chất lượng ISO.

- Từng bước cải cách bộ máy nhà nước ở đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tiến tới xây dựng chính quyền đô thị.

### 3. Tác động đến môi trường

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường sẽ là điều kiện thuận lợi để giải quyết vấn đề phát triển đô thị và tăng trưởng nhanh chóng của các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các làng nghề, hộ gia đình đang làm tăng khí thải, rác thải. Đồng thời, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và các không gian đô thị, văn hóa, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp sinh thái theo hướng phát triển bền vững, xanh, sạch, đẹp; giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm, xây dựng kế hoạch trồng mới hệ thống cây xanh, hình thành các vành đai xanh, nhất là khu vực nội thị. Việc sinh sống tại môi trường đô thị sẽ nâng cao ý thức người dân về việc bảo vệ môi trường sống; chính quyền đô thị sẽ quan tâm đầu tư hơn cho các cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Quá trình đô thị hóa góp phần thúc đẩy kinh tế và hạ tầng đô thị các địa phương phát triển nhanh, thu hút lượng lớn lao động đến sinh sống và làm việc tại địa phương. Tuy nhiên, sẽ gặp những khó khăn khi số lượng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đô thị hình thành và tăng nhanh như nước thải, rác thải, chất thải rắn nguy hại chưa được xử lý tại khu vực làng nghề truyền thống và các khu vực lân cận khu, cụm công nghiệp làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

Không những vậy, khi triển khai xây dựng các dự án có thể sẽ gây ra một số tác động tiêu cực như: gia tăng nồng độ bụi, tiếng ồn, ảnh hưởng xấu đến môi trường xã hội, thẩm mỹ cảnh quan khu vực, ảnh hưởng đến cơ cấu sử dụng đất... Mặt khác, khi đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các dự án phục vụ phát triển công nghiệp, những lao động trong độ tuổi lao động sẽ khó tiếp cận với việc làm mới, thiếu trình độ và khả năng chuyển đổi thấp.

c) Giải pháp

Sau khi thành lập, các cấp chính quyền cần đẩy mạnh công tác quản lý môi trường đô thị trên địa bàn; hoàn thiện các chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường huy động các nguồn lực trong bảo vệ môi trường; tập trung đầu tư các dự án, chương trình cải thiện chất lượng môi trường, khắc phục ô nhiễm. Do đó, thành phố và các phường cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững các vấn đề về kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường sau khi các xã thành lập phường; cần có kế hoạch, lộ trình và các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không cho hộ dân sản xuất, chăn nuôi, nhỏ lẻ… gây ô nhiễm môi trường trong các hộ dân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tổ chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo mục tiêu Nghị quyết đề ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm; ngăn chặn kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền quy định. Quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, việc hành nghề khoan khai thác nước dưới đất.

Khẩn trương xã hội hóa dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn nhằm chia sẻ trách nhiệm cho cộng đồng, từng bước giảm tải ngân sách của Nhà nước. Nghiên cứu theo hướng đa thành phần tham gia, cùng với các công cụ kinh tế như phí ô nhiễm, thu thuế các bãi chôn nhằm giảm lượng chất thải và chi phí đối với sản phẩm. Tổ chức mạng lưới thu gom, phân loại, tái sử dụng các chất thải nhằm làm sạch môi trường, đem lại lợi ích kinh tế, tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí xử lý. Xử lý chất thải độc hại bằng quá trình hóa lý, sinh học, tách các chất độc hại ra khỏi rác.

### 4. Tác động về quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước nói chung và công tác quản lý Nhà nước đảm bảo quốc phòng, an ninh nói riêng. Lực lượng công an chính quy sẽ được tăng cường hơn nữa, góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Với việc điều chỉnh bộ máy Nhà nước từ xã thành phường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh.

Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như nhận thức của người dân không ngừng được nâng lên sẽ góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc; hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm. Ngoài ra, hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Khi thành lập các phường, ngoài các yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, sẽ có một số tác động khách quan theo xu hướng chung như: dân số cơ học tăng nhanh, số lượng dân nhập cư nhiều do làm việc ở các khu công nghiệp và các nhà máy, xí nghiệp, công ty nằm ngoài khu công nghiệp và nhân công các cơ sở dịch vụ - thương mại, tình hình lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép… sẽ gây khó khăn hơn trong công tác quản lý Nhà nước và duy trì các hoạt động thuần túy truyền thống.

Dân số cơ học và số lượng người nhập cư tăng sẽ có những tác động đến công tác bảo đảm an ninh trật tự; các tệ nạn xã hội dễ có điều kiện xâm nhập đến một bộ phận dân cư, nhất là người trẻ tuổi.

c) Giải pháp

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; tập trung vào các đối tượng đã và đang có biểu hiện vi phạm; các địa bàn, khu vực trọng điểm, phức tạp về tình hình an ninh trật tự. Thông tin thường xuyên về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác của người dân; kịp thời phát hiện, tham gia tố giác tội phạm, góp phần cùng lực lượng chức năng đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Lực lượng công an phường thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các khu phố trong việc thực hiện Luật Cư trú; thường xuyên rà soát số nhân khẩu, hộ khẩu trên địa bàn; đầu tư trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin vào đăng ký, cải cách thủ tục hành chính trong công tác quản lý nhân khẩu tạm trú. Tăng cường kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, phối hợp với các ban ngành đoàn thể, kiểm tra chéo thông qua công tác kiểm tra, nắm chắc tình hình chấp hành quy định về quản lý tạm trú của các hộ dân.

Công an, Quân sự thành phố tiếp tục thực hiện các chương trình hành động giữa Công an, Quân sự với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, khu phố, xóm, địa bàn dân cư an toàn về an ninh trật tự, gắn với xây dựng khu phố, làng văn hóa.

### 5. Tác động nguồn vốn đầu tư

a) Mặt tích cực

Với vị trí kinh tế quan trọng, khi trở thành phường sẽ có nhiều điều kiện hơn để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm cả nguồn lực của Nhà nước, của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; đồng thời củng cố cơ hội để tham gia chủ động hơn vào quá trình hợp tác, giao lưu phát triển. Sau khi thành lập các phường cần đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông, cải tạo chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch. Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tiếp tục kêu gọi, thu hút, huy động vốn đầu tư và các nguồn lực sẵn có của địa phương. Với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, cùng với sự phát triển sau khi thành lập, các phường sẽ là điều kiện lý tưởng trong việc mời gọi đầu tư, thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài khu vực.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Thành lập các phường cần nguồn lực lớn cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối các phường mới với trung tâm thành phố; hệ thống chiếu sáng; cây xanh; trạm y tế... Bên cạnh đó, do các phường mới thành lập còn chưa ổn định về mặt quản lý, nguồn nhân lực còn hạn chế, lực lượng lao động có trình độ chuyên môn còn chưa cao; các thủ tục hành chính chưa thể hoàn thiện gây nên một số trở ngại và khó khăn ban đầu về các công tác đầu tư thu hút nguồn vốn, thu hút nhà đầu tư.

c) Giải pháp

Trong giai đoạn tiếp theo, Ủy ban nhân dân thành phố cần xây dựng lộ trình triển khai thực hiện xây dựng các dự án cho các phường để đảm bảo tính khả thi, cần xác định rõ các dự án theo phân cấp đầu tư công (tỉnh, thành phố, phường) và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối nguồn lực vốn đầu đầu tư công.

Ủy ban nhân dân thành phố cần tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn các phường; nhất là việc hỗ trợ hoàn thành các thủ tục, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng… Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố cần triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp.

### 6. Tác động đến kiến trúc đô thị cảnh quan

a) Mặt tích cực

Thành lập các phường là điều kiện để rà soát, thực hiện tổ chức hợp lý các khu chức năng, các không gian đô thị theo hướng văn minh, hiện đại như không gian sinh hoạt vui chơi giải trí cho cộng đồng; từ đó là tiền đề để đầu tư xây dựng mới các khu chức năng đô thị; bố trí, sắp xếp phân bổ các khu dân cư, các khu đô thị mới; phân bố lại dân cư giữa các khu phố mới và các khu phố cũ đảm bảo hài hòa và hiện đại hơn; kiến trúc cảnh quan đô thị tạo điều kiện cho sự phát triển dịch vụ đô thị mang lại sự đa dạng phong phú cho cuộc sống người dân.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Quá trình xây dựng và phát triển các phường gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của sự phát triển đô thị. Mặt khác, nếu công tác hoạch định, quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ, không thống nhất giữa các phường trong thị xã.

c) Giải pháp

Các phường sau khi thành lập cần đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý quy hoạch, quản lý kiến trúc, quản lý đô thị gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Huy động các nguồn lực, tập trung xây dựng tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như: giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước, thoát nước… nhằm mang đến chất lượng sống tốt hơn cho người dân.

## II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THÀNH PHỐ

### 1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực

Việc thành lập thành phố Phổ Yên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tác động mạnh mẽ đến sự tăng trưởng kinh tế của Phổ Yên nói riêng và toàn tỉnh Thái Nguyên nói chung. Theo đó, tốc độ phát triển kinh tế theo hướng nhanh và bền vững, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào sản xuất và quản lý. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các ngành, lĩnh vực phát triển chủ lực. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội để từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa, đầu tư phát triển hệ thống các công trình   
thể dục - thể thao, các nhu cầu an sinh và trật tự an toàn xã hội. Bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đó là chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Thành lập thành phố Phổ Yên sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo ra nhiều lợi thế về việc làm; thu hút lực lượng lao động chất lượng cao; phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại, có sức thu hút đầu tư mạnh mẽ trong và ngoài nước; thúc đẩy đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối với các khu vực kinh tế lân cận, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa.

Khi thành phố được thành lập, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ tiếp tục được quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân. Đồng thời, sản xuất kinh doanh trên địa bàn phát triển sẽ góp phần tăng thu ngân sách của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi để tăng mức đầu tư cho phúc lợi xã hội, đảm bảo tốt hơn công tác an sinh xã hội cho người dân.

Bên cạnh đó, việc thành lập thành phố Phổ Yên là cơ hội thuận lợi giúp khơi dậy và phát huy mọi lợi thế, tiềm năng sẵn có để kinh tế Phổ Yên bứt phá vươn lên, phát triển bền vững trở thành đô thị văn minh, hiện đại.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Thực tiễn sau khi thành phố được thành lập, sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa trong điều kiện công nghiệp hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như: quỹ đất nông nghiệp ngày một bị thu hẹp; tình trạng lao động nông thôn chuyển về đô thị để làm việc làm tăng nhu cầu việc làm, nhu cầu lương thực, nhà ở; ảnh hưởng đến quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị.

Trước mắt, công tác quản lý đô thị bước đầu gặp không ít khó khăn, thách thức như: quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

c) Giải pháp

Ủy ban nhân dân thành phố cần chỉ đạo chính quyền các phường chủ động triển khai và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan đến nhân thân hoặc liên quan đến các   
hoạt động sản xuất, kinh doanh và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi. Thông qua tập huấn nâng cao kiến thức quản lý thị trường, quản lý tài nguyên - môi trường, quản lý trật tự xây dựng đô thị, giúp đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác quản lý nắm vững về các quy trình, thủ tục hành chính, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn trong xử lý công việc được giao.

Thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động; kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động địa phương với hệ thống thông tin thị trường lao động của toàn tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm. Tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm lưu động tại các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các địa phương để thu hút lao động tham gia sàn giao dịch việc làm. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các giải pháp lâu bền từ các chế độ đãi ngộ, tiền lương, thưởng để thu hút người lao động.

Do nhu cầu phát triển đô thị và công nghiệp - dịch vụ, quỹ đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, do vậy cần phải thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng các phương thức sản xuất tiên tiến, phù hợp với điều kiện đất đai mở ra hướng phát triển cho nông nghiệp đô thị.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về hoạt động hành nghề xây dựng, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động và sinh sống trên địa bàn. Có biện pháp chế tài mang tính răn đe đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, kiểm tra,   
rà soát các công trình, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn theo quy hoạch đã được phê duyệt từ đó có kế hoạch cụ thể triển khai hoàn thành sớm đưa vào   
sử dụng. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng, san lấp mặt bằng không đúng quy định bảo đảm kiến trúc tổng thể của đô thị theo quy hoạch chung đô thị.

Tích cực tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia các phong trào bảo vệ môi trường sống, thu gom, phân loại rác thải, không lấn chiếm lòng đường, vỉa hè tạo cảnh quan đô thị và môi trường sống xanh - sạch - đẹp và thân thiện.

### 2. Tác động đến quản lý hành chính

a) Mặt tích cực

Thành lập thành phố Phổ Yên trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của thị xã Phổ Yên, do vậy tổ chức bộ máy của cấp ủy Đảng, chính quyền được giữ nguyên và ổn định như hiện nay; không làm tăng biên chế; tổ chức và hoạt động của các phường không thay đổi.

Việc thành lập thành phố sẽ nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính, góp phần giải quyết khó khăn, giảm gánh nặng cho công tác quản lý Nhà nước về mọi mặt, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được đào tạo, bồi dưỡng, nhận thức, tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức cũng sẽ thay đổi tích cực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Việc thành lập thành phố Phổ Yên sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển toàn diện, từ đó chính quyền có nguồn kinh phí để đầu tư các cơ sở vật chất, trụ sở làm việc được quy hoạch đồng bộ, tu sửa và xây mới, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, giúp công tác quản lý Nhà nước được tốt hơn, các thủ tục hành chính được cải cách, đơn giản hóa, cơ chế một cửa, một cửa điện tử... giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Do yêu cầu đô thị hóa, số lượng giao dịch hành chính của thành phố sẽ tăng, nhất là những lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, hộ tịch...; nhưng với việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; hoạt động điều hành của chính quyền được tăng cường; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng cao; lề lối làm việc được cải tiến sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch hành chính của công dân, cũng như quản lý của cơ quan Nhà nước. Việc thành lập thành phố sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý địa chỉ liên lạc của công dân và các tổ chức. Đồng thời, áp lực về các dịch vụ công sẽ gia tăng do người dân và các tổ chức sẽ có nhu cầu thay đổi địa chỉ, hộ khẩu, giấy tờ tùy thân, giấy tờ đăng ký kinh doanh... từ đó kéo theo việc mất thời gian để chuyển đổi giấy tờ.

c) Giải pháp

Cần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính Nhà nước. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính, tinh thần trách nhiệm; phát huy tư duy chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức thành phố. Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả công tác cán bộ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo quá trình, đảm bảo tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc   
được giao.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, các tổ chức, cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Phổ Yên sau khi được thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chủ trương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, cơ quan, đơn vị liên quan chuyển đổi giấy tờ, địa chỉ, các thủ tục khác theo đơn vị hành chính mới thành lập. Cùng với đó, nâng cao chất lượng, hình thức cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức và cơ quan hành chính, góp phần tạo sự tin tưởng, đồng thuận giữa chính quyền và người dân.

Tập trung chỉ đạo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, giảm tối đa tỷ lệ văn bản giấy trong chỉ đạo, điều hành. Trên cơ sở đó, hình thành hệ thống thông tin điện tử của chính quyền, góp phần nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản lý hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

### 3. Tác động đến đời sống người dân

a) Mặt tích cực

Sau khi thành phố Phổ Yên được thành lập sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn đóng góp cho ngân sách của địa phương để đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa... nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục và phục vụ đời sống người dân trên địa bàn được tốt hơn. Nâng cao ý thức người dân để sớm trở thành thành phố văn minh, hiện đại. Khi thành phố Phổ Yên được thành lập, nhiều công trình phúc lợi xã hội được đầu tư xây dựng góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân. Bên cạnh đó cũng thu hút được sự đầu tư từ các doanh nghiệp góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn thành phố.

Với hệ sinh thái tự nhiên, đất đai, tài nguyên thiên nhiên vốn có, sau khi được thành lập, thành phố sẽ tập trung quản lý và khai thác có hiệu quả hơn khi chính quyền có sự phân định rõ ràng trong chức năng, nhiệm vụ quản lý.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Việc thành lập thành phố sẽ làm người dân mất một khoảng thời gian để thay đổi lại giấy tờ tùy thân, địa chỉ liên lạc cho phù hợp bước đầu sẽ gây xáo trộn đời sống Nhân dân. Cùng với đó, tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn các phường sau khi thành lập sẽ thu hẹp gây tác động xấu đến vấn đề an ninh lương thực.

Mặt khác, tốc độ đô thị hóa làm tăng số lượng người lao động từ các địa phương lân cận sang làm việc và sinh sống gây nên áp lực đáng kể về nhà ở, vệ sinh môi trường và bùng nổ giao thông cơ giới gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn. Do vậy, sau khi thành lập thành phố Phổ Yên, cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, giải quyết đồng bộ các vấn đề về kinh tế - xã hội và môi trường.

c) Giải pháp

Để tránh xáo trộn trong việc điều chỉnh một số giấy tờ cần thiết Ủy ban nhân dân thành phố sẽ chỉ đạo các địa phương phối hợp cùng các ngành thực hiện từng bước. Công an thành phố triển khai kế hoạch tổ chức cấp đổi hoặc điều chỉnh các loại giấy tờ cấp cho người dân, tổ chức theo đúng quy định. Các loại giấy tờ về cư trú, căn cước công dân... có giá trị pháp lý của đơn vị hành chính cũ vẫn tiếp tục được sử dụng, lưu hành, chỉ thay đổi khi người dân có nguyện vọng. chi phí chuyển đổi tỉnh sẽ hỗ trợ 100% nhằm giúp người dân, các cơ quan, đơn vị sớm ổn định đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý trên địa bàn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới.

Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch để chỉ đạo việc rà soát tổng thể các dự án để bổ sung, điều chỉnh quy hoạch nhà ở xã hội cho phù hợp tình hình thực tế; ban hành nhiều chính sách ưu đãi thu hút nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng nhà ở cho sinh viên, công nhân làm việc trong các khu công nghiệp. Cùng với đó, Ủy ban nhân dân thành phố cần tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh sớm nghiên cứu, ban hành hệ thống tiêu chuẩn nhà tối thiểu cho người lao động trong các khu công nghiệp.

### 4. Tác động đến môi trường

a) Mặt tích cực

Với hệ sinh thái tự nhiên, đất đai, tài nguyên thiên nhiên vốn có, sau khi được thành lập, thành phố sẽ tập trung quản lý và khai thác có hiệu quả hơn khi chính quyền có sự phân định rõ ràng trong chức năng, nhiệm vụ quản lý. Vì vậy, thành phố luôn xác định công tác bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để tập trung lực đầu tư. Sau khi thành lập thành phố sẽ nâng tầm quan điểm về bảo vệ môi trường cũng như nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền, nhà đầu tư và nhân dân trong vấn đề bảo vệ môi trường. Thành phố sẽ đầu tư nguồn lực, bao gồm tài chính, khoa học công nghệ và nhân sự… từng bước cải thiện môi trường nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Sau khi thành lập thành phố quá trình phát triển của thành phố theo hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa sẽ làm tăng trưởng nhanh các ngành công nghiệp dẫn đến lượng khí thải, nước thải tăng lên và sẽ có những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng đến cân bằng hệ sinh thái.

Mặt khác, tài nguyên đất bị khai thác nhằm chuyển đổi mục đích sử dụng phục vụ sang xây dựng công trình hạ tầng đô thị, các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư mới đã làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước. Không những vậy, khi đô thị càng phát triển, quá trình bê tông hóa nhanh làm giảm lượng nước thấm xuống đất và gia tăng lượng nước mưa về các cống thoát nước; hiện tượng san lấp, thu hẹp, xả rác... trên các kênh tự nhiên cũng làm giảm khả năng thoát nước gây ra nguy cơ ngập úng đô thị. Bên cạnh đó, vấn đề ô nhiễm nước mặt và nước ngầm từ nhiều nguồn khác nhau do nước công nghiệp, nước thải sinh hoạt... gây ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân địa phương cũng như ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

c) Giải pháp

Trong thời gian tới, thành phố cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về vấn đề bảo vệ môi trường sống xung quanh kết hợp với kiểm tra giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà máy trong khu, cụm công nghiệp như: thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, sản xuất trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung. Đồng thời, quán triệt việc thu gom, vận chuyển rác thác vào thời gian cố định (ban đêm) tránh ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân, cơ sở sản xuất cũng như các công ty, xí nghiệp trên địa bàn thành phố.

Xây dựng mới các hệ thống thoát nước kết hợp với các hành lang xanh bao gồm: kênh mương, cống thoát nước, hồ điều hoà, trạm bơm tiêu... Tại các khu đô thị mới hoặc khu nhà ở xây dựng mới, cần đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn nhằm tách nước thải khỏi nước mưa. Các nhà máy xử lý nước thải sẽ có phương án tái sử dụng lại nước thải sau xử lý phù hợp với mục đích sử dụng, giải pháp này sẽ hạn chế sự phát tán các chất ô nhiễm trong nước thải vào nguồn nước nhằm gìn giữ nguồn nước mặt cũng như nguồn nước ngầm khu vực.

Không những vậy, thành phố cần tập trung kiểm soát và xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm của các công trình, dự án xây dựng gây ô nhiễm môi trường, không khí. Ngoài ra, chính quyền các cấp cần đẩy mạnh thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các cá nhân, nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ giải trí, thiết bị âm thanh vi phạm quy định về tiếng ồn. Cần xử lý nghiêm những trường hợp cải tạo, nâng cấp âm thanh phương tiện giao thông sai quy cách; tăng cường lắp đặt các thiết bị theo dõi vi phạm biển báo giao thông về âm thanh; nâng cao hình thức phạt nguội, phạt nghiêm khắc những trường hợp thường xuyên gây tiếng ồn tại khu dân cư và nơi công cộng.

Thực hiện nghiêm công tác quản lý, quy hoạch sử dụng đất theo quy hoạch đã được phê duyệt; kết hợp với việc mở rộng, nâng cấp, xây dựng thêm các vườn hoa, công viên, khu sinh hoạt công cộng, trồng thêm cây xanh trên các tuyến đường, khuôn viên tạo cảnh quan đô thị xanh - sạch - đẹp.

### 5. Tác động đến quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

a) Mặt tích cực

Sau khi thành phố Phổ Yên được thành lập, các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống người dân được nâng lên góp phần nâng cao nhận thức của người dân về quốc phòng, an ninh được tốt hơn; ý thức cảnh giác của người dân được nâng cao, không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu kích động, lôi kéo, lợi dụng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Các lực lượng vũ trang là lực lượng nòng cốt được xây dựng, kiện toàn lực lượng, bộ máy chuyên trách làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn thành phố.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Khi nâng cấp từ thị xã lên thành phố, ngoài các yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội theo các mục tiêu đã được xác định trong các tiêu chí phải thực hiện, Phổ Yên sẽ có một số tác động khách quan theo xu hướng chung như: dân số cơ học tăng nhanh, số lượng dân nhập cư nhiều do làm việc ở các khu, cụm công nghiệp và các nhà máy - xí nghiệp - công ty nằm ngoài cụm công nghiệp; nhân công các cơ sở thương mại - dịch vụ kéo theo tình hình an ninh trật tự trên đại bàn có nhiều diễn biến phức tạp như tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội, lượng người và phương tiện tham gia giao thông tăng. Bên cạnh đó là tình hình lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép, đầu tư sai quy định pháp luật... Từ đó, đòi hỏi lực lượng công an thành phố phải đủ mạnh, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan đến an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.

c) Giải pháp

Để đảm bảo tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thời gian tới các lực lượng chức năng, nhất là lực lượng công an cần triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn.

Các cơ quan thông tin cần đẩy mạnh tuyên truyền về giá trị đạo đức truyền thống gia đình, truyền thống dân tộc để định hướng giới trẻ xây dựng hình thành nhân cách đúng đắn; phát động toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm; tiến hành công tác điều tra cơ bản để chủ động phát hiện và giải quyết các mâu thuẫn trong Nhân dân; tăng cường các biện pháp tuần tra, kiểm soát; làm tốt công tác quản lý vũ khí vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tập trung điều tra khám phá và xử lý nghiêm minh kịp thời các vụ việc nổi cộm để răn đe, trấn áp các loại tội phạm.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; tập trung vào các đối tượng đã và đang có biểu hiện vi phạm; các địa bàn, khu vực trọng điểm, phức tạp về tình hình an ninh trật tự. Thông tin thường xuyên về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần cảnh giác của người dân; kịp thời phát hiện, tham gia tố giác tội phạm, góp phần cùng lực lượng chức năng đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

### 6. Tác động nguồn vốn đầu tư

a) Mặt tích cực

Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, trước và sau khi thành lập thành phố Phổ Yên đều rất cần thiết và là quá trình lâu dài. Trên cơ sở quy hoạch các dự án đầu tư đã được phê duyệt trên địa bàn, thành phố sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng giai đoạn phù hợp cho từng công trình, từng dự án. Sau khi thành lập, thành phố cần tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông, cải tạo chỉnh trang khu dân cư theo quy hoạch, các công trình, dự án cần thiết để hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị loại III nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn. Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, tiếp tục kêu gọi, thu hút, huy động vốn đầu tư và các nguồn lực sẵn có của địa phương. Bên cạnh đó, với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, thành phố Phổ Yên sẽ là nơi lý tưởng trong việc mời gọi đầu tư, thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài khu vực.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Song song với đó, việc thành lập thành phố cần nguồn lực lớn cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối đồng bộ; hệ thống chiếu sáng; bãi đỗ xe; hồ sinh thái; vườn hoa, công viên, khu vui chơi giải trí và cung cấp hệ thống trường học, trạm y tế, các nhà văn hóa khu phố... Vì vậy, cần phải có kế hoạch phân bổ nguồn vốn hợp lý cho từng dự án, công trình và giai đoạn phát triển thành phố.

c) Giải pháp

Trong giai đoạn tiếp theo, Ủy ban nhân dân thành phố cần xây dựng lộ trình triển khai thực hiện xây dựng các dự án đảm bảo tính khả thi đến giai đoạn 2025 và những năm tiếp theo, cần xác định rõ các dự án theo phân cấp đầu tư công (tỉnh, thành phố, phường) và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư trên cơ sở cân đối nguồn lực vốn đầu đầu tư công.

Tranh thủ mọi nguồn lực từ các doanh nghiệp, nhà đầu tư, Nhân dân để đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các địa phương góp phần thay đổi diện mạo đô thị tiến tới đồng bộ, kết nối liên thông và hiện đại.

Cùng với đó, Ủy ban nhân dân thành phố cũng như các phường cần tạo điều kiện và có phương án giải quyết các thủ tục, giấy tờ trong công tác hành chính; tập trung rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn nhất là việc hỗ trợ hoàn thành các thủ tục, xác định giá đất, giải phóng mặt bằng,… Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố cần triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp.

### 7. Kiến trúc đô thị và cảnh quan

a) Mặt tích cực:

Trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị thị xã Phổ Yên đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo theo tiêu chuẩn của thành phố trong thời gian tới, như: thực hiện ngầm hóa hệ thống cáp điện, viễn thông; phát triển mạng lưới giao thông theo hướng cải tạo mở rộng lộ giới trên cơ sở kế thừa các quy hoạch, kết hợp triển khai xây dựng mới một số tuyến đường tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh. Các cơ sở hạ tầng sẽ được nâng cấp, xây mới và đồng bộ hoàn chỉnh theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu cần thiết của địa phương; các công trình kiến trúc được xây dựng, cải tạo, đặc biệt là các khu vực sinh thái, công viên cây xanh, công viên hồ điều hòa sẽ góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái đô thị.

Các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khi đi vào vận hành (các nút giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống đường điện ngầm, hệ thống ga thu nước mưa, cống mương thoát nước, hệ thống cáp điện, đường ống cấp nước, cáp thông tin đi trong hào kỹ thuật...) sẽ tạo ra mỹ quan đô thị cho thành phố trong tương lai.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa làm tăng trưởng nhanh các ngành công nghiệp, dẫn đến việc tăng dân số cơ học, tăng tốc độ đô thị hóa và hình thành các khu nhà ở. Điều đó sẽ tác động lớn tới công tác quy hoạch, san lấp và giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu cho người dân từ các nơi khác đến làm việc và sinh sống. Ngoài ra, cảnh quan môi trường xung quanh cũng bị ảnh hưởng; tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, ô nhiễm môi trường tăng lên gây ùn tắc về giao thông, mất mỹ quan đô thị.

c) Giải pháp

Sau khi thành lập thành phố, cần phải xác định rõ phát triển đô thị theo hướng bền vững, cần giải quyết đồng bộ các vấn đề về môi trường, tự nhiên, kinh tế - xã hội. Do vậy, các ngành chức năng của thành phố và các phường cần triển khai, thực hiện đồng bộ các giải pháp, từ tuyên truyền, vận động đến ra quân tuần tra, kiểm soát, nhắc nhở và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm lấn chiếm, sử dụng hành lang vỉa hè để kinh doanh buôn bán; các cá nhân vi phạm trật tự an toàn giao thông cũng như xử lý triệt để các sai phạm của các đơn vị trong quá trình triển khai xây dựng các công trình nhằm lập lại trật tự công cộng, trật tự đô thị trên các tuyến phố, góp phần xây dựng đô thị Phổ Yên ngày càng văn minh, hiện đại hơn.

## B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ SAU KHI THÀNH LẬP

## I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ PHỔ YÊN

### 1. Định hướng chung

- Phát triển nhanh, toàn diện và bền vững các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng thành phố Phổ Yên xứng tầm với vai trò là trung tâm công nghiệp - thương mại - dịch vụ, địa bàn trọng điểm kinh tế - xã hội phía Nam của tỉnh Thái Nguyên.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững, tạo ra sự chuyển biến tích cực về chất lượng của sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế bằng việc ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ vào các hoạt động sản xuất, nhất là tiếp cận được các công nghệ tiên tiến. Hoàn chỉnh hệ thống y tế cơ sở, mở rộng các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe người dân. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Xây dựng hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa, đa dạng hóa các loại hình vui chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của Nhân dân. Không ngừng cải thiện đời sống cho Nhân dân, tiếp tục xóa đói giảm nghèo; đào tạo nghề, tạo thêm nhiều việc làm; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

- Huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư phát triển nhằm thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trên địa bàn. Tập trung mọi nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực về y tế, văn hóa, giáo dục; sắp xếp dân cư, chỉnh trang đô thị, cơ sở hạ tầng… để thích ứng với tốc độ phát triển của thị xã.

- Xây dựng thành phố Phổ Yên trở thành đô thị công nghiệp theo hướng hiện đại mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã xác định.

### 2. Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn đến 2025

a) Về phát triển kinh tế - xã hội

- Tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đến năm 2025 đạt 1.153.950 tỷ đồng. Trong đó: Ngành công nghiệp - xây dựng do thành phố quản lý đạt 8.962,9 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của một số ngành chủ yếu:

+ Ngành công nghiệp - xây dựng: 9%/năm.

+ Ngành thương mại - dịch vụ: 15%/năm.

+ Ngành nông, lâm, thủy sản: 4%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 110 triệu đồng/năm.

- Thu ngân sách Nhà nước hàng năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch tỉnh giao, phấn đấu thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 10%/năm và đến năm 2025 đạt 1.625 tỷ đồng.

b) Phát triển hạ tầng xã hội đô thị

- Đến năm 2025: diện tích sàn nhà ở bình quân đạt từ 30 - 32 m2/người; tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thành từ 100%; cơ sở y tế từ 3,2- 3,5 giường bệnh/ 1.000 dân; cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị từ 10 cơ sở; trung tâm văn hóa từ 5 - 7 công trình; trung tâm thể dục - thể thao từ 5 - 7 công trình; trung tâm thương mại dịch vụ phải đạt từ 9 - 11 công trình.

c) Phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Đến năm 2025: chỉ tiêu đầu mối giao thông phải từ cấp tỉnh đến cấp vùng; tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành từ 13 - 19%; mật độ đường trong khu vực nội thành từ 7 - 10 km/km2; tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng từ 10 - 12%; diện tích đất giao thông/dân số nội thành từ 11 - 13 m2/người; tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực nội thành đạt từ 130 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ dân số khu vực nội thành được cấp nước sạch đạt 100%; tỷ lệ nước thất thoát dưới 25%; mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thành đạt 8,5 km/km2; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý từ 35 - 50%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng có trạm xử lý nước thải từ 80 - 100%; chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt khu vực nội thành từ 750 - 850 Kwh/người/năm; tỷ lệ đường phố chính khu vực nội thành được chiếu sáng đạt 100%; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng đạt 85%; số thuê bao điện thoại bình quân/số dân từ 80 - 85 máy/100 dân; tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thành được thu gom từ 95 - 100%; tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thành được xử lý hợp vệ sinh đạt 100%; số nhà tang lễ khu vực nội thành từ 2 - 3 nhà tang lễ; số chợ hoặc siêu thị đạt từ 01 công trình trở lên/phường; đất cây xanh nội thành đạt từ 7 -10 m2/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thành từ 5 - 6 m2/người.

d) Về lĩnh vực hạ tầng đô thị và vệ sinh môi trường

Đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch, thiết kế đô thị, quản lý quy hoạch kiến trúc, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quản lý đô thị gắn với kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa xã hội. Ưu tiên quỹ đất vùng trung tâm nội thành xây dựng khu thương mại, du lịch, dịch vụ tổng hợp,   
hiện đại.

Huy động các nguồn lực, tập trung xây dựng tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như: Giao thông, thủy lợi, điện, cấp nước, thoát nước... phát triển thành phố Phổ Yên đảm bảo các tiêu chí của đô thị loại II vào năm 2025.

Đầu tư các dự án xây dựng đường, các tuyến tránh khu vực nội thành thành phố, quy hoạch các bến xe, bãi đỗ xe, nâng cấp đường giao thông, hạ ngầm cấp điện và thông tin. Duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông thường xuyên, đảm bảo giao thông thông suốt.

Tăng cường công tác thu gom, phân loại rác thải đô thị; tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 95%; đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường ở khu vực nông thôn, vùng khó khăn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường đối với các dự án. Quy hoạch bãi đổ chất thải rắn thông thường, khu giết mổ gia súc tập trung, xây dựng nghĩa trang của thành phố và cải tạo các khu xử lý rác đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường.

Đối với một số tiêu chuẩn hạ tầng mặc dù đã đạt về số lượng theo quy định nhưng để đảm mục tiêu phát triển thành phố bền vững sau khi được thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quan tâm chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên, các đơn vị liên quan có giải pháp cụ thể để đầu tư, thu hút đầu tư cải tạo, nâng cấp một số công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật như chợ, sân luyện tập, xử lý nước thải theo quy chuẩn kỹ thuật, công viên cây xanh... chú trọng khai thác các thế mạnh trong phát triển công nghiệp, nông nghiệp sạch, du lịch theo đúng định hướng trong quy hoạch chung đô thị Phổ Yên, Chương trình phát triển đô thị Phổ Yên đến năm 2030 và các quy hoạch phân khu đã được phê duyệt

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình, cơ sở hạ tầng dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu. Phát triển mạng lưới quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan, phòng chống thiên tai, sạt lở đất, lũ quét, cháy rừng. Bảo vệ các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng.

đ) Về lĩnh vực đảm bảo đời sống Nhân dân

Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo. Khắc phục triệt để tồn tại, hạn chế, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc học. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học theo hướng đạt chuẩn và hiện đại đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh. Tập trung duy trì, nâng cao các tiêu chuẩn và xây dựng trường chuẩn Quốc gia. Thực hiện tốt việc sáp nhập các đơn vị trường học theo kế hoạch. Tăng cường công tác quản lý dạy thêm, học thêm, thu chi tài chính, thu phí ở các trường học.

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Nhân dân, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm ở người, quản lý chặt chẽ các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân; đẩy mạnh công tác truyền thông dân số, chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển, bình đẳng giới, nhằm giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên và chênh lệch tỷ số giới tính khi sinh.

Tiếp tục xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trở thành ý thức trong nếp sống và sinh hoạt của mọi người dân. Duy trì và giữ vững đến năm 2025 có trên 95% gia đình văn hóa, trên 80% xóm, tổ dân phố văn hóa và 90% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa. Thực hiện các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao có chất lượng, chiều sâu. Xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện thu hút đầu tư để bảo tồn, phát huy giá trị của các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh. Trùng tu, tôn tạo các di tích đã xuống cấp; triển khai thực hiện tốt kế hoạch phát triển Đề án du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Làm tốt công tác an sinh xã hội, thực hiện kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, quan tâm hỗ trợ đời sống, giáo dục đối với thanh thiếu niên nghiện ma túy. Nâng cao vai trò hoạt động của các tổ chức xã hội trên địa bàn. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng đến năm 2025 còn dưới 10%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực nội thành dưới 3%, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%.

e) Về lĩnh vực bảo đảm an ninh - quốc phòng

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đảm bảo việc thực hiện các dự án, công trình hạ tầng không ảnh hưởng đến thế trận phòng thủ của địa phương.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân với xây dựng nền an ninh Nhân dân vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, tỷ lệ đơn vị dân quân, tự vệ đạt vững mạnh hàng năm.

Xử lý tốt các tình huống, các vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, ngăn chặn và giải quyết kịp thời các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, di cư tự do.

Chủ động phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giải quyết tốt đơn thư khiếu nại tố cáo. Mở rộng mạng lưới an ninh Nhân dân đến tận thôn, xóm, phố. Nâng cao công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn.

Đảm bảo chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân. Thực hiện tốt các cuộc thanh tra hàng năm gắn với thực hiện nghiêm túc các kết luật thanh tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và các cấp ủy, chính quyền cơ sở, nâng cao nhận thức làm rõ âm mưu, hoạt động của địch và tính chất manh động, nguy hiểm của hoạt động lợi dụng dân tộc thiểu số xâm phạm an ninh Quốc gia, từ đó chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung củng cố cơ sở chính trị ở các địa bàn trọng điểm, phức tạp. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các đối tượng. Xây dựng thế trận an ninh Nhân dân và phong trào toàn dân bảo vệ an toàn tổ quốc tạo nền tảng vững chắc cho đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

g) Lĩnh vực quản lý Nhà nước

Củng cố bộ máy quản lý Nhà nước tại các cấp. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, ngành, cá nhân. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và đối tượng cần thực hiện chính sách tinh giản biên chế đối với từng cơ quan, đơn vị phù hợp với mô hình chính quyền đô thị.

Tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức theo chức năng nhiệm vụ mới của mô hình quản lý đô thị.

Nâng cao hiệu quả công tác phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, tính chuyên nghiệp của bộ máy chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở.

Cải cách, đơn giản hóa tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

Tăng cường nguồn lực cho xóa đói giảm nghèo, nâng cao nhận thức của quần chúng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ tại chỗ, gắn liền với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng.

### 3. Định hướng phát triển các phường

3.1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, thực hiện tốt chính sách an sinh - xã hội, xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng kinh tế - hạ tầng xã hội... Nhằm tạo môi trường thuận lợi để thu hút mạnh mẽ mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế đến tham gia đầu tư vào những lĩnh vực thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Đồng thời, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hướng tới tăng dần tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại, gắn với việc giải quyết việc làm, và làm tăng lao động trong các ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, giảm dần số lao động ngành nông nghiệp.

Ưu tiên nguồn lực và đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm, đặc biệt là các công trình thuộc tiêu chí “Chợ và siêu thị” của phường Đông Cao, phường Tân Phú. Phát triển không gian đô thị theo đúng quy hoạch và chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt; triển khai các nhiệm vụ nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và người dân trong việc chấp hành Luật xây dựng, quy hoạch xây dựng và quản lý kiến trúc đô thị. Nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tạo điều kiện thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào một số lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng. Phát triển hệ thống siêu thị quy mô vừa và nhỏ tại nơi đông dân cư, hệ thống chợ, nhà hàng, khách sạn, điểm dừng chân... đẩy mạnh công tác quảng bá, gắn kết chặt chẽ chương trình du lịch với các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn. Đồng thời, tiếp tục quảng bá hình thành các tour, tuyến du lịch nhằm thu hút khách du lịch đến với các điểm du lịch tâm linh, và nâng cao chất lượng lao động, cán bộ quản lý và tiếp thị ngành dịch vụ.

Từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật một cách đồng bộ, đồng thời xây dựng các mô hình quản lý tiên tiến trong khai thác và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Khắc phục triệt để tồn tại, hạn chế, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học theo hướng đạt chuẩn và hiện đại, duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn và xây dựng trường chuẩn Quốc gia. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh và công tác truyền thông về dân số. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, các chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội. Huy động tối đa các nguồn lực cho giảm nghèo, khuyến khích người nghèo vươn lên thoát nghèo. Chỉ đạo các tổ chức xã hội trên địa bàn thực hiện các chính sách ưu đãi về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin và các dịch vụ tiếp cận theo nghèo đa chiều nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo. Từng bước trùng tu, tôn tạo các di tích đã xuống cấp nhằm thu hút đầu tư để bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử đã được công nhận. Tiếp tục phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trở thành ý thức trong nếp sống và sinh hoạt của mọi người dân.

Chủ động nắm tình hình nội bộ Nhân dân, hoạt động các tổ chức tôn giáo trên địa bàn, thực hiện đồng bộ các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, tăng cường trấn áp các tội phạm và các tệ nạn xã hội. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm xe quá khổ, quá tải, chở hàng hóa gây ô nhiễm môi trường. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh và trật tự an toàn   
xã hội.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Phường Đắc Sơn

-Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 18%; thu nhập bình quân đầu người/nămso với cả nước đến năm 2025 đạt 1,5 - 1,8 lần; sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm đạt 5.865 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm đến năm 2025 đạt 17.500 con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025 đạt 900 tấn; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025 đạt 126 doanh nghiệp; tổng huy động vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 đạt 120 tỷ đồng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đến năm 2025 đạt 85 tỷ đồng; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 10% trở lên; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông, nhựa hóa 100%.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm 1,2%; phấn đấu đến năm 2025 không còn hộ nghèo; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ lao động được đào tạo đến năm 2025 đạt 90% trở lên; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 65%.

- Về môi trường: tỷ lệ dân số được dùng nước sạch hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: hoàn thành 100% chỉ tiêu huấn luyện và giao quân hàng năm; tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đến năm 2025 đạt 95%.

b) Phường Nam Tiến

- Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 10%; thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 so với cả nước đạt 1,2 - 1,5 lần; sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 3.000 tấn; diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chủ yếu đến năm 2025 đạt 106 tạ/ha; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025 đạt 25 nghìn con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025 đạt 20 tấn; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025 tăng lên 110 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 10%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông hóa, nhựa hóa đến năm 2025   
đạt 100%.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên đạt 1,5%; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 0,9%; tỷ lệ hộ cận nghèo đến năm 2025 dưới 0,8%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu đến năm 2025 đạt 70%   
trở lên.

- Về môi trường: tỷ lệ hộ được dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 100%.

- Về quốc phòng - an ninh: tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025 đạt 95%.

c) Phường Tiên Phong

- Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 12%; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 so với cả nước đạt 1,4 - 1,6 lần; diện tích đất nông nghiệp được tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt 20 ha; sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm đạt 7.500 tấn; quy hoạch khu sản xuất đồ gỗ mỹ nghề, làng nghề truyền thông đến năm 2025 đạt 6 ha; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tăng trong nhiệm kỳ trung bình từ 1.150 doanh nghiệp trở lên; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 13%; tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa đến năm 2025 đạt 100%.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm đạt 2%; không có hộ tái nghèo và hộ cận nghèo; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số đến năm 2025 đạt 95% trở lên; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa đến năm 2025 đạt 95%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 70%.

- Về môi trường: tỷ lệ dân số được dùng nước sạch hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100%, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 100%.

- Vềquốc phòng, an ninh: tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đến năm 2025 đạt 95% trở lên.

d) Phường Đông Cao

- Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15%; thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 so với cả nước đạt 1,2 - 1,4 lần; sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 3.500 tấn; diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chủ yếu đến năm 2025 đạt 110 tạ/ha; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025 tăng lên 550 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 12%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông hóa, nhựa hóa đến năm 2025 đạt 100%; số chợ hoặc siêu thị đạt từ 01 công trình trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên đạt 1,2%; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 1%; tỷ lệ hộ cận nghèo đến năm 2025 dưới 0,8%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 75% trở lên.

- Về môi trường: tỷ lệ hộ được dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 100%.

- Về quốc phòng - an ninh: tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025 đạt 100%.

đ) Phường Tân Phú

- Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15%; thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 so với cả nước đạt 1,3 - 1,5 lần; sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 3.100 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025 đạt 10 nghìn con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025 đạt 10 tấn; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025 tăng lên 210 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 10%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông hóa, nhựa hóa đến năm 2025 đạt 100%; số chợ hoặc siêu thị đạt từ 01 công trình trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên đạt 1,3%; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 1%; tỷ lệ hộ cận nghèo đến năm 2025 dưới 1%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số năm 2025 đạt 95%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 70% trở lên.

- Về môi trường: tỷ lệ hộ được dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 100%.

- Về quốc phòng - an ninh: tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025 đạt 95%.

e) Phường Thuận Thành

- Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 15%; thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 so với cả nước đạt 1,3 - 1,5 lần; sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 1.500 tấn; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025 đạt 15 nghìn con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025 đạt 20 tấn; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025 tăng lên 350 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 12%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông hóa, nhựa hóa đến năm 2025 đạt 100%.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên đạt 1,3%; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 0,3%; tỷ lệ hộ cận nghèo đến năm 2025 dưới 0,5%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 100%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 75% trở lên.

- Về môi trường: tỷ lệ hộ được dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 100%.

- Về quốc phòng - an ninh: tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025 đạt 100%.

g) Phường Hồng Tiến

- Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 16%; thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 so với cả nước đạt 1,2 - 1,5 lần; sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 3.000 tấn; diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chủ yếu đến năm 2025 đạt 106 tạ/ha; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2025 đạt 25 nghìn con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2025 đạt 20 tấn; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2025 tăng lên 110 doanh nghiệp; tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 10%; tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn được bê tông hóa, nhựa hóa đến năm 2025   
đạt 100%.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số tự nhiên đạt 1,4%; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 0,8%; tỷ lệ hộ cận nghèo đến năm 2025 dưới 1%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng số dân số năm 2025 đạt 95%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt 100%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đạt 95%; tỷ lệ thôn đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến năm 2025 đạt 65% trở lên.

- Về môi trường: tỷ lệ hộ được dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 100%.

- Về quốc phòng - an ninh: tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2025 đạt 100%.

h) Phường Tân Hương

- Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 16%; thu nhập bình quân đầu người/năm đến năm 2025 so với cả nước 1,4 - 1,6 triệu đồng. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản 110 triệu đồng/ha/năm; sản lượng lương thực hàng năm đạt 3.500 tấn; đàn gia súc, gia cầm bình quân hàng năm đạt 8.000 con; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản bình quân đạt 15 tấn/ năm; thu ngân sách hàng năm tăng từ 5% trở lên (không tính tiền đấu giá đất); đến năm 2025 có 150 cơ sở doanh nghiệp.

- Về văn hóa - xã hội: tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm đạt 1,3%; phấn đấu không phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn đến năm 2025 đạt 100%; tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hóa hàng năm 100% trở lên; trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2; số lao động xuất khẩu hàng năm 100 người trở lên; tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng đạt 100%.

- Về môi trường: tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh đạt: 100%; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh môi trường; tỷ lệ chất thải rắn thu gom, xử lý 100%.

- Về quốc phòng, an ninh: 100% thanh niên trong độ tuổi tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự; hoàn thành chỉ tiêu giao quân; 100% khu dân cư đạt chuẩn về an ninh trật tự.

i) Phường Trung Thành

- Về kinh tế: tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 18% trở lên, trong đó: công nghiệp - xây dựng tăng 20%; dịch vụ thương mại tăng 16,5%; nông, lâm, thủy sản giảm 2%; giá trị sản xuất trên 01 ha canh tác đạt từ 125 đến 130 triệu đồng/năm; diện tích đất nông nghiệp được tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt 30 ha; thu nhập bình quân đầu người/năm so với cả nước đến năm 2025 đạt 1,5 - 1,8 lần; tổng số cơ sở doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn đến năm 2025 đạt 750 cơ sở; tăng thu ngân sách thường xuyên bình quân hàng năm tăng 12% so với dự toán thành phố giao; đảm bảo chi ngân sách cho hoạt động thường xuyên và hàng năm, có tiết kiệm 10 - 15% cho trả nợ; duy trì và giữ vững đơn vị đạt chuẩn công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; tập trung phát triển hạ tầng đô thị theo quy hoạch, tỷ lệ đô thị xanh đạt từ 35% trở lên.

- Về văn hóa - xã hội: trong 5 năm tạo việc làm mới cho 1.100 lao động; tỷ lệ lao động được đào tạo và học nghề đến năm 2025 đạt 90%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 1,2%; trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 5%; giảm tỷ lệ sinh con thứ 3; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa đến năm 2025 đạt 95%; tỷ lệ tổ dân phố đạt tiêu chí kiểu mẫu đến năm 2025 đạt từ 3 - 5 đơn vị; đến năm 2022 không còn hộ nghèo; đến năm 2025 không còn hộ cận nghèo. Phấn đấu xây dựng 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; xã được công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2 về y tế.

- Về môi trường: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 100%; 100% số hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, có 100% số hộ sử dụng nước máy; 100% cơ sở kinh doanh đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.

- Về quốc phòng, an ninh: 100% vụ việc xảy ra đều được phát hiện, ngăn chặn và xử lý lịp thời; 95% trở lên khu dân cư đạt an toàn về an ninh trật tự; 100% người tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện thực hiện đội mũ bảo hiểm và thực hiện triệt để quy định về người tham gia giao thông không có nồng độ cồn; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân và công tác huấn luyện dân quân tự vệ.

## II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH

### 1. Về kinh tế

a) Nhiệm vụ

Phát huy các nguồn lực của địa phương và phát triển các tiềm lực nhằm duy trì ổn định sự phát triển của nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại, dịch vụ, du lịch - công nghiệp, xây dựng, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn phát triển; nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, du lịch. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư du lịch và ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn. Định hướng phát triển nghề phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương theo hướng thương mại, dịch vụ, du lịch, sản xuất đa ngành nghề trên địa bàn.

- Thương mại - dịch vụ, du lịch:

+ Phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao như: bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, du lịch, tín dụng ngân hàng, y tế, việc làm, các dịch vụ khu công nghiệp, nông nghiệp... trong đó trọng tâm là phát triển hệ thống dịch vụ thương mại, làng nghề phù hợp với phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là khu vực các phường mới thành lập.

+ Xây dựng, chiến lược phát triển thị trường, liên kết giữa thị trường các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, thị trường các tỉnh đồng bằng sông Hồng và đặc biệt là thành phố Hà Nội, nhằm cung cấp nguyên liệu cho sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản, hàng công nghiệp tiêu dùng phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Thực hiện các giải pháp quản lý giá cả, thị trường, tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, trốn thuế, phòng chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; đẩy mạnh hệ thống thu mua và tiêu thụ hàng nông sản trên địa bàn thành phố.

- Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư mới theo hình thức đối tác công tư (PPP), thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư các dự án trên địa bàn thành phố. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định chấp nhận chủ trương đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển hạ tầng du lịch trọng điểm là khu du lịch hồ Núi Cốc, khu du lịch hai bên bờ sông Cầu. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm Công nghiệp Tân Phú 1 và Tân Phú 2, thị xã Phổ Yên, trong đó ưu tiên xây dựng 01 trung tâm thương mại với diện tích từ 2.500-3000m2 để phục vụ nhân dân trong xã Tân Phú, Đông Cao và các địa phương lân cận.

- Công nghiệp và xây dựng:

+ Xác định công nghiệp là động lực phát triển kinh tế - xã hội; phát triển hài hòa giữa các khu, cụm công nghiệp thu hút đầu tư mới đến từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Duy trì phát triển các ngành công nghiệp chủ lực; tập trung phát triển các ngành công nghiệp thế mạnh. Tạo điều kiện thuận lợi xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp như khu công nghiệp. Xây dựng kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất quy mô lớn gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực nội thị, tập trung phát triển các ngành công nghiệp sạch không gây ô nhiễm môi trường, hiện đại, công nghệ cao, có giá trị kinh tế lớn, thu hút được nguồn lao động tại địa phương, quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ công nghiệp.

+ Khôi phục và phát triển tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở các ngành nghề truyền thống đã xác lập được vị thế trên thị trường, có lợi thế về nguyên liệu đồng thời lựa chọn du nhập một số ngành nghề mới cho phép tận dụng lợi thế về địa lý, tài nguyên, lao động trên địa bàn. Tập trung xây dựng các khu cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vừa và nhỏ làm trọng tâm, trọng điểm để từng bước nhân rộng mô hình, tổ chức sản xuất tập trung, hiệu quả, giảm thiểu đầu tư hạ tầng và đảm bảo môi trường

- Nông - lâm - thủy sản:

+ Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, quy trình kỹ thuật theo hướng vừa đảm bảo nâng cao năng suất vừa chú trọng nâng cao chất lượng, giá trị, hiệu quả kinh tế, theo nhu cầu thị trường, tăng sức cạnh tranh, phát triển bền vững của sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của thành phố.

+ Đối với sản xuất lương thực: tiếp tục chuyển dịch cơ cấu thời vụ, sử dụng giống ngắn ngày, thích ứng rộng, hạn chế ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

+ Triển khai quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao, gắn với triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp. Quan tâm phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, bền vững. Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy hoạch sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đi đôi với việc tổ chức lại sản xuất thực hiện chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nhằm tăng hiệu quả kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

- Thu chi ngân sách: triển khai kế hoạch thu chi ngân sách năm 2021 đảm bảo cân đối ngân sách, phân bổ ngân sách có trọng tâm, trọng điểm, minh bạch, khách quan, đúng quy định; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, thiết thực, hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch đầu tư công đã được duyệt, tập trung nguồn vốn đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án quan trọng, cấp bách đảm bảo tiến độ.

b) Giải pháp

- Công nghiệp và xây dựng: tập trung tháo gỡ các khó khăn, hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy mạnh sản xuất công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp và làng nghề. Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, giải quyết kịp thời các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư; thu hút các nhà đầu tư; phát triển các khu, cụm công nghiệp gắn với phát triển đô thị nhất là tại các khu công nghiệp Yên Bình; khuyến khích việc đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, công trình hạ tầng xã hội, thiết chế văn hóa; tập trung phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống.

- Thương mại - dịch vụ:

+ Thực hiện xã hội hóa đầu tư các công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích khác, nhất là đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Sử dụng có hiệu quả các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản huy động hợp pháp khác để thực hiện xây dựng nông thôn mới tại cơ sở. Chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động người dân đóng góp sức người, sức của, hiến vật kiến trúc, cây lâu năm, quyền sử dụng đất… để góp phần cùng với ngân sách Nhà nước thực hiện có hiệu quả các nội dung chương trình.

+ Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, phấn đấu tốc độ tăng giá trị các ngành dịch vụ đạt 15% trở lên, thu hút đầu tư phát triển mạnh các loại hình dịch vụ đi đôi với việc nâng cao chất lượng sản phẩm để có các dịch vụ chất lượng cao.

- Nông - lâm - thủy sản: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, xây dựng mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, quy trình kỹ thuật; mô hình tổ chức sản xuất hiệu quả, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Gắn xây dựng mô hình với cung ứng vật tư, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, tập huấn, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Không xây dựng mô hình sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, kém hiệu quả, phát triển dịch vụ. Tiếp tục quan tâm đầu tư thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, phòng chống thiên tai, bảo vệ và phát triển rừng, môi trường trong nông nghiệp; củng cố hoàn thiện cơ sở hạ tầng: giống nông nghiệp, giao thông, thủy lợi (phát triển tưới cây trồng cạn), khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, cải cách hành chính; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, thực thi pháp luật lĩnh vực ngành nông lâm thủy sản.

**2. Về văn hóa - xã hội**

a) Nhiệm vụ

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra các hoạt động văn hóa; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển các loại hình văn hóa dân lập. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh nơi công sở, trong cộng đồng dân cư”. Tổ chức triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2015, định hướng đến năm 2030. Thực hiện các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao có chất lượng, chiều sâu. Cùng với đó, quan tâm đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa - thể dục - thể thao; nâng cấp cơ sở vật chất, máy móc, phương tiện hoạt động của hệ thống truyền thanh để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp lụât của Nhà nước đến mọi người dân.

Thực hiện tốt các chương trình y tế Quốc gia; nâng cao hiệu quả hoạt động, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân; tăng cường quản lý, phát triển loại hình khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, xã hội hóa một số dịch vụ y tế, liên kết các dịch vụ kỹ thuật cao về y tế. Tăng cường công tác giáo dục truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình; công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chăm sóc người già, người tàn tật…Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1%. Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về dân số - kế hoạch hóa gia đình nhằm nâng cao chất lượng dân số, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh.

Tiếp tục thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo, dự án giải quyết việc làm, giới thiệu việc làm; vận động xây dựng, phát triển quỹ vì người nghèo*.* Tiếp tục thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo, tạo việc làm cho khoảng 5.000 lao động. Đồng thời, ưu tiên nguồn lực phát triển, thực hiện hiệu quả chương trình Quốc gia giảm nghèo bền vững. Tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến nông... Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%.

b) Giải pháp

Tiếp tục tăng cường đầu tư phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã qua đào tạo, làm tốt công tác giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội; không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và giáo dục đại trà. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào tất cả các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Tăng cường đào tạo chuyên môn, nâng cao tinh thần trách nhiệm và y đức cho đội ngũ cán bộ y tế; tăng cường các nguồn lực, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế; thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

Quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, các công trình dịch vụ công cộng, công viên cây xanh và các công trình phục vụ lợi ích công cộng. Phát triển một xã hội lành mạnh, ổn định trong đó con người là đối tượng quan tâm hàng đầu và cũng là chủ thể để đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Tạo sự chuyển biến cơ bản và toàn diện ngành giáo dục và đào tạo; chú trọng đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, hỗ trợ phát triển văn hóa truyền thống để không làm mất đi các giá trị văn hóa, phát triển kinh tế trên nền tảng của các giá trị văn hóa; tăng cường xã hội hóa xây dựng hạ tầng văn hóa - thể thao: sân chơi, bãi tập, các thiết chế văn hóa; nâng cao sức khỏe đời sống tinh thần cho Nhân dân.

Nâng cao chất lượng các loại hình hoạt động văn hóa - thông tin của các phương tiện thông tin đại chúng; phát triển một số điểm vui chơi công cộng, trang bị thêm một số dụng cụ, trang thiết bị cần thiết tại các điểm vui chơi, giải trí, thể thao phục vụ Nhân dân.

**3. Về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển hạ tầng đô thị**

a) Nhiệm vụ

Thực hiện tốt nhiệm vụ về về lĩnh vực quản lý đô thị như: quản lý quy hoạch kiến trúc; đất đai; xây dựng đô thị; sử dụng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, trật tự an toàn đô thị, môi trường, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng và các hoạt động văn hóa xã hội theo Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, góp phần làm cho diện mạo đô thị có trật tự và bản sắc phát triển theo hướng hiện đại.

*- Khu đô thị mới:* tăng tỷ lệ độ đô thị hóa tăng cao với nhiều khu đô thị mới hình thành nhằm đáp ứng các nhu cầu về nhà ở của người dân trên địa bàn. Triển khai xây dựng nhiều dự án khu đô thị mới như: Tân Đại Việt, Nam Thái, Đông Tây, Vinaconex, Yên Bình.

*- Khu cải tạo, chỉnh trang đô thị:* bên cạnh những khu đô thị mới và các khu chức năng, dịch vụ và du lịch sinh thái dự kiến sẽ đầu tư xây dựng, được sự quan tâm của các ban, ngành của Trung ương và của tỉnh Thái Nguyên. Đầu tư ngân sách hàng năm cho việc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật của đô thị hiện hữu như: thảm nhựa các tuyến đường; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống đèn giao thông; sắp xếp trật tự kinh doanh trên các tuyến đường; rà soát, bổ sung hệ thống biển báo giao thông, các bến bãi đỗ xe, sơn kẻ vạch điểm dừng đỗ cho các phương tiện vận tải khách. Xây dựng phương án trồng cây xanh; tháo dỡ, giải tỏa nhiều hàng quán, lều bạt xây dựng trái phép trên vỉa hè, các mái che, mái vẩy, bàn ghế, biển quảng cáo các loại làm ảnh hưởng đến hành lang giao thông, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị; nâng cấp hệ thống chiếu sáng, xây dựng đồng bộ vỉa hè, lòng đường; bảo đảm cấp nước sạch cho người dân.

*- Không gian công cộng đô thị:* thực hiện đầu tư xây dựng và hoàn thiện các khu vui chơi giải trí, phát triển thêm các khu không gian công cộng theo quy hoạch, đồng thời khuyến khích các tầng lớp nhân dân tích cực trồng thêm cây xanh đường phố và cây xanh tại khu ở, góp phần tạo cảnh quan môi trường   
đô thị.

b) Giải pháp

Phối hợp các đơn vị tư vấn nghiên cứu, đánh giá và dự báo các yếu tố tác động đến chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong tương lai. Định hướng phát triển đô thị gắn với xây dựng các khu trung tâm thương mại - dịch vụ, các điểm dịch vụ văn hóa, đặc biệt là về du lịch.

Kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển của thị xã theo quy hoạch được duyệt. Tổ chức thực hiện và quản lý việc xây dựng, cải tạo nhà ở riêng lẻ tại khu vực đô thị theo đúng kế hoạch, kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, cảnh quan, môi trường và các quy định khác của pháp luật. Đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nhà ở đô thị theo quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng trái phép, không đúng quy hoạch, tình trạng gây mất trật tự, mỹ quan đô thị nhằm từng bước chỉnh trang xây dựng đô thị ngày càng khang trang, sạch đẹp.

**4. Về bảo vệ môi trường**

a) Nhiệm vụ

Hoàn thành việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ dân trên địa bàn; tăng cường quản lý tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước và khóang sản; nâng cao năng lực trong công tác lập và quản lý quy hoạch trên địa bàn, phân bổ hợp lý quỹ đất theo chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội quốc phòng, an ninh.

Tổ chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo mục tiêu đề ra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm; ngăn chặn kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền quy định. Quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khóang sản, việc hành nghề khoan, khai thác nguồn nước ngầm.

b) Giải pháp

Bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, trước hết là đất đai và nguồn nước. Thực hiện tốt bảo vệ môi trường, khắc phục và xử lý có hiệu quả các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt tại các vùng sản xuất tập trung và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường; phân loại rác thải tại hộ gia đình để làm môi trường sạch hơn, đảm bảo chất thải rắn trên địa bàn thành phố được thu gom xử lý đạt 100%.

Tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xử lý khắc phục tình trạng ô nhiễm trong sản xuất và các hoạt động xả nước thải gây ô nhiễm môi trường. Tích cực giải quyết các đơn thư về đất đai và xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã, phường; đẩy nhanh tiến độ các lò đốt rác thải sinh hoạt quy mô nhỏ tại các xã, phường.

Tập trung thực hiện công tác kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Di chuyển, sắp xếp lại một số nghĩa trang gắn với xây dựng các khu, cụm công nghiệp, mở rộng các tuyến đường giao thông, xây dựng các công trình công cộng (trường học, chợ...). Trong thời gian tới, công tác quản lý môi trường sẽ tiếp tục được nâng cao, đặc biệt khi dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sẽ được triển khai xây dựng và sớm đưa vào vận hành.

**5. Về an ninh - quốc phòng**

a) Nhiệm vụ

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tiến hành xây dựng các công trình phòng thủ cho các thành phần cơ bản của thế trận phòng thủ khu vực trên phạm vi toàn thành phố, tiến hành xây dựng theo từng giai đoạn, ưu tiên các công trình phòng thủ trên các hướng phòng thủ và các khu vực quan trọng. Xây dựng quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh Nhân dân vững chắc.

Thực hiện tốt chính sách quốc phòng toàn dân, củng cố tăng cường lực lượng dân quân, tự vệ ở các xã, phường, cơ quan, xí nghiệp, nhà máy đủ mạnh, ứng phó kịp thời mọi tình huống xảy ra, không bị động. Xây dựng thành phố trở thành khu vực phòng thủ vững chắc, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Thường xuyên củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, đủ về số lượng và chất lượng, được trang bị kỹ thuật hiện đại, đảm bảo vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Xây dựng và nâng cao chất lượng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, hạn chế và giảm thiểu các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Đẩy mạnh cải cách tư pháp, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của Nhân dân và các vấn đề phức tạp khác nảy sinh.

b) Giải pháp

Tăng cường đảm bảo ổn định quốc phòng - an ninh, tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng quân đội và công an vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, gắn bó mật thiết với Nhân dân. Giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường chính trị ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Không ngừng củng cố quốc phòng - quân sự địa phương vững mạnh.

**6. Đảm bảo nguồn thu của các xã sau khi thành lập phường**

Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 39 của Luật Ngân sách Nhà nước có quy định “Ngân sách xã, thị trấn được phân chia nguồn thu từ các khoản: thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất”. Tại khoản 3, Điều 4 của Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn có quy định “riêng đối với các loại thuế, lệ phí theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 39 của Luật Ngân sách Nhà nước, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”. Theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017 - 2020 sang năm 2021; Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc bổ sung quy định về tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020. Hiện nay, theo phân cấp, nguồn thu ngân sách cấp xã được hưởng 100%, gồm: lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn; lệ phí do cấp xã thực hiện thu; các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp xã đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu nhập từ vốn góp của ngân sách cấp xã; thu từ bán tài sản nhà nước do cấp xã quản lý; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; các khoản thu phí từ hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện; tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã xử phạt, tịch thu; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; tiền đền bù thiệt hại đất; huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật; đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã; viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật; thu kết dư ngân sách cấp xã.

Do vậy sau khi các phường được thành lập thì không ảnh hưởng tới nguồn thu của các xã trước đó. Bên cạnh đó, các phường cần thực hiện một số giải pháp để đảm bảo nguồn thu như:

- Sử dụng vốn ngân sách cho các dự án hạ tầng thiết yếu;

- Đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP);

- Xã hội hóa các dự án phát triển giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, du lịch, thương mại dịch vụ, các khu đô thị mới, khu nhà ở mới thông qua nhiều giải pháp hấp dẫn, ưu đãi đầu tư, quỹ đất sạch;

- Tăng cường quản lý của chính quyền đô thị: xây dựng Đề án mô hình “Chính quyền đô thị”; cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý Nhà nước về quy hoạch và phát triển đô thị; triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị, thực hiện tốt quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị; quy định về tuyến phố văn minh đô thị; phát huy vai trò cộng đồng dân cư trong thực hiện quy hoạch và chương trình phát triển đô thị.

## III. VỀ SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 KHÓA XII

### 1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của thành phố Phổ Yên

Cơ bản giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của thị xã Phổ Yên hiện tại. Chuyển toàn bộ đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã thành đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định tại Điều 134, Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định của Đảng và Nhà nước.

b) Đối với các phường mới thành lập

Chuyển toàn bộ đại biểu Hội đồng nhân dân xã thành đại biểu Hội đồng nhân dân phường và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định tại của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đồng thời, thành phố sẽ mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã hiện tại. Thành phố sẽ sắp xếp, bố trí lại một số chức danh trong các phường được thành lập cho phù hợp với chức năng đơn vị hành chính thuộc khu vực nội thành. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và công chức địa chính - xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư.

c)Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

- Tổng số người hoạt động không chuyên trách của 09 xã là 872 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách của đơn vị hành chính mới sau thành lập theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ là 722 người.

- Số người hoạt động không chuyên trách dư ra sau khi thành lập là 150 người (giải quyết nghỉ chế độ theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở xóm, tổ dân phố dôi dư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên).

d) Đối với các xã còn lại

Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc bố trí, sắp xếp, tinh giản, đảm bảo số lượng theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

### 2. Phương án sắp xếp đội ngũ cán bộ công an thành phố và các phường

a) Phương án tổ chức bộ máy Công an các phường

- Ngày 25 tháng 7 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”. Như vậy, lực lượng Công an các xã dự kiến thành lập phường đã được bố trí Công an chính quy. Do đó, sau khi thành lập các phường, Công an tỉnh sẽ tiếp tục bố trí lực lượng công an chính quy về các phường để đảm bảo số lượng công an chính quy theo quy định và không làm tăng biên chế của ngành.

- Tổ chức bộ máy Công an 09 phường thuộc thị xã Phổ Yên: Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy gồm: 01 Trưởng Công an và 02 Phó Trưởng Công an. Tổ chức bộ máy, gồm 04 tổ:

+ Tổ Tổng hợp.

+ Tổ Cảnh sát khu vực.

+ Tổ Cảnh sát trật tự.

+ Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

- Về trụ sở làm việc: sau khi được thành lập trước mắt trụ sở công an các phường sẽ tạm thời sử dụng trụ sở công an xã hiện tại. Ủy ban nhân dân thành phố sẽ có kế hoạch xây dựng trụ sở công an mới theo quy định.

b) Phương án tổ chức bộ máy Công an thành phố Phổ Yên

- Cơ cấu lãnh đạo, chỉ huy:

+ Công an thành phố Phổ Yên do Giám đốc Công an thành phố chỉ huy, có 04 Phó Giám đốc Công an thành phố.

- Tổ chức bộ máy và trụ sở làm việc của Công an thành phố Phổ Yên được giữ nguyên như Công an thị xã Phổ Yên hiện nay với các đội công tác:

+ Đội Tổng hợp;

+ Đội An ninh;

+ Đội Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc;

+ Các Đội thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra;

+ Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

+ Đội Cảnh sát giao thông;

+ Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp.

### 3. Thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên

Trong quá trình xây dựng Đề án, Ủy ban nhân dân thị xã đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phương án thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có phương án chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thị xã lập đề án thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên báo cáo Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đồng thời với Nghị quyết thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

## IV. NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ

**1. Nhu cầu nguồn vốn**

Tổng nguồn vốn đầu tư năm 2021 là 1.038.050 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các dự án trọng điểm (*theo Nghị quyết 12/NQ- BTV ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)* năm 2021 giao cho thị xã quản lý là: 122.000 triệu đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh phân cấp (30%) cho thị xã quản lý năm 2021 là: 22.000 triệu đồng.

- Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất do thị xã trực tiếp quản lý là: 894.050 triệu đồng.

Phương án bố trí cụ thể

- Vốn bố trí thanh toán khối lượng các dự án hoàn thành và các dự án chuyến tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021: 82.681 triệu đồng.

- Vốn bố trí cho 05 dự án trọng điểm do Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư (sử dụng vốn ngân sách tỉnh &vốn ngân sách thị xã đối ứng) là: 305.600 triệu đồng.

- Vốn bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2021 từ nguồn ngân sách thị xã trực tiếp đầu tư là: 649.769 triệu đồng.

### 2. Giải pháp huy động vốn

- Về huy động nguồn vốn ngân sách Nhà nước:

+ Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách địa phương, tranh thủ tối đa các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, vốn nhàn rỗi của kho bạc Nhà nước.

+ Có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

- Phần còn lại địa phương sẽ huy động vốn ngoài ngân sách Nhà nước:

+ Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức BT, BOT, PPP… Áp dụng chính sách ưu đãi như miễn, giảm một số loại thuế (miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư) để thu hút nguồn vốn từ các doanh nghiệp.

+ Cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị, đặc biệt là đối với các dự án ngoài ngân sách Nhà nước.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục - thể thao, nhà ở, tăng cường chất lượng trong các khu dân cư… nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư phát triển cho lĩnh vực này. Vận động Nhân dân tham gia đóng góp nguồn lực vào phát triển hạ tầng đô thị: Xây nhà ở, tạo quỹ đất xây dựng hạ tầng, trồng và chăm sóc cây xanh, hệ thống thoát nước, đèn điện chiếu sáng…

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển

+ Cân đối thu - chi hợp lý, dành nguồn lực cho đầu tư, tăng cường giải pháp để đẩy mạnh công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thu ngân sách nhằm khai thác tối đa nguồn thu, chống thất thu cho ngân sách cũng như phải đảm bảo được tính bền vững, lâu dài của nguồn thu.

+ Tiếp tục cơ cấu lại chi tiêu của ngân sách Nhà nước theo hướng sử dụng tiết kiệm và nâng cao hiệu quả, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách Nhà nước đảm bảo đầu tư tập trung, hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải.

### 3. Kế hoạch đầu tư phát triển thị xã Phổ Yên

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Danh mục** | **Dự**  **kiến**  **thời**  **gian**  **thực**  **hiện** | **Dự kiến bố trí nguồn vốn** | | | | **Dự kiến bố trí vốn năm 2022 ­2023** |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | |
| **Ngân sách**  **tỉnh** | **Ngân sách**  **thị**  **xã** | **Vốn**  **khác** |
| **A** | **Vốn bố trí cho 05 dự án trọng điểm do Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư** |  | **305.600** | **144.000** | **161.600** | **0** | **480.400** |
| 1 | Xây dựng quần thể văn hóa - thể thao - công viên cây xanh thị xã Phổ Yên | 2021­  2022 | 200.000 | 72.000 | 128.000 | 0 | 346.000 |
| 2 | Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, phường Ba Hàng | 2021­  2023 | 22.000 | 15.000 | 7.000 | 0 | 28.000 |
| 3 | Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện quân y 91 | 2021­  2022 | 22.000 | 15.000 | 7.000 | 0 | 28.000 |
| 4 | Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (Ngã 4 Nam Tiến) đi trung tâm văn hóa xã Nam Tiến | 2021 | 30.800 | 21.000 | 9.800 | 0 | 39.200 |
| 5 | Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ ngã tư Thanh Xuyên đi đê Chã | 2021­  2022 | 30.800 | 21.000 | 9.800 | 0 | 39.200 |
| **B** | **Vốn bố trí thanh toán khối lượng các dự án hoàn thành và các dự án chuyến tiếp dự kiến hoàn thành năm 2021** |  | **82.681** | **0** | **82.681** | **0** | **42.319** |
| **C** | **Vốn bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2021** |  | **649.769** | **0** | **344.769** | **305.000** | **304.631** |
| I | Các dự án lĩnh vực giao thông - đô thị |  | 490.300 | 0 | 490.300 | 0 | 177.000 |
| 1 | Cải tạo, mở rộng tuyến đường Nguyễn Cấu đoạn từ Km0+394 đến Km0+524 | 2021­  2022 | 4.000 | 0 | 4.000 | 0 | 4.000 |
| 2 | Nâng cấp tuyến đường từ Tân Hương đi Đông Cao (điểm cuối giao cắt đường Thanh Xuyên - Chã) | 2021­  2022 | 12.500 | 0 | 12.500 | 0 | 12.500 |
| 3 | Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến chính đô thị (khoảng 20 km) | 2021­  2022 | 6.500 | 0 | 6.500 | 0 | 6.500 |
| 4 | Nhà làm việc bộ phận một cửa liên thông và hội trường xã Nam Tiến | 2021­  2022 | 1.250 | 0 | 1.250 | 0 | 1.250 |
| 5 | Cải tạo bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (tại Trung tâm Văn hóa thị xã) | 2021­  2022 | 500 | 0 | 500 | 0 | 500 |
| 6 | Xây dựng đoạn tuyến từ Quốc lộ 3 cũ (Km 41+950) đi đê Sông Công | 2021­  2022 | 300.000 | 0 | 300.000 | 0 |  |
| 7 | Trồng cây xanh tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Tân Hương | 2021­  2022 | 1.050 | 0 | 1.050 | 0 | 2.450 |
| 8 | Trông câv xanh tuyến đường đường tỉnh 261 (từ UBND xã Đắc Sơn - Cầu Rẽo) | 2021­  2022 | 2.250 | 0 | 2.250 | 0 | 5.250 |
| 9 | Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè & trồng cây xanh tuyến đường Nguyễn Cấu | 2021­  2022­ | 900 | 0 | 900 | 0 | 2.100 |
| 10 | Trồng cây xanh tuyến đường từ đền thờ liệt sĩ đi đường sắt Hà Thái | 2021­  2022 | 600 | 0 | 600 | 0 | 1.400 |
| 11 | Xây bồn cây và trồng cây xanh tuyến đường Ba Hàng - Tiên Phong (từ Quốc lộ 3 cũ - ngã ba Cao Vương) | 2021­  2022 | 2.100 | 0 | 2.100 | 0 | 4.900 |
| 12 | Xây bồn cây và trồng cây xanh tuyến đường đê Chã (từ Cao Vương - Tân Phú) | 2021­  2022 | 2.100 | 0 | 2.100 | 0 | 4.900 |
| 13 | Đầu tư xây dụng tuyến từ vành đai V vùng thủ đô Hà Nội đi khu di tích Lý Nam Đế, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên | 2021­  2022 | 1.000 | 0 | 1.000 | 0 | 119.000 |
| 14 | Đường liên kết khu vực phía Bắc khu Quần thế văn hóa thể thao và công viên cây xanh thị xã Phổ Yên | 2021­  2022 | 95.500 | 0 | 95.500 | 0 | 0 |
| 15 | Cầu vượt bộ, đèn trang trí & trồng cây xanh, thảm cỏ tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (Km 41+950) đi đê Sông Công | 2021­  2022 | 40.000 | 0 | 40.000 | 0 | 0 |
| 16 | Cải tạo, chỉnh trang cảnh quan nút giao Yên Bình tại Km41 Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên | 2021­  2022 | 5.500 | 0 | 5.500 | 0 | 0 |
| 17 | Cải tạo, chỉnh trang & mở rộng nghĩa trang xóm Tân Thịnh, xã Tân Hương | 2021­  2022 | 5.800 | 0 | 5.800 | 0 | 0 |
| 18 | Lát vỉa hè & trồng cây xanh tuyến đường từ Quốc lộ 3 đi Khu dân cư VIF | 2021­  2022 | 2.500 | 0 | 2.500 | 0 | 2.500 |
| 19 | Chỉnh trang hành lang, vỉa hè Quốc lộ 3 và đường tỉnh 261 đoạn qua đền thờ liệt sĩ thị xã Phổ Yên | 2021­  2022 | 2.000 | 0 | 2.000 | 0 | 2.000 |
| 20 | Đầu tư xây dựng nhà chờ xe buýt tại thị xã Phô Yên, tỉnh Thái Nguyên | 2021­  2022 | 1.200 | 0 | 1.200 | 0 | 1.800 |
| 21 | Điện chiếu sáng tuyến đường liên xã Phúc Thuận đi Phúc Tân | 2021­  2022 | 1.000 | 0 | 1.000 | 0 | 4.000 |
| 22 | Điện chiếu sáng tuyến đường từ cầu Nhái đi xã Thành Công | 2021­  2022 | 1.300 | 0 | 1.300 | 0 | 1.200 |
| 23 | Điện chiếu sáng tuyến đường từ cầu Nhái đi xã Vạn Phái | 2021­  2022 | 750 | 0 | 750 | 0 | 750 |
| II | Các dự án lĩnh vực Giáo dục và đào tạo |  | 16.500 | 0 | 16.500 | 0 | 16.500 |
| 1 | Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường mầm non Ba Hàng | 2021­  2022 | 3.750 | 0 | 3.750 | 0 | 3.750 |
| 2 | Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường mầm non Minh Đức | 2021­  2022 | 6.000 | 0 | 6.000 | 0 | 6.000 |
| 3 | Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường tiểu học Nam Tiến 1 | 2021­  2022 | 3.000 | 0 | 3.000 | 0 | 3.000 |
| 4 | Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng Trường Mầm non Phúc Thuận 1 | 2021­  2022 | 3.750 | 0 | 3.750 | 0 | 3.750 |
| IV | Dự án hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu vực dự kiến thành lập phường |  | 7.140 | 0 | 7.140 | 0 | 16.660 |
| 1 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Thuận Thành | 2021­  2022 | 420 | 0 | 420 | 0 | 980 |
| 2 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Trung Thành | 2021­  2022 | 420 | 0 | 420 | 0 | 980 |
| 3 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Tân Phú | 2021­  2022 | 420 | 0 | 420 | 0 | 980 |
| 4 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Đông Cao | 2021­  2022 | 510 | 0 | 510 | 0 | 1.190 |
| 5 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Tiên Phong | 2021­  2022 | 330 | 0 | 330 | 0 | 770 |
| 6 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Tân Hương | 2021­  2022 | 1.260 | 0 | 1.260 | 0 | 2.940 |
| 7 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Nam Tiến | 2021­  2022 | 330 | 0 | 330 | 0 | 770 |
| 8 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Hồng Tiến | 2021­  2022 | 2.100 | 0 | 2.100 | 0 | 4.900 |
| 9 | Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến phố chính phường Đắc Sơn | 2021­  2022 | 1.350 | 0 | 1.350 | 0 | 3.150 |
| V | Dự án khác |  | 135.829 | 0 | 135.829 | 0 | 94.471 |
| 1 | Xây dựng trạm biến áp & đường dây hạ thế hỗ trợ vùng cây ăn quả tập trung xóm Khe Lánh, Khe Đù, xã Phúc Thuận | 2021­  2022 | 2.000 | 0 | 2.000 | 0 | 2.000 |
| 2 | Xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu đô thị Nam Thái | 2021­  2022 | 95.529 | 0 | 95.529 | 0 | 84.471 |
| 3 | Xây dựng khu tái nghĩa địa phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án khu đô thị Nam Thái | 2021­  2022 | 4.000 | 0 | 4.000 | 0 | 4.000 |
| 4 | Giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng trụ sở Công an thành phố Phổ Yên | 2021­  2022 | 9.800 | 0 | 9.800 | 0 | 0 |
| 5 | Nhà văn hóa xóm Thành Lập, xã Hồng Tiến | 2021­  2022 | 1.500 | 0 | 1.500 | 0 | 2.000 |
| 6 | Cải tạo, chỉnh trang & mở rộng nghĩa trang xóm Thương & xóm Lại, xã Thuận Thành | 2021­  2022 | 9.000 | 0 | 9.000 | 0 | 0 |
| 7 | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ trợ trụ sở mới Ban chỉ huy Quân sự thị xã Phổ Yên | 2021­  2022 | 10.000 | 0 | 10.000 | 0 | 0 |
| 8 | Xây dựng trận địa phòng không tại xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên | 2021­  2022 | 2.000 | 0 | 2.000 | 0 | 0 |
| 9 | Cải tạo, nạo vét hồ Cơ Phi, xã Vạn Phái | 2021­  2022 | 2.000 | 0 | 2.000 | 0 | 2.000 |
| 10 | Chỉnh trang nút giao Yên Bình tại Km41 Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên | 2021­  2022 | 6.000 | 0 | 6.000 | 0 | 9.000 |
| 11 | Xây dựng trường mầm non Bãi Bông | 2021­  2022 | 3.000 | 0 | 3.000 | 0 | 25.000 |
| 12 | Tái định cư phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 đi khu dân cư Tân Tiến | 2021­  2022 | 1.000 | 0 | 1.000 | 0 | 1.500 |
| 13 | Lắp đặt hệ thống đèn trang trí tuyến đường Nguyễn Cấu & tuyền đường từ Quốc lộ 3 đi khu dân cư VIF | 2021­  2022 | 5.700 | 0 | 5.700 | 0 | 7.500 |
| 14 | Lắp đặt hệ thống đèn trang trí tuyến đường Phạm Tu & tuyến đường tỉnh 261 (cầu Rẽo - UBND xã Đắc Sơn) | 2021­  2022 | 4.500 | 0 | 4.500 | 0 | 7.000 |
| 15 | Lắp đặt hệ thống đèn trang trí tuyến đường từ đền thờ liệt sĩ đi đường sắt Hà Thái | 2021­  2022 | 1.800 | 0 | 1.800 | 0 | 2.520 |
| 16 | Mở rộng nghĩa địa xóm Rùa, xã Đông Cao phục vụ giải phòng mặt bằng dự án Cụm công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2 | 2021­  2022 | 22.000 | 0 | 0 | 22.000 | 21.800 |
| 17 | Mờ rộng nghĩa địa xóm Dò & xóm Trung, xã Đông Cao phục vụ giải phòng mặt bằng dự án Cụm công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2 | 2021­  2022 | 22.000 | 0 | 0 | 22.000 | 21.800 |
| 18 | Tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án cụm công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2 xã Đông Cao | 2021­  2022 | 78.000 | 0 | 0 | 78.000 | 77.350 |
| 19 | Tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án cụm công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2, xã Tân Phú | 2021­  2022 | 84.000 | 0 | 0 | 84.000 | 84.495 |
| 20 | Mở rộng nghĩa địa thôn Tảo Địch, xã Tân Phú phục vụ giải phòng mặt bằng dự án Cụm công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2 | 2021­  2022 | 3.000 | 0 | 0 | 3.000 | 3.000 |
| 21 | Mờ rộng nghĩa địa thôn Vân Trai, xã Tân Phú phục vụ giải phòng mặt bằng dự án Cụm công nghiệp Tân Phú 1, Tân Phú 2 | 2021­  2022 | 16.000 | 0 | 0 | 16.000 | 17.000 |
| 22 | Tái định cư, tái nghĩa địa phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng dự án khu công nghiệp Điềm Thụy - Khu B | 2021­  2022 | 80.000 | 0 | 0 | 80.000 | 80.000 |

# Phần thứ năm KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phổ Yên là đô thị trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch, trung tâm giao thương phát triển kinh tế phía Nam của tỉnh Thái Nguyên với vùng Thủ đô, có tầm quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và việc mở rộng không gian đô thị đã có những tác động nhiều mặt đến sự phát triển của các xã: Đắc Sơn, Nam Tiến, Tiên Phong, Tân Phú, Thuận Thành, Đông Cao, Hồng Tiến, Tân Hương, Trung Thành làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập phường để đáp ứng yêu cầu phát triển và quản lý đô thị. Việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế, giảm tải gánh nặng ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ người dân tốt hơn; đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho thị xã Phổ Yên có cơ hội tăng cường thu hút đầu tư, tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao hơn nữa đời sống Nhân dân, tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng của các xã, phường; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước, đảm bảo an ninh - quốc phòng đáp ứng nguyện vọng của đảng bộ, chính quyền, Nhân dân tỉnh Thái Nguyên nói chung và Nhân dân thị xã Phổ Yên nói riêng.

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định hiện hành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xây dựng “Đề án thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên” kính trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Chính phủ;  - Bộ Nội vụ;  - TT Tỉnh uỷ;  - TT HĐND tỉnh;  - CT và các PCT UBND tỉnh;  - Các thành viên Ban Chỉ đạo;  - Sở Nội vụ;  - LĐVP: Đ/c Minh;  - Lưu: VT, NC.  Taint\DeAn.15b. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trịnh Việt Hùng** |



1. Riêng tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị để thành lập phường đã được Bộ Xây dựng đánh giá cơ bản đạt tại Văn bản số 3028/BXD-PTĐT ngày 02 tháng 8 năm 2021. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trên địa bàn xã Đông Cao đang có 01 chợ truyền thống đang hoạt động là chợ Chã với diện tích 1.750m2 chưa đủ diện tích theo quy định (tại Bảng 2.4 QCVN 01:2021/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng thì quy mô tối thiểu chợ là 2.000 m2/công trình). Ngoài ra, trên trục đường từ Quốc lộ 3 vào đến trung tâm xã có các cửa hàng kinh doanh, cửa hàng tiện ích, cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân xã Đông Cao, Tân Phú và xã Hòa Sơn, Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định 1166/QĐ-UBND và Quyết định 1188/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về việc thành lập cụm Công nghiệp Tân Phú 1 và Tân Phú 2, thị xã Phổ Yên. Trong đó chấp thuận cho Công ty Cổ phần công nghệ viễn thông Sài Gòn (SAIGONTEL) triển khai thực hiện với tổng diện tích đất dự kiến thu hồi 240 ha, trong đó dự kiến dành hơn 110 ha để xây dựng khu tái định cư và khu đô thị mới tại xã Tân Phú, Đông Cao và dự kiến xây dựng 01 trung tâm thương mại với diện tích từ 2.500-3000m2 để phục vụ nhân dân trong xã Tân Phú, Đông Cao và các địa phương lân cận. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trên địa bàn xã Tân Phú đang có 02 Trung tâm trưng bày giới thiệu sản phẩm tại xóm Đình và xóm Trại do công ty cổ phần Hải Đăng đầu tư với quy mô 9.760m2. Tại đây trung bày và bán các mặt hàng nhu yếu phẩm cho nhân dân trong vùng. Ngoài ra còn là điểm trung bày, giới thiệu và bán các sản phẩm OCOP của tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định 1166/QĐ-UBND và Quyết định 1188/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 về việc thành lập cụm Công nghiệp Tân Phú 1 và Tân Phú 2, thị xã Phổ Yên. Trong đó chấp thuận cho Công ty Cổ phần công nghệ viễn thông Sài Gòn (SAIGONTEL) triển khai thực hiện với tổng diện tích đất dự kiến thu hồi 240 ha, trong đó dự kiến dành hơn 110 ha để xây dựng khu tái định cư và khu đô thị mới tại xã Tân Phú, Đông Cao và dự kiến xây dựng 01 trung tâm thương mại với diện tích từ 2.500-3000m2 để phục vụ nhân dân trong xã Tân Phú, Đông Cao và các địa phương lân cận. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2018 - 2020 của tỉnh Thái Nguyên lần lượt là: 6,7%, 9%, 4,24%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tỷ lệ hộ nghèo 3 năm 2018 - 2020 của tỉnh Thái Nguyên lần lượt là:

   - Năm 2018: 6,39% theo Quyết định số 1052/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

   - Năm 2019: 4,35% theo Quyết định số 835/QĐ-LĐTBXH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

   - Năm 2020: 2,82% theo Quyết định số 576/QĐ-LĐTBXH ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. [↑](#footnote-ref-5)